

15 THÁNG 12 NĂM 1966

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm thứ mười

NGUYỄN TRỌNG VĂN *nhà văn và nhà trí thức* ★
CUNG GIỮ NGUYÊN *hiện tượng đế-quốc thực dân* ★
NGUYỄN GIA TƯỜNG *trẻ có tư chất (dịch Carl Jung)* ★ ĐOÀN THÊM *những ngày chưa quên : các*
chánh phủ từ năm 1949 — 1954 ★ VŨ HẠNH *nói*
chuyện « thiện » ★ TỪ TRÌ bầu cử 1966 *phản ảnh*
sự tiến-triển của xã hội Hoa-kỳ ★ Y. UYÊN *mở*
cát ★ MỘNG TRUNG *hôn nhân dị chủng* ★ THẾ UYÊN
tiền đồn ★ BÙI KIM ĐÌNH *ngày qua cửa sổ* ★ VU
ĐOÀI *cho hẹn* ★ NGUYỄN NHO NHỢN *nói với*
bằng hữu ★ **SINH HOẠT** *thời sự văn nghệ* ★
lễ trao tặng giải thưởng
truyện dài 1966 của
Hội Bút - Việt ★

239

SOCIETE FRANCAISE DES DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

SOCIETE ANONYME

AU CAPITAL DE 3.759.750 FRS

Siège social : 50 Rue de Lisbonne -:- PARIS 8^e

DIRECTION et USINE AU VIETNAM

406, Bến Lê - Quang - Liêm -:- CHOLON

Adresse Télég. : DISTAMY

Boîte postale : CS. SAIGON

Téléphone Saigon 36.625 — 36.626

- **SES SIROPS**
- **SA PARFUMERIE**
- **SON VINAIGRE**
- **SES ALCOOLS INDUSTRIELS
ET PHARMACEUTIQUES**



BÁCH

KHOA THỜI ĐẠI

Số 239 ngày 15 - 12 - 1966

NGUYỄN TRỌNG VĂN <i>nhà văn và nhà trí thức</i>	3
CUNG-GIỮ-NGUYỄN : <i>hiện tượng để quốc, thực dân</i>	7
ĐOÀN-THÊM : <i>những ngày chưa quên :</i>	
<i>Các chính phủ từ năm 1949 — 1954</i>	17
NGUYỄN GIA TƯỜNG <i>trẻ có tư chất (dịch CARL. G. JUNG)</i>	31
MỘNG-TRUNG : <i>hôn nhân dị chủng</i>	37
VU HẠNH <i>nói chuyện "thiền"</i>	41
TỪ-TRÌ <i>Bầu cử 1966 phản ánh sự tiến triển của xã hội Hoa-kỳ</i>	49
THẾ UYÊN : <i>tiền đồn (truyện dài)</i>	57
Y UYÊN <i>mỏm cát (truyện ngắn)</i>	61
VU ĐOÀI <i>cho hện (thơ)</i>	72
BÙI KIM ĐÌNH <i>ngày qua cửa sổ (truyện ngắn)</i>	73
NGUYỄN NHO NHƯƠN <i>nói với bằng hữu (thơ)</i>	79
SINH HOẠT	
TRÀNG THIÊN : <i>thời sự văn nghệ</i>	81
THẾ NHÂN <i>giải thưởng truyện dài Bút Việt</i>	83
THIỆN Ý : <i>đại hội Quân Y</i>	85
<i>Thư ngỏ của tạp chí Tin-Văn</i>	86



Calcithérapie physiologique

Calcigénol Vitaminé



Couvre les besoins
Compense les pertes

Flacon de 300 cm³ d'une suspension
colloïdale titrée à

- Phosphate tricalcique... 0,90 g. p. 100
- Vitamine D³ 3.300 U.I.

*De 2 cuillerées à café à 3 cuillerées
à soupe par jour selon l'âge.*

CURES DE 15 JOURS PAR MOIS

RACHITISME - OSTEOPOROSE
RETARDS DE CROISSANCE
GROSSESSE - ALLAITEMENT
CONVALESCENCES - FRACTURES

Distributeur : UFFARMA Công Ty
20A Bến Bạch Đằng, SAIGON — Tél. 20055



Nhà văn và nhà trí thức

khi nhà văn viết một cuốn tiểu thuyết ông là nhà văn, khi ông lên tiếng về những cực hình tại Algérie thì ông là nhà trí thức.

EDGAR MORIN

Nhà văn làm văn, nhà trí thức dùng văn. Đối với nhà văn điều quan trọng là viết như thế nào, viết ra sao, với nhà trí thức vấn đề chủ yếu là viết cái gì chứ không phải viết cách nào. Chất liệu chung của nhà văn và nhà trí thức là ngôn từ nhưng mỗi người đã xử dụng ngôn từ theo một chủ đích khác nhau. Tất cả công việc của nhà văn là xử dụng ngôn từ, công việc này không nhằm chuyên chở, ám chỉ hay nói tới cái gì xử dụng để xử dụng, viết để viết. Tự nó việc lựa chọn câu văn, hình thức, bố cục, sửa câu sửa ý... trở thành chính mục đích của nhà văn. Nhà văn như không quan tâm đến cuộc đời mà chỉ chú trọng đến vũ trụ văn-chương của ông nhưng chính trong khi chìm đắm trong vũ trụ đó mà nhà văn tìm lại được cuộc đời. Nhà văn coi văn chương như một cùng đích nhưng cuộc đời trao trả nó như một phương tiện, nhà văn cố tìm lại vũ trụ văn-chương cùng-đích và cuộc đời, lại trao lại vũ trụ văn-chương-phương-tiện, chính trong sự cố gắng, thất vọng liên tục đó nhà văn tìm lại được cuộc đời, cuộc đời khác lạ xa cách mà văn chương thể hiện nó như một tra vấn chứ không bao giờ như một đáp số, một trả lời. Ngay khi nhà văn xác định một điều gì thì ông cũng còn tra hỏi nữa. Không nên đòi hỏi nhà văn dẫn thân tác phẩm của ông ta như người lính dẫn thân ngoài mặt trận.

Nhà văn chìm trong cơ cấu ngôn ngữ, muốn ông dẫn thân vào cơ cấu cuộc đời thì phải lôi ông khỏi cơ cấu văn chương, nếu không ông không thể làm tròn hai bổn phận cùng một lúc. Không thể vừa coi văn chương như cùng đích vừa dùng nó làm phương tiện. Anh Tư có thể là thợ cày lúc này và nhạc sĩ lúc khác chứ không thể vừa là nhạc sĩ vừa là thợ cày cùng một lúc. Nhà văn cũng vậy, ông có thể là nhà văn lúc này và là người tranh đấu xuống đường lúc khác chứ không thể vừa xuống đường vừa là nhà văn. Có những nhà văn lớn không nhập cuộc cũng như có những người nhập cuộc dùng chữ như nhà văn nhưng không phải là nhà văn, lại càng không phải là nhà văn lớn. Điều ta có thể đòi hỏi ở nhà văn và nhà văn có thể làm được là phải có niềm tin rằng sự dẫn thân của ông chỉ là một dẫn thân nửa vời. Roland Barthes nói : « Với nhà văn, trách nhiệm đích thực là chấp nhận văn chương như một dẫn thân đứt đoạn, như cái nhìn của Moïse về vùng đất hứa Thực tại ».

Nhà trí thức có một mục đích. Ông dùng văn chương để biện minh, để tố cáo hay để bày tỏ một thái độ. Với nhà văn, văn chương là mục đích, với nhà trí thức văn chương là phương tiện. Trong lúc viết đôi khi nhà trí thức cũng nghĩ đến kỹ thuật viết nhưng đó không phải là mối bận tâm chính của ông. Xã hội chấp

nhận văn nghệ sĩ và dành cho họ một chân đứng, tác phẩm của họ trở thành những món hàng mà dân chúng tiêu thụ. Nhà văn biến tư tưởng thành tiêu thụ phẩm. Nhà trí thức khó tìm được một chân đứng, họ không thể đứng trong tháp ngà nhưng nếu tranh đấu như mọi người thì họ cũng dễ bị lằm lẩn như mọi người. Nhà trí thức không bán tư tưởng như nhà văn, ông lên tiếng một cách khản thiết nhưng có khi ý kiến hoặc đề nghị của ông không được xã hội chấp nhận. Dù sao ông cũng lên tiếng vì vai trò của ông là *“nói lên điều mình suy nghĩ trong mọi hoàn cảnh và không chậm trễ”*. Có một cơ cấu để tiếp nhận những sản phẩm của nhà văn đó là thị trường văn nghệ nhưng không có một cơ cấu nào để tiếp nhận sự lên tiếng của trí thức: có những đại học, những hội nghiên cứu, những hoạt động chính trị... nhưng đây không phải là cơ cấu đề ngôn ngữ xuất hiện như một *chủ đích* mà chỉ là cơ cấu coi ngôn ngữ như một *phương tiện*.

Sự khác biệt giữa nhà văn và nhà trí thức về mục đích và phương thức viết cũng như chân đứng của họ trong xã hội thật ra không rõ ràng. Khi nhà văn viết một cuốn tiểu thuyết ông là nhà văn, khi ông lên tiếng về những cực hình tại Algérie thì ông là trí thức (E. Morin). Có sự biến thể dần dần: nhà văn trở thành nhà trí thức và nhà trí thức trở thành nhà văn. Vào thời đại này, chúng ta đã sinh ra quá muộn để có thể trở thành những nhà văn lớn cũng như quá sớm để trở thành những nhà trí thức được người ta nghe theo.

oOo

Viết chủ yếu nhằm gửi tới cho

người khác đọc nhưng không phải ai cũng có thể viết, có thể đọc. Khi người ta phải lo nghĩ quá nhiều về các vấn đề thường nhật (sinh kế, chuyên chở, nhà cửa...) thì không thể viết cũng như không thể đọc được. Viết và đọc đòi hỏi một sự rảnh rỗi suy nghĩ và yên tĩnh tối thiểu, Engels đã nói rất đúng rằng con người trước tiên phải lo cho có đủ cơm ăn, áo mặc, nhà ở... rồi mới có thể nói tới chính trị, khoa học *nghệ thuật*. Tại các nước tiền tiến, đời sống dân chúng được bảo đảm, dân chúng không phải lo nghĩ về sinh kế nên nghệ thuật trở thành một nhu cầu tiêu khiển, một sinh hoạt cần thiết *không có không được*. Có nhiều người có thể viết và có rất nhiều người có thể đọc vì hoàn cảnh xã hội, kinh tế, chính trị... *thuận tiện cho việc viết và việc đọc*. Cũng tại đó các nhà trí thức tuy rất nhiều nhưng không có ảo tưởng về sứ mạng của mình và dân chúng cũng không trông đợi ở nhà trí thức như trông đợi ở nhà phù thủy mà mỗi lời nói có giá trị như một phép lạ, điều thường xảy ra tại các nước chậm tiến.

Nhà văn Việt Nam thường là những người có sẵn một nghề nghiệp (công chức, giáo sư, luật sư, sĩ quan...), viết văn đối với họ chỉ là một sinh hoạt phụ, *có cũng được mà không cũng không sao*. Có thể nói chúng ta chỉ có những nhà báo chứ *chưa có nhà văn*, nếu hiểu nhà văn là người sống bằng nghề viết văn. Đối với quần chúng thì đọc văn không phải là một nhu cầu cần thiết. Họ cần bất cứ cái gì để đọc, để tiêu khiển sau những giờ làm lụng mệt nhọc (kiếm hiệp, truyện khiêu dâm, phim thoát y, đánh bạc, chơi gái...)

chứ không đòi hỏi những tác phẩm nghệ thuật, nhất là những kiệt tác. Sáng tác của văn nghệ sĩ không trở thành tiêu thụ phẩm vì không có thị trường để tiêu thụ những sáng tác đó. Phải bán vỉa hè. Tại sao kiệt tác tinh thần, mà không giá trị bằng bát phở. Quần chúng không bao giờ đặt câu hỏi đó vì khi họ chưa đủ tiền để ăn phở thì làm sao họ có thừa tiền để xem truyện siêu hình hoặc xem tranh siêu thực. Mà tại sao lại là kiệt tác? Kiệt tác với ai? cho ai? Tác giả quá thừa và độc giả quá thiếu. Mỗi nhà văn có thể coi mình như một thiên tài dù là những thiên tài không có người ái mộ. Đáng lý nhà văn phải tìm hiểu tại sao tác phẩm của họ lại phải bán vỉa hè và tìm cách chấm dứt tình trạng đó thì họ làm như thể đó là việc của người khác, họ không cần bàn tới. Trong một xã hội mà văn nghệ chưa thành nhu cầu của đại đa số, quần chúng thì những người cầm bút cần phải làm một cái gì khác chứ không thể yên tâm sáng tác, dù với tư cách một công dân hay với tư cách một người cầm bút thì thái độ này cũng cần phải xét lại.

Tình trạng của trí thức lại càng bi đát hơn nữa. Việt Nam chưa có hạng trí thức cách mạng như tại Âu châu, nếu có thì cũng rất là ít vì chưa đóng góp được gì đáng kể, một phần vì chưa được chuẩn bị để hành động phần khác vì không muốn và không dám hành động. Trí thức là sản phẩm của nền giáo dục và là tinh hoa của một dân tộc, trí thức Việt nam được đào tạo bằng giáo dục tây phương để sống ở Tây phương nhưng chỉ được đào luyện nửa chừng để bị quăng vào

xã hội Việt Nam chậm tiến, trí thức không đủ khả năng để xoay chuyển xã hội đó. Phải nhận rằng trí thức không nhất thiết là giáo sư đại học, bác sĩ, kỹ sư... mà bao gồm cả nhà văn, nhà báo, văn nghệ sĩ, không nên đòi hỏi ở những người-mà-ta-tưởng-là-trí-thức những điều họ không thể làm được. Không đòi hỏi ở nhà văn, nhà trí thức, giáo sư đại học những gì ngoài phạm vi của họ nhưng cũng không ai có quyền ngăn cản nhà văn. Nhà trí thức, giáo sư đại học vượt ra ngoài phạm vi của họ cả. Họ ở trong phạm vi không phải vì họ không được huấn luyện để vượt ra ngoài mà vì ở trong có lợi hơn, họ không muốn vượt ra ngoài phạm vi không phải vì họ tôn trọng nguyên tắc mà vì vượt ra ngoài có thể có hại cho họ và cho gia đình họ, thành thử vấn đề là can đảm hay bèn nhát chứ không phải nguyên tắc hay không nguyên tắc. Đôi khi họ cũng lên tiếng như thể họ tranh đấu, họ can đảm, họ nhận lãnh trách nhiệm nhưng thực ra họ chỉ lên tiếng trong một giới hạn mà thôi họ không dám vượt qua giới hạn đó vì sợ bị thiệt thòi, nguy hiểm. Không dám vượt qua nhưng bề ngoài họ cứ làm như thể mình đã vượt qua rồi để tự dối lương tâm và để đón nhận sự kính trọng nơi người khác.

Không phải ai cũng có thể lý luận, có thể sống với ngòi bút hoặc lên tiếng bằng chữ viết, chỉ có những người có đủ điều kiện mới làm được những việc đó. Trước đám quần chúng thiếu cơ hội để sử dụng trí óc và lý luận của mình thì những người có thể sử dụng ngòi bút phải được coi là những người được ưu đãi, may mắn. Trong chiều hướng đó, thái độ trả vờ vô tội của nhà văn và thái độ im lặng thụ hưởng

của trí thức đều là những thái độ phải xét lại. Ở những nước tiền tiến không nhất thiết chỉ nhà văn, nhà trí thức và giáo sư đại học mới có thể sống thanh thản bằng trí óc *nhưng tại những nước chậm tiến chính bằng cấp đã đưa tới quyền hành, địa vị và ưu đãi*, chính nhờ một chân đứng tương đối vững vàng bảo đảm đó mà người ta có thể nói, có thể viết được. Tất cả vấn đề là tại sao những người có thể nói, có thể viết lại không đóng góp một cách tích cực hơn để giúp quần chúng có thể nói, có thể đọc những tác phẩm đáng lý dành cho họ, nói cách khác, đóng góp vào việc xây dựng một cơ cấu tốt đẹp hơn. Khi nhà văn và trí thức không được nói hoặc viết những điều họ muốn nói muốn viết thì họ quay ra viết những điều họ không muốn nói, không muốn viết. Đây là một tình trạng bạo động *phải thanh toán* chứ không thể coi như một trạng thái bình thường có thể kéo dài mãi được, nếu không chữ nghĩa sẽ có tác dụng che dấu sự bạo động và vô tình những người tưởng mình là nhà văn, nhà trí thức trở thành những kẻ duy trì tình trạng bạo động bằng cách coi như không có tình trạng bạo động trên.

Nhà văn Việt Nam không thể là nhà văn Tây phương, các văn nghệ sĩ Âu Mỹ có thể chỉ đặt vấn đề *viết thế nào* vì xã hội họ không đòi hỏi ở nhà văn điều gì khác hơn nữa. Khi nắm chữ nghĩa trong tay các văn nghệ sĩ Việt Nam không thể không đặt vấn đề *viết cái gì, để làm gì và viết cho ai*, nói cách khác, từ thái độ nhà văn người ta tiến sang thái độ trí thức. Trước những vấn đề nóng bỏng của quần chúng, của sinh viên, các nhà văn, nhà trí thức, giáo sư đại học tại Âu Mỹ có thể im lặng nhưng tại các nước chậm tiến thái độ này của nhà văn, của trí thức và giáo sư đại học có

ý nghĩa như một *lần tránh* Ai có thể thay thế họ đề dùng chữ, đề lý luận, đề ăn nói và quần chúng còn có thể trông đợi vào ai nữa? Nhà văn, nhà trí thức và giáo sư đại học đã mất chân đứng trong quần chúng vì từ trước đến nay họ chỉ đứng *bên ngoài và bên trên* quần chúng trong khi đáng lý họ phải đứng *bên cạnh và bên trong* quần chúng.

Pierre Fougeyrollas đã nói rất đúng rằng tại những nước đã có một nền dân chủ thì vai trò của trí thức sẽ giảm đi nhưng tại những nước còn trong tình trạng độc tài và thuộc địa thì trí thức vẫn đóng một vai quan trọng. Hình như chúng ta có quá nhiều, nhà văn và có quá ít nhà trí thức. Vấn đề đặt ra là hiện nay xã hội chúng ta cần những nhà văn hay những nhà trí thức nếu hiểu trí thức như những người dám nói lên sự thật và dám tranh đấu cho sự thật đó?

NGUYỄN-TRỌNG-VĂN

SÁCH MỚI

— Giải thích tập thơ của Trang Châu, do Sông Mã xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 50 trang, bìa Nghiêu Đề, tựa Đặng Tiến gồm gần 30 bài thơ. Giá 30đ.

— Sự đã rồi truyện phim « Les jeux sont faits » của Jean Paul Sartre, bản dịch của Trần-Phong Giao và Nguyễn-Xuân-Hoàng. do Giao-Điễm xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 164 trang. Bản đặc biệt không đề giá.

— Con suối mùa xuân tập truyện của Võ-Hồng do Lá Bối xuất bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 170 trang, gồm 7 truyện đặc-sắc của nhà văn rất quen thuộc đối với bạn đọc Bách-Khoa. Bản đặc biệt không đề giá.

● CÙNG - GIỮ - NGUYÊN (3)

(Xin xem B.K.T Đ. từ số 237)

Hiện-tượng Đê-quốc Thực-dân

Tình trạng bất an của nhân loại hiện thời là do sự xung đột ngấm ngầm hay công khai vì những mộng đế-quốc được che đậy bằng các danh-từ tốt đẹp, vì sự đố-ky giữa kiêu căng và tự-ái của những cộng-đồng đông đảo, được các quan-niệm chính-trị và triết-lý lỗi thời chi phối...

Nói những nước mạnh ngày nay không còn nuôi mộng đế-quốc thực-dân nữa, chắc hẳn không được đúng. Chỉ nên nhận rằng mộng đế-quốc bây giờ không còn điều kiện dễ dãi như hồi trước để thể-hiện. Vào thế-kỷ 18 hay 19, các quốc-gia Tây-Âu tự xem được thoả-mãn khi chia nhau những lãnh-thò quá rộng-lớn đối với khả năng khai thác ; các nước còn liên kết với nhau để duy-trì ưu-thế, chống lại các phong-trào tự-trị và độc-lập. Dân-trí của đa-số dân bị trị quá thấp kém, làm cho việc đô-hộ có thể duy-trì một cách dễ dàng. Nhưng nay, sự phát triển vượt bậc của đại-kỹ-nghệ, sự tăng-gia khủng khiếp các sản-phẩm trong lúc thị-trường bị thu hẹp hay đã phân định, các dân-tộc hậu-tiến đã học được nhiều khôn ngoan, và từ 1917  Nga Sô cũng vì cần bành-trướng thế-lực phải dùng mọi phương-tiện để

ngăn chặn sự bành-trướng của kẻ khác, và nếu có thể, để dành chỗ của nước Tây-phương, ngự-chế đời sống của các quốc-gia kém mở mang.

Chính vì những nguyên-nhân dễ hiểu ấy, Nga Sô cùng các nước chư-hầu phải chia mũi dùi nơi một cường-quốc tiêu-biểu nhất, nguy-hiểm nhất trong việc gây ảnh-hưởng trên toàn thế-giới. Tất cả tội ác phải gán cho địch-thủ số một là Hoa-Kỳ, trong đó dĩ-nhiên phải có tội đế-quốc thực-dân.

Những dữ-kiện không giúp gì nhiều cho luận-diệu của thế giới cộng-sản. Xét lại dĩ-vãng, Hoa-Kỳ, chẳng giống như các đế-quốc thực-dân Âu-Châu. Việc mua lại Alaska, chính của Nga, hay việc chiếm quần-đảo Hawaii, không phải là bằng chứng đủ buộc tội.

Nhưng còn Phi-luật-tân trước kia ? Thí-dụ Phi-luật-tân sẽ không quả quyết lắm. Đây không phải là một trường-hợp chiếm-đoạt tàn bạo, và dân Phi liên-hệ

đã từng ca-tụng nền đồ-hộ của Hoa-Kỳ quá rộng rãi và thân-thiện. Có lẽ vì những nhà lãnh-đạo Hoa-Kỳ thời đó đã trải qua cảnh lương-tâm bất-an vì sự mâu-thuẫn căn-bản : chiếm thuộc-địa, cai-trị một dân-tộc khác thật trái hẳn với nguyên-lý tốt đẹp đã làm nên sự-nghiệp ly-khai và độc-lập của Hoa-kỳ. Làm sao quên được câu của tổng-thống Jefferson, tác-giả bản tuyên-ngôn Độc-lập : Mọi người và mọi đoàn-thể trên trái đất, đều có quyền có chính-phủ tự-trị ? Thêm vào đó, tại Hoa-Kỳ lúc bấy giờ, chẳng ai có ý nghĩ gì về việc chiếm quần-đảo Phi-luật-tân. Có thể nói, Hoa-Kỳ đã trở nên đế-quốc, vì *bất-đắc-dĩ* !

Lẽ *bất-đắc-dĩ*. Anh-quốc đã từng dùng đến đề bào chữa cho tình ngay của mình. Người Anh bác bỏ dư-luận cho rằng Anh là đế quốc thực-dã đầu tiên khi những vùng đất mới được khám phá trên hoàn-cầu. Chính dân Bồ-đào-nha mới là người đầu tiên, nhờ Hoàng tử Henri thúc đẩy và chỉ đường đi Phi-châu, đi Ba-tây, đi phương Đông, từ thế-kỷ 15 và 16. Chính người Tây-ban-nha đã giúp cho Kha-luân-bố qua Mỹ, đổ bộ tại đảo Bahamas năm 1492 và mười năm sau tại đất liền. Tây-ban-nha và Bồ-đào-nha đã dành quyền sở-hữu toàn-thể lục-địa và đại-dương mà dân họ đã tìm được. Trong gần một thế-kỷ, không nước nào phủ-nhận quyền ấy. Những người như John Hawkins và Francis Drake, nhận thấy không thể buôn bán làm ăn yên ổn trong phạm vi lãnh-thổ của hai nước trên, nhất định chống lại thứ độc-quyền phi-lý ấy. Năm 1580, Drake thực hiện một hành-trình quanh thế giới, đem về những chuyện của cái thần tiên của Tây Ấn (West Indies).

Cũng năm ấy, đế quốc Tây-ban-nha nuốt đất của Bồ, và năm 1588, sự thất bại của « Hạm-đội vô-địch » của Tây-ban-nha làm cho uy-quyền Anh-quốc trên mặt bể được vang lừng. Mặc dầu những công-trình của Drake, Lancaster, Raleigh và những tay phiêu-lưu gian-hùng khác, chính người Hòa-Lan và Pháp mới là thừa-kế của Tây-ban-nha và Bồ-đào-nha trong việc chiếm đất đai hải-ngoại. Khi Anh bắt đầu đặt chân ở Tân-thế-giới, Hòa-Lan đã giữ độc-quyền khai thác tại Đông Ấn (East Indies), tại Tây Phi, và Pháp đã đặt nền thống-trị tại Ấn-độ. Vào thế-kỷ 17, chiến-tranh chống Tây-ban-nha và Hòa-Lan đã ảnh-hưởng trực-tiếp đến vấn-đề thuộc-địa ; chiếm một lãnh-thổ chỉ là một hậu-quả chính-trị. Ví dụ, vì người Tây-ban-nha đàn áp những công-dân Anh lập nghiệp ở Tây-Ấn, mới đưa đến việc lấy đảo Jamaica của Tây-ban-nha năm 1655. Nguyên-nhân thật là Cromwell muốn cho Tây-ban-nha một trận đòn, chứ không phải vì muốn một thuộc địa mới. Cứ theo chiều hướng ấy, càng mạnh trên biển, chiến-thắng càng dễ dàng, và khi đoạt được kết-quả, làm sao chống lại sự cám dỗ là gây chiến-tranh để cướp thêm thuộc địa, dành những điểm chiến-lược, bảo vệ hay giữ độc-quyền về những trục giao - thông thương mại của mình ? Nguyên-nhân phụ có khi đã trở thành nguyên-chân chính.

Cũng như người Anh, người Hoa-Kỳ có đủ sự-kiện lịch-sử để chứng minh lòng ngay của mình, khi *bất ắc dĩ* phải lấy Phi-luật-tân. Sau mấy mươi năm độc-lập, sau khi đã trở nên hùng mạnh, Hoa-Kỳ buộc phải trừng trị hành-vi quá-đáng của mấy nhà cai-trị Tây - ban - nha tại đảo Cuba.

Chiến-tranh với Tây - ban - nha bắt đầu tháng tư năm 1898. Lúc bấy giờ, người ta chỉ muốn giải phóng Cuba. Khẩu-hiệu lúc đầu « Cuba tự-do » sau được thay thế bằng « Đẻ bẹ Tây-ban-nha! » Hạm-đội Mỹ ở Thái-bình-dương, dưới sự chỉ huy của Dewey, được lệnh rời Hương-Cảng, đi đánh «thành-trị» của Tây-ban-nha nơi quần-đảo Phi. Với vài đạn đại-bác, Dewey làm tan tành chiến-thuyền gỗ của đô-đốc Montojo trong vịnh Manila và đồng thời dân Phi nổi dậy, phụ-lực đánh đuổi Tây-ban-nha.

Hiệp-ước Ba-Lê ngày 10-12-1898 làm Tây-ban-nha mất các thuộc-địa cũ. Cuba độc-lập. Porto-Rico và Guam chuyển qua cho Hoa-Kỳ. Còn Phi-luật-tân, Hoa-Kỳ trả cho Madrid 20 triệu mỹ-kim, mà trong hiệp-ước, không có khoản nào nói đến số phận quần đảo ấy. Thật ra, sau khi chiến thắng, Hoa Kỳ chẳng biết làm gì với Phi-luật-tân. Dư-luận Hoa-Kỳ phân vân. Khi khởi sự chiến-tranh, dân Hoa-Kỳ đã lăm dân Phi với dân Philippes mà thánh Paul đã có gởi một bức thư lưu-danh. Nay, dân Hoa-Kỳ lại đọc được trong báo *Christian Science Monitor* bài tường-thuyết cuộc tiếp-kiến của tổng-thống Mc. Kinley với một phái-đoàn tôn-giáo. Bài báo viết:

«Phái-đoàn cáo về. Tổng-thống giữ lại...— Mời các ngài ở lại một chốc. Tôi muốn trình cho các ngài biết đôi chút về chuyện Phi-luật-tân. Sự thật là tôi đâu muốn quần đảo đó đã rơi xuống cho chúng ta như một quà Thượng-Đế ban cho, tôi chẳng biết làm gì. Tôi đã xin ý kiến mọi nơi, phía Dân chủ cũng như phía Cộng-Hoà. Lời khuyên của họ chẳng giúp gì cho tôi cả. Trước kia tôi chỉ định giữ Manila mà thôi, rồi Luzon, rồi

có lẽ thêm vài hòn đảo khác. Đêm này đến đêm khác, tôi bách bộ trong Bạch Cung cho đến sáng. Mà tôi chẳng e thẹn thú nhận cùng quý ngài rằng đã nhiều lần tôi đã quỳ xuống để xin Thượng-Đế giúp đỡ và soi sáng tôi. Một đêm, ánh sáng đã đến. Tôi hiểu rõ ràng, không biết cách thế nào, nhưng đây là một sự thật. Tôi nhận-định rằng: 1.— Chúng ta không thể trả Phi-luật-tân lại cho Tây-ban-nha, nếu thế thì hèn và nhục. 2.— Chúng ta cũng không thể nhường lại cho Pháp hay cho Đức, những nước cạnh tranh thương mại với chúng ta ở Phương-Đông, một hành-động như thế sẽ không hay, không danh-giá. 3 — Chúng ta không thể trao Phi-luật-tân cho dân họ. Vì họ không đủ sức cai-quản và chẳng bao lâu sẽ lâm vào cảnh hỗn loạn hơn dưới thời Tây-ban-nha thống-trị. 4 — Chỉ còn một giải-pháp là chúng ta phải chiếm hết quần đảo ấy, để truyền bá cho dân Phi học-vấn văn-minh, để làm cho họ trở nên người ngoan-đạo, và nhờ ơn Chúa, cố gắng hết sức chúng ta để giúp họ như giúp anh em đồng loại, mà cũng vì những người này Chúa Ki-tô đã chết. Và tôi gục xuống ngủ. Và tôi ngủ say. » (6)

Rủi cho dân phi, tướng Phi Aguinaldo không được Thượng-Đế soi sáng. Aguinaldo cho rằng đô-đốc Dewey, sau khi phá-hủy hạm-đội Tây-ban-nha, đã hứa trả độc-lập cho quần-đảo. Người Hoa-kỳ xác nhận sẽ trả, nhưng trong ít lâu nữa kia. Aguinaldo lại muốn độc-lập tức khắc. Vì hai quan-điểm không dung hoà được, chiến-tranh lại bùng nổ, lần

(6) Paul Meusset — La théorie de l'assimilation bienveillante, trong *L'homme de couleur*, Plon, Paris, tr 126.

này giữa Hoa-kỳ và Phi. Đất Phi thuận tiện cho chiến-thuật du-kích. Hai bên đánh nhau đến ba năm. Aguinaldo không phải lãnh-tụ một phong-trào nhân-dân, mà chỉ đại-diện cho giai-cấp phong-kiến, hạng mà Tây-ban-nha gọi là *caciques*. lần đầu tiên trong lịch-sử Phi muốn dành quyền bá-chủ. Aguinaldo thất bại.

Năm 1901, Mc Kinley mới bắt đầu thực-hiện chương-trình mà « Thượng-Đế đã khêu gọi » cho ông. Một ủy-ban gồm những nhân-vật quan-trọng, trong số có ông Taft, sau này làm tổng-thống, được phái qua Manila để lập một chính-quyền dân-sự thay thế cho chính-quyền quân-sự. Phái-đoàn ấy thực hiện được nhiều công việc : lập lại trật-tự, luật-pháp, chống lại các tệ-đoan di-tích của chế-độ Tây-ba-nha, dựng những cơ-cấu chính-trị, đào-tạo cán-bộ, trang-bị kỹ-thuật, phát-triển kinh-tế, áp dụng chính-sách « đồng-hoá rộng lượng » (*benevolent assimilation*). Tuy nhiên, chính-sách trên có thể bị dư-luận nước ngoài xem là giả-dối, Hoa-kỳ chỉ muốn tìm thị-trường mới, dưới cớ biện nhân-đạo. Trong thật-tế, lời chỉ-trích không đứng vững, vì về kinh-tế, chính Hoa-kỳ đã chịu thiệt thòi suốt bốn mươi năm, khi nâng đỡ các sản-phẩm Phi, dừa, đường, thuốc lá, sợi gai, trên thị-trường quốc nội. Công-chức Hoa-kỳ tại Phi là năm ngàn trên một dân số 14 triệu. Không có hiện-tượng khai thác bóc lột dân chúng, và những trường-hợp lẻ tẻ đã bị trừng trị đích đáng.

Năm 1913, toàn-quyền Francis Burton Harrison, một nhân-vật được tổng-thống Wilson che chở, đến Manila với một chương-trình « Đất Phi của người Phi ». Nhiều biện-pháp hấp tấp

đưa đến những kết-quả tai hại trái ngược sự ước mong, khiến một số người Hoa-kỳ cho rằng cần một ít thời gian nữa mới có thể giao cho người Phi trách-nhiệm về nước của họ, đồng thời, một số dân Phi, bảo-hoàng hơn Vua, lại muốn cho Hoa-kỳ đừng rời khỏi đất Phi, sợ những cuộc chém giết hỗn loạn tái diễn.

Nhưng năm 1933, vì những lý-do chính-trị nội bộ, có thuyết cho là vì sự thúc đẩy của những nhà doanh-nghiệp, Hoa-kỳ muốn bảo-vệ quyền lợi, chống lại sự thiệt thòi khi sản-phẩm Phi được cạnh-tranh tự-do và bình-đẳng với sản-phẩm trong nước, quốc-hội Hoa-kỳ vượt qua phủ-quyết của tổng-thống Hoover cho Phi-luật-tân độc-lập kể từ năm 1946. Năm năm sau, tổng thống Roosevelt công khai chấp thuận bản tường-trình của Ủy-ban hỗn-hợp Mỹ-Phi soạn độc-lập Phi-luật-tân. Bản tường-trình đã ghi, độc-lập Phi sẽ bắt đầu ngày 4-7-1946. Chế-độ ưu-đãi về thương-mã giữa hai nước sẽ tiếp tục trong 15 năm sau ngày độc-lập. Những sự sửa đổi về thuế xuất nhập cảng sẽ được định cho sản-phẩm Mỹ và Phi, làm chế-độ ưu-đãi cứ mỗi năm bớt đi 5% để mất hẳn cuối năm 1960.

Trước thế-chiến thứ hai, đoán chừng sự hăm dọa của Nhật-bản, nhiều chính khách Manila đã yêu cầu hoãn việc trao độc-lập cho đến 1960. Nhưng chính-phủ Hoa-Kỳ đã bỏ qua những lời thỉnh cầu vị lợi (7) của số người hưởng nhờ quá

(7) Khi quân đội Hoa-Kỳ năm 1965 phải rời khỏi Cộng-Hòa Dominica cũng có một cuộc biểu-tình của phụ-nữ xứ ấy yêu cầu quân-đội Hoa-Kỳ ở lại. Có thể đoán được các phụ-nữ ấy thực là hèn nhát.

nhieu với sự hiện-diện của Hoa-kỳ trên đất Phi; chính-phủ Hoa-Kỳ cũng đã tránh được cám dỗ của sự chiếm đóng vĩnh viễn mà chẳng có lực-lượng nào đủ sức ngăn cản. Chính-phủ Hoa-Kỳ đã giữ lời cam-kết. « Đây là ngày chúng tôi đã mong đợi, đã cầu nguyện, đã tranh-đấu cho có, trên toàn cõi Phi-luật-tân. Đây là ngày mùng 4 tháng 7 năm 1945 ». Ông Carlos P. Romulo, tác-giả nhiều sách trong số có quyển « Mỹ Mẹ » (*Mother America*) và từng đại-diện Phi tại Liên-Hiệp-Quốc, đã bắt đầu như thế trong một cuốn sách khác của ông (8). Ông viết tiếp : « Chúng tôi đã chọn ngày ấy làm ngày độc-lập vì đó cũng là ngày độc-lập của Hoa-Kỳ, đề trọng vọng nước này trong nửa thế-kỷ dui dắt chúng tôi trên con đường đi đến dân-chủ, và đã chiến-đấu bên cạnh chúng tôi trong chiến-tranh ác-liệt chống Nhật. Đó là một cử-chỉ biết ơn đối với một mẫu-quốc đã đối đãi với chúng tôi nhã nhặn và ngày nay đã hiến tự-do cho một nước nhỏ ở bên này Á-châu. Sau ngày này chúng tôi sẽ là một quốc-gia độc-lập, quốc-gia đầu tiên sau chiến-tranh đạt được mục-phiêu mong đợi từ lâu... »

Lời tuyên-bố của những chính-khách Phi như Carlos Romulo cũng như sự-kiện lịch-sử xác nhận sự trung-thành của Hoa-Kỳ với nguyên-tắc chính-trị của họ. Nhưng tại nước ngoài, không thể ngăn ngừa sự xuyên tạc và ngay tại Hoa-Kỳ cũng không cấm đoán được những ý nghĩ của các nhà doanh-nghiệp hay chính-khách muốn cho Hoa-Kỳ, trái lại, đi theo con đường đế-quốc cồ-diễn, dùng khả-năng thật sự của mình để « đảm đương trách-nhiệm lịch-sử », và làm bá-chủ hoàn-cầu. Những người như

Buchanan và Ellis (9) đã vạch trần đường lối Hoa-Kỳ cần phải theo, vì quyền lợi thiết yếu của mình trên thế-giới hiện nay, nơi những vùng rộng lớn hiện nghèo nàn và hỗn loạn. Quyền-lợi đầu tiên của Hoa-Kỳ, theo các tác-giả ấy, là quyền-lợi chính-trị. Hoa-Kỳ cần chống lại những giải-pháp rẻ tiền của chủ-nghĩa cộng-sản, là dùng bạo-lực để thực hiện điều-kiện bên ngoài làm cho một dân-tộc nghèo có thể nâng cao mức sống do tự-lực của mình và bảo vệ độc-lập chính-trị. Quyền-lợi thứ hai của Hoa-Kỳ là quyền lợi kinh-tế, trong việc phát triển những quốc-gia bao gồm hai phần ba dân-số thế-giới; để được tiếp-tế bằng những nguyên-liệu tối cần và để có thị-trường xuất cảng. Quyền lợi ấy gắn liền với sự tiến-bộ kinh-tế của Đông-Nam-Á, Phi-Châu, Châu-Mỹ La-Tinh. Sau cùng Hoa-Kỳ có một nhiệm-vụ nhân-đạo chống lại nghèo đói, bệnh tật và dốt nát trong những phần đất khác của thế-giới.

Đó là một quan-diểm đã xa diểm thứ 4 của tổng-thống Truman, xa với chương-trình rộng lượng và hoàn toàn bất-vị-lợi, có thể thay đổi cục diện thế giới, nhưng không hợp với sự ràng buộc của một thứ chủ-nghĩa tư-bản hẹp-hòi và ích-kỷ. Chương-trình Truman, đề xướng năm 1949, kêu gọi dân Mỹ nhận định bổn-phận của mình giúp đỡ các dân tộc « cùng với sự cố-gắng của các dân-tộc, để giúp họ sản-xuất thêm nhiều thực-phẩm, nhiều vật-liệu xây cất nhà cửa của họ, nhiều cơ-lực để làm nhẹ gánh nặng của họ. »

(8) Carlos P. Romulo. — *Crusade in Asia*. John Day, New-York, 1955.

(9) Norman S Buchanan and Howard S. Ellis. *Approaches to Economic Development*. 1955. tr. 429,

Làm sao những dân-tộc thọ ân Hoa-Kỳ lại không nghi ngờ thiện-chí của nước bạn và không phản ứng một cách khó chịu, khi họ ý-thức rằng họ chỉ được giúp đỡ vì những mục-phiêu riêng của Hoa-Kỳ, họ chỉ đáng được lưu ý và săn sóc vì hiến cho Hoa-Kỳ những căn-cứ chiến-lược, hay góp một phần vào công cuộc công cộng, hay có một ít tài-nguyên ích lợi cho nền kỹ-nghệ Hoa-Kỳ. Một chính-khách một nước Đông-Nam Á đã than phiền năm 1953 : « Chúng tôi muốn được hy-vọng, sự hiểu-biết và tình thương mà các ông chỉ cho chúng tôi tiền và kỹ-thuật. Có phải bao điều đó đã làm nên sự cao cả của nước các ông chăng ? » (10) Làm sao sự can-thiệp của Hoa-Kỳ ở Việt-Nam cũng như ở nhiều quốc-gia đang mở mang khác, lại không gây ra, trong những giới vẫn có cảm tình với Hoa-Kỳ hay trong dân-chúng Hoa-Kỳ nữa, nhiều dư-luận, nhiều cảm-nghi rằng nếu Hoa-Kỳ có nhiều thiện chí, thì thiện chí ấy đã dùng những phương-cách sai lầm. Thật còn quá sớm hay chưa phải lúc thuận tiện để xét đoán đầy đủ những sự việc của Hoa-Kỳ tại Việt - Nam. Hoa Kỳ đến Việt - Nam theo lý-do chính - thức là thực-hiện cam-kết của mình đối với một dân-tộc muốn sống tự-do. Không thể nào buộc Hoa-Kỳ đã nổi gót đế-quốc thực-dân. Đã biết bao lần, những đại-diện của chính phủ Hoa-Kỳ xác nhận lòng trong trắng của họ. Gần đây, trước đại-hội-đồng thứ 21 của Liên-Hiệp-Quốc, một đại-diện đã long trọng nhắc lại điều mà người ta có thể biết rồi, qua cuốn Bạch-Thư của chính-phủ Hoa-Kỳ công bố tháng hai năm 1965 : « Hoa-Kỳ không tìm đất đai, căn-cứ quân sự, địa vị ưu đãi. Nhưng chúng tôi đã học được ý-nghĩa

của sự xâm lăng ở những nơi khác trên thế giới sau thế chiến, và chúng tôi đã đương đầu với sự xâm lăng ấy. Nếu hòa bình có thể vẫn hồi ở Nam Việt-Nam, Hoa-Kỳ sẵn sàng giảm bớt ràng buộc quân sự của mình. Nhưng điều đó không phải là bỏ rơi những bạn của Hoa-Kỳ muốn sống tự-do. » (11)

oOo

Mặc dầu bao nhiêu tuyên-ngôn hay hành-động có thể xác-định sự thành-tâm thiện-chí, Hoa-Kỳ vẫn là mục-phiêu công kích của thế-giới cộng-sản. Những danh từ đế-quốc và tàn thực-dân không ngớt được dùng để gây trong dân-chúng không có phương-tiện phán-đoán khách quan, những phản-ứng có điều-kiện theo Pavlov, cần thiết cho chiến-tranh nguội và nóng. Nhưng những danh-từ ấy, thế giới cộng-sản có khi nào nghĩ rằng Nga-Sô cũng có thể mang lấy mà chẳng có sự lạm-dụng danh-từ, vì Nga-Sô cũng như mấy đế-quốc Tây-phương, đã từng bành-trướng thế-lực và chiếm đất đai kẻ khác.

Di nhiên, tại Nga, chữ thuộc-dịa đã biến thành « dân-tộc » và chủ-nghĩa đế-quốc được mệnh danh là « chính-sách dân-tộc ».

Đế-quốc Nga-Sô do Nga-Hoàng để lại cho đám cách-mạng Bôn-sơ-vích, gồm nhiều sắc-dân không thuộc giống Nga,

(10) Theo J. W. Spain, Psychologie du point IV, dẫn trong L. J. Lebreton, **Suicide ou survie de l'Occident**, Paris, 1935 tr. 326.

(11) United States Government « White Paper » (February 1965) trong Marvin E. Gettleman, **Viet-Nam, History Documents and opinions on a major World crisis**. Fawcett New-York, 1965 tr. 314.

như dân-tộc Ukraine, Tartars, Uzbek, Turkic, Georgie, v.v. mà đất đai đã do người Nga chiếm đóng, khai thác, và đặt dưới quyền thống-trị của Mạc-tur khoa (trước kia là St-Petersburg). Sự khác biệt căn-bản giữa những «thuộc-địa» ấy và thuộc-địa của tây-phương là những lãnh-thò sau này cách xa hằng nghìn dặm nước chinh-phục, trong khi thuộc-địa của Nga dính-liền vào đất đai của mình không sông biển nào phân cách.

Cách-mạng năm 1917 tuyên-bố nguyên tắc bình-dẳng giữa các quốc-gia của đế quốc Nga. Nhưng Kalinine, sau này chủ tịch Liên-sô, đã có lần nói toạc rằng mục-phiêu của chính sách xô-viết là dạy cho dân đồng cỏ ở Kirghiz, người trồng bông ở Uzbek hay kẻ làm vườn Turkmenian chấp-nhận lý-tưởng của công-nhân Leningrad. Cũng theo một ý ấy, Lénine trong bức thư gửi cho Công-nhân và Nông dân Ukraine, nhìn nhận quyền dân Ukraine đi đến một nền độc-lập hoàn-toàn, và trong một bức thư khác gửi cho các Đồng-chí cộng-sản ở Azerbaidzhan, Georgia, Armenia, Daghestan và Mountain Republic, Lénine khuyên nên đối đãi dịu ngọt và khoan-hồng đám trưởng-giả, trí-thức và địa-chủ. Tuy nhiên, dưới thời Lénine, đã thấy sự bắt buộc sát nhập Liên-bang Xô-viết, đất đai vùng Caucase và Trung-Á.

Năm 1923, Rykov tuyên-bố: Thật khó mà cai-trị từ Mạc-tur-khoa một nước với hơn 130 triệu dân. Tại Hội-nghị Đảng lần thứ 13, năm 1924, chỉ có một trăm đại-biểu thay mặt cho dân Turko-Tartar, là 11 phần trăm số dân. Trung-ương tập-quyền trở thành gắt gao hơn nữa, sau năm 1930, khi Molotov lên làm thủ-tướng dưới thời Staline. Nhà độc-tài

này đã tuyên-chiến quyết-liệt với những người có khuynh-hướng «quốc-gia», và đã thủ-tiêu lãnh-tụ các phe phái phân ly trong cuộc thanh-trừng từ năm 1936 đến năm 1938. Tội của họ là «muốn bán Ukraine, Caucase và Trung-Á cho bọn đế-quốc»!

Năm 1939, Hội-nghị Đảng lần thứ 18 bầu Ủy-ban trung-ương Đảng, 70 người trong số có hai người gốc Hồi và Thổ, và ba người miền Caucase, mà đã có hai người gốc Georgia, là Staline và Beria ủng hộ nhiệt-liệt sự tập trung quyền-hành và việc Nga-hóa. Từ 1929 đến 1939, ngót ba triệu dân, gồm chuyên viên, công-nhân, chức-việc, di-cư từ Trung-Nga và Tây-Nga để tham-gia cuộc khai-thác kỹ-nghệ của miền Á-châu thuộc Nga. Ngược lại, nhân-công không chuyên-môn đã được tãi qua Nga để giải-quyết về vấn-đề nhân-lực. Những khuynh-hướng địa-phương đều bị ngăn chặn. Sự liên-kết giữa các miền nhỏ không được khuyến khích. Tôn giáo, ngôn-ngữ địa-phương thường bị phá ngầm nhờ giáo-dục trong học-đường và tuyên-truyền. Năm 1938, việc dạy tiếng Nga cho tất cả dân-tộc thiểu-số được ban hành. Có hai cuộc cải-cách mẫu-tự từ khi Cộng-sản cầm quyền. Mẫu-tự theo La-tinh thay thế chữ Ả-rập, Mông-cổ hay thứ chữ khác của dân thiểu-số. Tiếp đến, mẫu-tự Nga thay thế mẫu-tự La-tinh. Tại Nga, chỉ còn «một Liên-bang, một Đảng, một Mẫu-tự» như Walter Kolarz đã viết trong sách «Nga và thuộc địa của Nga (*Russia and Her Colonies*)». Điều đó các đế-quốc Tây-phương không chê trách gì được. Trong các nước làm thành Liên-bang Xô-viết, Nga là nước tiến-bộ nhất, quan trọng

nhất, Nga lãnh-đạo các nước kia về mọi phương-diện. Một ngôn-ngữ chung cần thiết cho tất cả dân-tộc trong Liên-bang, cũng như tiếng Pháp làm chuyên-ngữ chung cho các dân tộc trong Đế-quốc Pháp, hay tiếng Anh trong khối Liên-Hiệp-Anh. Có thể chỉ trích Nga là chính-quyền Nga đã dùng biện pháp quá và mạnh để bắt buộc học tiếng Nga hạn-chế việc dùng ngôn ngữ riêng của địa-phương.

Đúng ra, chính-sách của Sô-viết có thể so-sánh với quan-niệm «đa trắng lãnh-đạo» ở Trung-Phi hay chính-sách đồng-hóa của Pháp tại một vài thuộc-địa. Vì vị-trí địa-lý, sự đồng-hóa trong Liên-bang Sô-viết dễ dàng và có vẻ tự-nhiên hơn. Sự thống-trị của một chủng-tộc trên số kiếp nhiều chủng-tộc khác kin-đáo hơn. Ngoài ra, chủ-nghĩa, giá-trị và uy-thế của chủ-nghĩa, một thứ thuốc-phiện khác, cũng là một phương-tiện quý báu, để che lấp hay thăng-hóa mối tương-quan giữa những nước nhỏ và một nước lớn mạnh tập trung mọi quyền hành. Nhớ lại, dưới thời Nga-Hoàng, vấn-đề chủng-tộc cũng đã được quên đi, không có chủ-nghĩa liên-kết, nhưng vẫn có ý-niệm thiên-mệnh, có lý-tưởng «Đại-Nga» và danh-vọng chung. Nhưng, xưa cũng như nay, dân-tộc thiểu số, quốc gia nhỏ bé, rơi vào dưới luật chuyên-chế của Nga-Hoàng hay nằm trong lưới sắt của đảng duy-nhất, uy-quyền tuyệt-đối, đều theo một số kiếp thê-thoải, đau đớn nhục nhã, phải từ bỏ mộng tự-quyết và độc lập mà Nga thường lớn tiếng kêu đòi cho những nước khác.

Trên nguyên-tắc, trong hình-thức, không phải Liên-bang Sô-viết không nhắc đến tự-trị. Liên-bang, gồm 16 cộng-hòa lập nên liên-bang, theo lẽ thì bình-đẳng và có quyền ly-khai. Tiếp-đến có 16 cộng-hoà tự-trị, dưới đó lại có Tỉnh tự-

trị, bây giờ còn 9, vì mấy tỉnh kia được thăng lên cộng hoà, và dưới cùng là 10 vùng dân-tộc cực Bắc. Danh-từ tự-trị được hiểu là một ít nhượng-bộ về việc dùng ngôn-ngữ riêng, nhưng với lối tuyên-truyền của Nga, không mấy người ở địa-phương sẽ dám gia-công vào việc đề cao hay phát-triển. Điều thấy rõ hơn, là mặc dầu các nước tự-trị hợp với Liên-bang (trừ Nga ra) chỉ thụ hưởng không đến 10% ngân-sách kinh-tế quốc-gia.

Trong Sô-viết tối cao, địa-vị các dân-tộc được nhìn nhận. Bên cạnh Sô-viết của Liên bang, nhiệm-kỳ bốn năm, 300.000 dân bầu một dân biểu, còn có Sô-viết các Dân tộc, cũng nhiệm kỳ bốn năm, mỗi cộng-hoà sô-viết được 25 dân-biểu, mỗi cộng-hoà tự-trị 11, mỗi miền tự-trị 5 và mỗi vùng dân-tộc 1. Như thế dân-tộc không phải Nga, là đa-số. Nhưng Ủy ban Sô viết tối cao chẳng có uy-quyền thật-sự, và dĩ nhiên một phần lớn dân-biểu là người của đảng, đó là điều then chốt. Kolarz đã viết: «Quyền toàn-diện ghê gớm của Cộng Đảng đã thu-hẹp tánh cách quan-trọng không những của Ủy ban dân tộc mà cả hệ-thống hiến-pháp do chính sách dân-tộc đề xướng.» Đề an ủi những người không bằng lòng cảnh bất công ấy, chỉ nên nhắc lại là Đảng mở rộng cho tất cả các dân tộc trong Liên bang và có những người không phải gốc Nga, cũng lên đến bậc lãnh đạo cao nhất, như Staline để khỏi phải kể ai khác!

oOo

Gác một bên những danh từ, mà nước kia, khối này khối nọ không ngớt tặng qua tặng lại cho nhau, như trái banh bóng bàn, hiện tượng đế-quốc thực-dân quả-thật quan-trọng trong lịch-trình biến-đổi của thế-giới. Như thế vì hồi hạn bao

nhiều tội ác đã gây nên, không nước nào còn muốn cho mình mang tiếng ấy, tuy rằng trong thật-tế, có nước mạnh nào lại chẳng vương mắc, hoặc ít hoặc nhiều, lỗi đối xử bất công và phi-nhân đối với những dân tộc sa cơ thất thế hay yếu kém khờ dại. Những cựu thuộc-địa, đã nếm cay đắng và nhục nhã thời đô hộ, khi trở nên hùng cường, cũng còn quên được di vãng của mình và vẫn muốn trở nên đế quốc như ai. Ấn độ, vừa được Anh cho độc lập, không ngần ngại chiếm vùng Cachemire, và không chấp nhận cho dân miền ấy quyền tự-quyết.

Chủ-nghĩa đế quốc của Tây-phương trở nên cực thịnh từ khi kỹ-nghệ phát-triển. Thế thì khó tin rằng sự bành-trướng đế-quốc sẽ chấm dứt, khi tiến-bộ kỹ-thuật và khoa-học làm cho kỹ-nghệ trở nên phong phú hơn nữa, số lượng sản-phẩm lên mức-độ quá tưởng-tượng, đòi hỏi những thị trường tiêu

thụ càng rộng lớn, bắt buộc những nước giàu mạnh, phải nới rộng phạm-vi hoạt-động nếu không thì chết. Điều-kiện sinh-tồn đã gây nên những trường-hợp bất-đắc-dĩ như đã thấy trong lịch-sử thế-giới.

Đế-quốc thực-dân đi từ một chủ-thuyết hẹp hòi về quốc-gia, chất chứa trong bản-thể mầm phản-lại đế-quốc. Nơi đâu hiện-tượng ấy hoành hành, nơi đó chớm nở ngay tinh-thần quốc-gia, trong nghĩa trong trắng đầu tiên là bảo-vệ đất nước của ông cha, gìn giữ dân-tộc-tính và quyền thiêng liêng của con người, sống tự-do, làm chủ vận-mệnh của mình.

Đế-quốc thực-dân chỉ là biến-dạng của chủ-nghĩa quốc-gia, thể hiện nhờ sức mạnh vật chất, thúc đẩy việc mở rộng bờ cõi mình trên sự điêu tàn của đất đai kẻ khác, không những vì ham lợi-tức, mà cũng để thoả-mãn thứ kiêu-

Tăng cường sức lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 50mg

B-PC4 ĐT. DY183

căng tự-ái, trước kia người ta nhận thấy và chê bai nơi cá-nhân, mà sau này lại chuyển một cách về vang cho đám người rộng lớn.

Tình-trạng bất an của nhân-loại hiện thời, là do sự xung đột ngấm ngấm hay công khai vì những mộng đế-quốc được che đậy bằng những danh-từ tốt đẹp, vì sự đố kỵ giữa kiêu-căng và tự ái của những cộng đồng đông đảo, được những quan-niệm chính-trị và triết-lý lỗi thời chi phối.

Nhân-loại tuy đã đạt được những thành-quả khoa-học và kỹ thuật kỳ diệu, đang còn bận bịu với những ý-thức chính-trị cũ kỹ, những danh-từ trở nên vô nghĩa, để duy-trì sự lừa gạt và tị hiềm, chẳng khác con người lệ-thuộc tư tưởng thời Ptolémée, không chịu chấp nhận đã có nhiều sự thay đổi. Có lẽ nếu người đời bình tĩnh và khôn ngoan hơn, dám nhìn sự thật hiển nhiên, sẽ cho rằng đã đến lúc phải vượt qua biên-thùy hẹp hòi và ích-kỷ của những chủ-thuyết, hay huyền thoại đầu độc tâm-trí, nuôi dưỡng sự cạnh-tranh và chiến-tranh, để xây dựng những cộng đồng, những xã hội rộng rãi và yên vui hơn nữa, cũng như trước kia, con người vì bất-đắc-dĩ, vì muốn sống còn, phải đau lòng mà bỏ làng mạc, bỏ tinh-thần « làng » để làm nên những nước lớn.

Sự bành-trướng thế-lực của quốc-gia trong thời-đại này, dù là một sự cần-thiết khẩn khoản, không mong được kết quả tốt đẹp và lâu dài. Một nước có hùng mạnh và xảo quyệt đến đâu, có dự-định xâm lăng và chiếm đoạt, cũng gặp sự chống đối tức khắc và bền bỉ của đám dân liên-hệ, vì không phải như mấy trăm năm về trước, còn

có thể xử dụng dễ dàng số người đại đột, dễ hăm dọa, mua chuộc, phỉnh phờ. Các dân-tộc ngày nay, yếu kém hay dốt nát, còn biết được sự liên kết, tìm được sự hậu-thuần (vì lợi hay bất vì lợi không đặt thành vấn-đề) để chận đứng hay làm ngã lòng những mộng đế-quốc thực dân.

Và không dễ dẫu gì, trong lúc này, những chó sói có thể giả vờ nằm trong giường để giả giọng đáp lời cô bé khăn đỏ : « — Tại sao tay bà dài thế ? — Tay bà dài để dễ siết cháu vào lòng. — Tại sao răng bà dài và nhọn thế ?... » Không ! những cô Chaperon Rouge thời nay chắc đã đọc chuyện thần tiên của Perrault rồi, và biết phân biệt mặt mũi và mùi hôi của sài lang và của người thân, để không rơi vào cạm bẫy.

CUNG GIỮ NGUYÊN

SÁCH MỚI

Bách Khoa vừa nhận được :

— **Đọc lại truyện Kiều** của Vũ-Hạnh do Cảo-Thơ xuất bản, kỷ-niệm 201 năm sinh Nguyễn-Du, và tác giả gửi tặng. Sách dày 170 trang, bìa và phụ bản của họa-sĩ Thái-Tuấn, giá 80 đ.

— **Hồi ký viết dưới hầm** nguyên-tác của Fyodor Dostoyevsky, bản-dịch của Thạch-Chương, do tập-san Văn xuất-bản và gửi tặng. Sách dày trên 100 trang, giá 30 đ.

— **Viết luận** (lớp Nhì, Nhất, Tiếp liên) luyện thi Tiểu-học và Đệ Thất Trung học, của Từ - Phát, do Thanh-Quang xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 216 trang, in lần thứ 7, có chỉnh-đốn hoàn-bị. Giá 50 đ.

NHỮNG NGÀY CHƯA QUÊN

(Xin xem *Bách Khoa* từ số 228)

ĐOÀN - THÊM

CÁC CHÁNH PHỦ 1949 — 1954

Từ tháng 7-1949 đến tháng 7-1954, Quốc-Gia Việt-Nam được điều khiển do 8 Chánh-phủ với 5 Thủ-Tướng :

- Chánh-Phủ Bảo Đại (1-7-49 — 22-1-50) 6 tháng 22 ngày ;
- « » Nguyễn-Phan-Long (22-1-50 — 6-5-50) 3 tháng 15 ngày ;
- « » Trần-Văn-Hữu (6-5-50 — 21-2-51) 9 tháng 15 ngày ;
- « » Trần-Văn-Hữu (21-2-51 — 7-3-52) 12 tháng 14 ngày ;
- « » Trần-Văn-Hữu (7-3-52 — 25-6-52) 3 tháng 18 ngày ;
- « » Nguyễn-Văn-Tâm (25-6-52 — 8-1-53) 6 tháng 13 ngày ;
- « » Nguyễn-Văn-Tâm (8-1-53 — 11-1-54) 12 tháng 3 ngày ;
- « » Bửu-Lộc (11-1-54 — 7-7-54) 5 tháng 27 ngày ;

Số chánh-phủ như vậy quá nhiều trong khoảng 5 năm, giữa một giai-đoạn cực kỳ nghiêm trọng đương đòi hỏi một chánh quyền vững mạnh.

Tình-trạng đó dĩ-nhiên là bất-lợi, nhất là khi còn hiện ra ở các địa-phương : mỗi phần Nam Trung Bắc đều đã được hân-hạnh đón và đưa bốn năm lần quý-ông Thủ-Hiến.

Nhưng vì sao đã xảy ra nhiều sự đổi thay ?

Ở các nước ngoài, dân-chúng biết rằng Thủ-Tướng này từ chức vì dự-án ngân-sách bị Quốc-hội bác bỏ, nội-các kia đổ vì không giải quyết nổi vấn-đề thất-nghiệp v.v... ở mọi trường-hợp, lý-do đều rõ-rệt.

Còn tại xứ nhà, mỗi khi ông này lên hay ông kia xuống, chẳng thấy một lời giải-thích chánh-thức. Phải chăng dân được coi như người ngoài cuộc, không cần quan tâm đến việc nước, vì quốc-sự là chuyện riêng của một thiểu-số cầm quyền ? Hay là có những lẽ khó nói ra, và người hữu-trách lo bị chỉ trích ?

Song chính vì phải tìm hiểu lấy, mà nhiều người sinh nghi và phỏng đoán một cách chủ-quan : đã như thế, thì mấy khi sẵn có thiện-ý đối với chánh-quyền ? Ai dễ tin sự tốt và người hay trong thời loạn ? Lắm bà con lại mong cho người chấp quyền mau đổ, dù chẳng có lẽ gì chê bai hoặc ghen ghét. Ông nào vừa lên được một hai tháng, cũng đã bị đồn là sắp té nhào. Hề lâu lâu không thấy ai đổ, thì hình như thiên-hạ nóng ruột : nóng ruột như khi muốn xem những vai tuồng mới trong màn kịch khác. Ô. Nguyễn Hữu Trí nhậm chức Thủ-Hiến Bắc-Việt được hai-mươi ngày thì có vị hốt hải chạy đến ghé tại tôi : « Thế nào ? ... nghe Trí sắp tong hả ? »

— Đúng, chắc chỉ độ hai năm nữa...

Tôi bị lườm thì rất thú, vì đã cố ý trả lời như thế để có dịp cười.

Theo những lời bình-phẩm ở quanh tôi, thì chẳng ông nào đáng ngồi lâu cả, vì không bịnh nọ thì tật kia : hoặc là nhu-nhược và thiên-cận, hay trí trá và tham quyền, quan-liêu phong kiến, nhiều khuynh-hướng độc-tài, bênh vực quyền-lợi của Pháp hơn là quyền lợi của VN, hay lại có óc bè phái chia rẽ vv... Nếu nghe dư luận thì sự thanh-liêm chỉ có ở trong sách và thời xưa.

Có lần tôi đòi nêu bằng-chứng cụ-thể, thì mấy bạn cười ngay : ở đời này mà cứ phải xuất trình bằng chứng, thì biết bao giờ loại được các phần-tử nguy-hại ? họ khôn ngoan lắm, không thiếu gì mách khéo để thoát qua màn lưới pháp-luật. Tôi có cảm-tưởng rằng một sự ngờ-vực nặng-nề đè lên những người mang trọng-trách. Các vị này hầu như không mấy quan tâm, vì coi mọi tiếng xấu như kết-quả tuyên truyền ly-gián của Cộng-sản và Thực-dân. Song tôi không khỏi thắc mắc : gán cả cho Thực Cộng thì cũng dễ quá ; còn thói nghi-kỵ và lối phán-đoán của một quần chúng không cần chứng cứ, lại sẽ đưa tới sự thành-lập những tòa án không có thẩm-phán xử theo luật thường. Có lẽ tôi lạc-hậu về phương-diện xét người ; song giữa bầu không-khí chứa đầy thành-kiến, kẻ ngay thẳng và giàu thiện-chí liệu có dám hay có nên ra gánh vác nữa không ? Và hạng nhân-vật nào có thể được đồng bào ưa chuộng ?

Nhiều bạn hay công kích đã không trả lời được rành-mạch những câu hỏi của tôi : giá thử ở địa-vị Q. T. Bảo Đại, thì nên chọn ai làm Thủ-Tướng ? Thủ-Tướng nên mời ai làm Tổng, Bộ-trưởng ? Như thế nào, thì xứng đáng và được việc ? Được việc thì phải làm gì ? Nếu lý luận một cách tổng-quát theo nguyên-tắc và quên thời-cuộc, tất khó nhận ra sự thật và điều cần.

oOo

Tỏ ra cứng rắn với Pháp và dựa vào người đánh thép, thì trái lời hứa hợp-tác và dễ gây xung-đột. Không đòi được nhiều quyền hơn, thì sẽ thất ước với quốc-dân, không lôi cuốn nổi phe kháng-chiến và ngay cả những phần-tử quốc-gia chân-thành. Ra tay cầm quyền lấy, thì hành động hợp ý mình hơn, nhưng dễ tổn thương uy-tín, và nếu thua, thì mất cả, không còn được lá bài nào.

Đường lối của .Q.T Bảo Đại, và cách dùng người của ông, đã uốn éo theo những nỗi khó-khẩn kia. Và nói sao được vì luôn luôn phải che giấu Pháp ? Cho nên, đã yên lặng từ 1925 đến 1945, ông lại lặng yên từ 1949 đến 1954.

oOo

Khi mới về nước, ông đích-thân cầm quyền để được nhiều người theo và tránh hết mọi sự tranh giành có hại cho một chánh-thể sơ khai. Nhưng sau khi ký kết những hiệp-định 30-12-49 về sự giao-hoàn các công-sở, ông quyết ủy quyền đã thâu hồi cho một Thủ-Tướng và một Chánh-phủ, để rút về địa-vị lãnh-đạo và trọng-tài tối-cao.

Cử ai ra lập Chánh-phủ ? Tướng Nguyễn Văn Xuân chỉ thích-ứng với giai-đoạn chuyển tiếp. Thủ-Tướng mới cần có thanh-danh hơn đối với quốc-dân, lại phải am hiểu chính-giới Pháp để tranh đấu nổi với Pháp và bỏ khuyết thỏa-ước Elysee: người đó hiện đương giữ chức Tổng-Trưởng Ngoại-Giao, ô. Nguyễn-Phan-Long.

Ông Nguyễn Phan-Long thạo pháp-ngữ, đã lâu năm viết báo viết sách bằng chữ Pháp; ông có xuất bản cuốn ký-sự của một sinh-đồ Nho-học *Souvenirs d'un étudiant de caractères chinois*; lời văn nhẹ-nhàng và sáng-sủa, tuy vẫn có giọng người Việt. Ông thông thuộc các vấn-đề Đông-Dương, rất quen giao thiệp và tranh luận với Pháp, và đôi khi bị Pháp coi như khó thuyết phục.

Đã thế, ông còn bị các đối thủ phao rằng ông có khuynh-hướng thân Mỹ, một điều dễ tin, giữa lúc Hoa-Kỳ đương muốn mở rộng bang-giao với VN và lăm-le viện trợ về mọi mặt. Pháp chịu sao nổi một viên-tượng cạnh-tranh bất-chính như thế ? Dù sao, khi mới có tin ông sắp được Quốc-Trưởng giao quyền, thì thủ-đô Sài-gòn bị xáo trộn vì những cuộc xách-động biểu-tình rầm rộ : phải chăng có bàn tay của các ban công-tác nội-thành VM.

Ông được cử làm Thủ-Tướng ngày 6-1-50. Học-sinh thanh-niên xuống đường phản đối vụ bắt giam một số người trẻ tuổi bị tình-nghi hoạt động phá hoại; trò Ôn bị bắn tử-thương và được cầu siêu ngày 14-1.

Chánh-phủ do ông khai sinh ngày 17-1, đã phải đương đầu với sóng gió từ đầu dồn dập tới: ai muốn phá ông để tranh chỗ, hoặc để cho ông mắc vào khó-khẩn nội trị mà bỏ mặc những vấn-đề tranh-thủ được Quốc-Trưởng coi là quan-trọng hơn hết?

Quả-nhiên ông bị lúng túng và lâm vào thế thụ-động. Một số người trong chính giới tỏ ra thất-vọng về ông. Theo họ, ông lớn tuổi rồi, không còn minh-mẫn như xưa, nhiều khi như quần tính, mất nhiều thời giờ chú trọng đến những việc lật-vật hàng ngày. Người khác trách ông đa-nghi, ngờ vực cả một số Tổng Bộ-Trưởng là ngấm ngấm chia rẽ và gây rối cho ông.

Trong khi đó, Mỹ càng tỏ ra sẵn sàng đến VN, một thái-độ chắc-chắn không được Pháp hoan nghênh. Ngày 24-1 Đại-sứ lưu động Jessup sang hội-kiến với

Q. T. Bảo-Đại, không ở Sài-gòn hay Đà-Lạt, mà lại ở Hà-Nội; rồi đến 13-2, còn họp các đại-diện ngoại giao Mỹ tại Viễn-Đông để bàn về chính sách cần áp dụng đối với chiến-cuộc Đông Dương. Kế đó phái-đoàn kinh-tế do Griffin hướng dẫn, được cử sang V. N. ngày 6/3. Người ta đương chờ phản-ứng của Pháp, thì ngày 9/3, kẻ nào ném mấy trái lựu-đạn vào xe của các phái-viên Mỹ, may không ai bị thương. Rồi ngày 17/3, súng cối từ đâu nhả đạn rớt cạnh những chiến-hạm Mỹ vừa ghé thăm thương-cảng Saigon. Tướng Carpentier đáng lẽ ngổ lòng tiếc về vụ pháo-kích, lại lên tiếng cảnh cáo đồng-dục : mọi sự viện-trợ cho các Quốc-gia Liên-kết, đều phải qua trung-gian của các nhà đương-cuộc Pháp ! Đến 19/3, nhiều toán người tại Đô-thành lũ lượt biểu tình chống Mỹ.

Tình-hình biến chuyển một cách đột-ngột, nhà văn Nguyễn Phan Long tuy nói thông viết thạo, lại tỏ ra thiếu nghị-lực quyết định và ứng phó. Đối với các vụ lộn-xộn, ông nhường trách-nhiệm cho Thủ-Hiến Trần Văn Hữu. Trước thái-độ gây cản của Pháp, và những mưu-toan ly gián Việt-Mỹ, ông không tìm ra được cách gì chống đỡ. Cực chẳng đã, Q. T. Bảo-Đại ra sắc-lệnh giải tán chánh-phủ của ông, và cử ô. Trần Văn Hữu lập chánh-phủ khác.

oOo

Ô. Trần Văn Hữu, người mập, trán ngắn hàm tròn, mắt nhỏ nhưng tinh như nụ cười. bước chậm nhưng vững, và nói dè-dặt như đi : tướng-mạo một nhân-vật trịnh-trọng, thâm-trầm, và không thiếu về kiên quyết. Mỗi khi ngắm ông, tôi có cảm-tưởng đứng trước một chính-khách bảo-thủ thuộc Phái trưởng-giả thế-kỷ XIX ở Pháp, thời Louis-Philippe hay Nã-phá-Luân III : phải chăng vì ông bệ vệ, lại xuất thân kỹ-sư, từ nông-phố rẽ qua chính-giới, có tài-sản và một số vốn kinh-nghiệm rút từ sự quảng-giao với các giới kinh-doanh và đương-cuộc Pháp.

Lãnh trọng-trách giữa lúc rối-ren, ông được Quốc Trưởng ủy cho toàn quyền ban hành các biện-pháp cần thiết trong thời hạn 6 tháng để tái lập trật tự đương bị phá hoại. Ông lại được sự cộng tác đặc-lực của Tổng-Trưởng An-Ninh Nguyễn Văn Tâm « Con Hùm Cái Lậy », nên chẳng bao lâu hệ-thống nội-tuyến của tướng Nguyễn Bình bị tan rã tại Đô-thành và vùng phụ cận.

Để xoa dịu nổi bức bối của Pháp, giữa lúc bang giao Việt Pháp đe dọa căng thẳng, sự khéo léo của Thủ Tướng họ Trần quả đã gặp thời đắc dụng. Sau các phái-đoàn quan-sát, các phái bộ viện trợ Mỹ được phép đặt ở Saigon, không còn bị khủng bố hoặc phiền nhiễu. Pháp đừng ghen và chớ ngại. Thủ-Tướng kiêm Ngoại-giao xác nhận thiết tha sự gia nhập Liên-Hiệp-Pháp, và xúc tiến thể hiện sự liên-kết chặt chẽ giữa bốn quốc-gia huynh đệ Pháp Việt Mên Lào.

Nếu Pháp sốt ruột về việc này, thì Q. T. Bảo Đại cũng nóng lòng không kém, tuy một bên chỉ vội thất buộc, một bên lại tính đòi cời rộng ra. Địa vị Thủ Tướng, giữa Tề và Sở, kẻ cũng đáng ngại : biết sao vừa ý cả đôi bên ? Rồi đến lúc Mên Lào gây bế tắc tại Hội nghị Pau, Pháp làm ngơ cho hai nước yêu sách mạnh, dư-luận cùng báo-chí ta thán hoặc chỉ trích khá nhiều. Quốc Trưởng kém vui. Thủ-Tướng

bèn ngổ ý không hài lòng về những sự trở ngại và trì-trệ trong cuộc đàm phán liên-quốc (19/10/50)

Ngót một năm trời giằng co, rồi kết-quả là những mối dây buộc ràng khó gỡ. Các giới am hiểu đều thất vọng. Cuối 1950, ngay sau khi các hiệp-định tứ-quốc được ký kết, (24/12/50) đã có nhiều tin đồn chánh phủ rút lui, vì Quốc Trưởng không còn tin vào sự thành công của Thủ Tướng trong sứ-mạng tranh-thủ chủ-quyền. Nhưng lấy ai thay, nhất là khi cần một nhân-vật miền Nam. Thủ-Hiến Phan Văn Giáo có được nhắc tên, nhưng không đủ uy tín. Thủ-Hiến Nguyễn Hữu Trí, tuy tháo vát và được Quốc-Trưởng tin nhiệm, lại bị ngờ vực là có khuynh-hướng chuyên quyền và theo đường lối đảng-trị.

Tạm lưu ô Hữu một thời gian kể cũng không sao. Nhưng các địch thủ của ông, nào có để yên ? Họ phao đồn ra tận Hà Nội : thấy địa vị lung lay, ông cố tìm mọi cách củng cố vì ông tin rằng ông đã lập nhiều công trạng và rất xứng đáng ở lại chấp chánh.

Ông được lòng một người rất khỏe, De Lattre de Tassigny, một kiên-tướng thét ra lửa, vừa sang lãnh chức Tổng-Tư-tịch kiêm Cao Ủy với toàn-quyền hành động.

Nếu tình trạng ô. Hữu được giữ nguyên, có thể dư-luận cho rằng Đà Lạt chịu áp-lực hay khiếp-thể-lực của ngoại nhân ? Vậy ít ra cần tỏ cho những ai hiểu biết, rằng số-phận chánh phủ VN phải tùy quyền tối cao của người lãnh-đạo VN, và Thủ Tướng nào chẳng nữa, cũng phải triệt-đề tuân hành chánh-sách của Trẫm. Bởi vậy, những kẻ tò mò thời đó, đã được chứng kiến một cuộc thi gan.

Thủ Tướng có thừa tin tức hay linh-tính để biết rằng ít lâu nay mặt rồng rất kém tươi và ớn trên chầng sẵn sàng mưa móc. Cái tò, đối với Đà Lạt có nghĩa bóng gió là không chịu nổi nữa, nhưng lại được cố-ý hiểu là sắp đặt theo lối khác để ngồi cho vững hơn. Rồi xảy ra những sự hùng-hồn hơn lời xua đuổi, và hơn cả tiếng cãi của người nhất định không đi.

Ngày 21/1/51, Quốc Trưởng ra sắc-lệnh giải tán chánh phủ Trần Văn Hữu, và ủy ông lập chánh-phủ khác.

Năm hôm sau, ô. Hữu thân hành lên núi trình tên tuổi của các cộng-sự mới : đề-nghị bị bác bỏ (26-1)

Thủ-Tướng ung dung hạ sơn, lập danh sách khác, rồi lại cưỡi máy bay đăng-vân đi xin chấp thuận : chưa được (30-1)

Ô. Hữu trở về Saigon, bôi tên này ghi tên kia, và tái đảo Bàn Mê Thuật. Ngài còn đi săn voi, thì chờ mấy buổi đã sao ? Ngài ngự giá hồi cung : vẫn chưa hợp thánh-ý (8-2)

Chỉ khổ cho mấy ông phóng viên sẵn tin cứ ra vào phi trường đón đợi hoài Thủ-Tướng để loan báo thành lập nội các. Đừng nhầm nhó, vì mỗi lần họ đều được Thủ-Tướng chum chim cười và ăn ổi : rất nhiều hy vọng có kết quả sớm.

Ngày 10/2, ông phá kỷ-lục bền gan của Lưu Bị ; vì Bị mới tam cố thảo lư đã đạt nguyện-vọng, đảng này ô. Hữu đã tứ cố biệt-diện mà VN vẫn vô chánh phủ một lần nữa, danh sách còn phải được bổ túc !

Thì bổ túc. Ông vẫn phơ một nụ cười nở má. Mười ngày sau, QT Bảo Đại đành chấp thuận thành-phần chánh phủ mới, nhưng ngày 23-2, ban khuyến-cáo chánh-thức về sự cần thiết mở rộng lối tham gia việc nước cho các giới nhân-dân bằng cách thiết-lập và tổ-chức các Hội nghị quốc-gia và Hội đồng địa phương.

Đây là nhu-cầu dân-chủ-hóa chánh quyền, hay chỉ là điều-kiện khắt khe của sự triển hạn cho một chánh-khách mà sự hiện-diện không còn được thiết tha mong ước ?

Như già Hồ đã lầm bầm hôm ký Hiệp-định Sơ bộ : ở chánh-trị, cái gì cũng có thể xảy ra.

Nhưng Trần Thủ-Tướng, tuy rất mực khôn ngoan, lại có tâm-trạng kẻ đắc thắng, nên không tỏ ý chú trọng đến lời huấn dụ thân dân ; và trong buổi lễ tái tựu-chức ngày 3-3, chỉ nhấn mạnh trước Đại-tướng Cao-Ủy, về tính cách quan trọng của Liên-Hiệp-Pháp và sự thành khẩn gia nhập khối này.

Ông được De Lattre ủng hộ vì đã hứa huy động toàn-lực tham chiến chống Cộng : tướng này chỉ cần có thể. Đã thế, Quốc-Trưởng cũng muốn thừa dịp này vượt khỏi những trở ngại của Bộ Liên Kết và Phủ Cao Ủy trước kia đối với sự thành lập mau lẹ quân-đội quốc-gia V.N.

Nên công tác mà Thủ tướng Hữu coi như trọng tâm và tự đảm nhiệm, là thu thập tài nguyên và nhân lực, kiểm tra dân số, gọi nhập ngũ 60.000 binh sĩ, trưng dụng y-sĩ, động viên thanh-niên có bằng trung-học đệ nhất-cấp trở lên từ 20 đến 28 tuổi. Một loạt văn kiện được ban bố ngày 17-7-51.

Chắc De Lattre phải hài lòng nhưng lại bị mờ và chết tại Ba-Lê ngày 11-1-52 Chẳng hiểu sự qua đời của tướng này có liên quan gì đến sự mất còn của chánh phủ VN ? Thế mà từ khi tướng vừa yên giấc ngàn năm, thì lắm kẻ đã phao vang là Thủ-tướng cũng sắp từ biệt mọi người

Tin chưa đúng hẳn, vì ngày 7-3, Thủ-Tướng chỉ cải tổ chánh-phủ lần nữa, đề thực hiện gấp chương-trình của Quốc-Trưởng. Thì ra việc dân-chủ-hóa mà ông Hữu còn đề đó, bỗng dưng được nhắc nhở và coi như cấp bách đặc biệt: từ hai năm nay, vẫn chưa có cơ quan nào đại diện dân-chúng, ấy là chưa kể nhiều cải-cách khác chưa từng được nghiên cứu, mặc dầu Quốc-Trưởng đã hứa trong bài hiệu-triệu đầu tiên. Tình-trạng bị động này kéo dài mãi sao được ? Letourneau, Bộ trưởng Quốc-Gia Liên kết tạm sang kiêm chức Cao ủy cũng thấy cần có chi gây xúc-động tâm-lý. Nên chỉ ngót 3 tháng sau khi ô. Hữu cải tổ, Tổng trưởng An Ninh Nguyễn-Văn-Tâm đột-nhiên được triệu lên Đà Lạt, rồi trở về với chức Thủ Tướng và sắc lệnh giải tán chánh phủ Trần-Văn-Hữu (3-6-52).

Ô. Nguyễn Văn Tâm, từ 1951 đã từng điều khiển Bộ An Ninh, Phụ trách bình định các vùng hành-quân Sứ Biên và Bò Sát ở Bắc-Việt. Quyền Thủ-Hiến Bắc-Việt. Ông có nhiều kinh-nghịem hành-chánh, được

tiếng là người cương-quyết, một « người khoẻ » với mái tóc hớt ngắn và vẻ mặt cứng rắn. Trong số các chính-khách 1948-1954, ông đọc diễn-văn đồng dục hơn cả, tuy lúc nói chuyện thường, giọng ông hơi ngượng. Ông nói sao làm vậy, giữ lời hứa cho đi an-trí hay cung cấp đủ phương tiện làm việc. Đề cải chính tin đồn các cao cấp miền Nam chỉ biết tiếng Pháp, khi ở Hà-Nội ông vui cho được các cụ Cử Tú đề gieo vần chữ Hán, làm câu đối giữa tiệc sâm-banh và đề thơ Đường- luật khi viếng đền thờ Đức trần Hưng Đạo .

Biết rằng ô. Hữu đồ vì hành động trái ý Quốc Trưởng, ông bắt tay ngay vào những việc mà Thủ Tướng cũ bỏ bẵng chưa làm. Chỉ ít lâu sau khi nhậm chức, ông đã đưa ra được tổ chức Hội-đồng Quốc-gia Lâm-thời (10-7-52) qui-chế nghiệp đoàn (16-11-52) tổ chức các Hội Đồng Đô Thành, thị-xã, thành phố (27-12-52).

Đến 8-1-53, ông xin tăng cường chánh phủ rồi tiếp tục xúc tiến một số việc quan trọng : lập 54 tiểu đoàn Khinh quân, ban hành bộ luật Cải cách Điền địa, và lần đầu tiên tổ chức bầu cử các hội đồng địa phương.

Đối với Pháp ông cũng lâm vào cảnh khó xử như ông Hữu vì ai cũng biết rằng Ông cùng gia đình ông đều thật tình thân Pháp. Tuy-nhiên ở địa vị Thủ-tướng ông đã phải theo sát đường lối của Quốc-Trưởng, lên tiếng đòi thay đổi quy chế Liên Hiệp Pháp (6-6-53) triệu tập một Quốc-dân Đại-hội để xét lại tình trạng bang giao Việt-Pháp và đưa yêu sách trả quyền cho VN (10-9-53).

Quốc-dân Đại-hội gồm các đại diện của nhiều đoàn thể, đảng phái (Cao-Đài Đại-việt, Hoà-Hảo, Công-giáo, Quốc-Dân...) được dịp tỏ rõ một lập trường quyết liệt nghĩa là rút ra khỏi Liên-Hiệp Pháp, và ký kết với Pháp những thoả ước khác. Dư luận các giới ở Ba-Lê rất sôi nổi, báo chí công kích các nhóm quốc gia cực-đoan ở VN và chê trách sự bất lực của chánh phủ Pháp; chánh phủ Pháp yêu cầu gắt-gao Q.T. Bảo Đại trả lời dứt khoát về thái-độ với quyết-nghị này của Đại-hội Quốc-dân.

Thủ tướng Nguyễn văn Tâm không can thiệp nổi cho tình-thế bớt căng, và đề Đại-hội chịu theo một đường lối co giãn hơn. Muốn như vậy, phải cạy một người khôn ngoan, biết lựa ý và tìm lời thuyết phục, lại chưa từng bị các nhóm quốc gia ngờ vực : Hoàng thân Bửu-Lộc

Ông Lộc đã cố gắng dàn xếp và được Đại-hội thoả hiệp cho sửa khéo quyết-nghị củ.

Theo quyết-nghị này, thì VN không thuận ở lại Liên-Hiệp Pháp : Le VN indépendant ne participe pas à l'Union Française.

Nay thêm vào một vế:... *theo thể-chế hiện-thời,... dans sa forme actuelle*

Thành ra quyết-nghị có nghĩa : không rút khỏi Liên-Hiệp Pháp, nhưng sẽ không nằm trong Liên-Hiệp nếu khối này cứ giữ nguyên thể-chế chật hẹp như bây giờ. Nhược-bằng chịu nới rộng, thì có thể ở lại.

Pháp ưng vậy, và chính-giới Ba-Lê còn cho biết : thì vẫn thế rồi mà ! Pháp

đương tính thay đổi quy-chế như đã hứa ngày 3/7/53.

Bốn chữ của ô. Bửu Lộc đã đưa ra khỏi chỗ bế-tắc. Kề thì ông Hoàng cũng hay chữ, chẳng thể lại đậu Tiến-sĩ Luật.

Song còn phải mở cuộc đàm-phán và đòi Pháp ký những thỏa-ước mới. Còn ai xứng đáng gánh vác việc này hơn là ông Hoàng ? Nên do sắc-lệnh ngày 17/12/53, ông được tấn phong Thủ-tướng.

Thủ-tướng Bửu Lộc dồn nỗ-lực vào việc điều-đinh nhằm mục-đích kiện toàn độc-lập cho VN. Sau ba tháng vận động và thảo luận, ông đi tới kết-quả là ký kết với Chánh-phủ Pháp 2 hiệp-ước ngày 4/6/54. Như thế, ông đã hoàn tất sứ-mạng được giao phó và thỏa mãn ý nguyện mà QT Bảo Đại, ấp ủ từ 1949.

Song đồng-thời, chánh-phủ do ông điều khiển lại phải đối lãnh một nhiệm-vụ rất nặng-nề và bạc-bẽo, là đương đầu kiệt-lực nhưng vô-vọng với âm-mưu quốc-tế chia đôi xứ sở tại Hội-Nghị Genève. Tình-thế biến chuyển quá mau lẹ và vượt xa mọi sự tiên-đoán.

Nên đến ngày 19/9 ông được từ chức, và ngày 7/7, ông trao lại toàn-quyền cho tân Thủ-Tướng Ngô Đình Diệm, với nụ cười rất tươi và cả phần quỹ mật còn dư. Điều nữa đáng kể, là bát đĩa trong dinh Gia-Long không bị ai dẫn-dõi đập phá chiếc nào...

oOo

Quốc Trưởng đã chọn và thay như trên các Thủ-tướng Chánh-phủ. Còn các vị này tìm kiếm cộng-sự ra sao ?

Tuy không ai chịu rằng đất nước thiếu người tài đức, sự thành-lập các chánh-phủ bao giờ cũng gặp khó-khăn.

Trước hết, rất ít người có tên tuổi. Phải chăng những người có công-tâm và năng-lực chưa có dịp có nơi ra mắt quốc-dân ? vì thiếu hội-trường, diễn-đàn, nghị-viện, và các khung cảnh tập-thể với những cơ-hội tỏ rõ các giá-trị cá-nhân ?

Nhiều khi thanh-danh lại chỉ là sự hư-truyền. Có những vị mang tiếng oan là tốt hay giỏi : nghe biện luận thì thấy cũng hay, giao công việc thì không có gì đảm bảo kết-quả, còn nếu liều dùng thử, thì rất lo bị thất-vọng.

Đề cho dân cử ? Hồi đó, đã ai chịu tin dân ? và mấy ai dám chủ trương tổng tuyển-cử trong thời chiến ? Cho nên sự tìm người phải đề tùy cấp hữu-quyền, và như vậy tất dựa vào những yếu-tố đặc-biệt.

Những yếu-tố đó được coi như cần-thiết cho hiện-tình xứ sở, hoặc phù-hợp với nhu-cầu riêng của mỗi người ra lập chánh-phủ.

Thứ nhất, tỷ lệ Bắc, Trung, Nam đã rất được chú trọng, để tránh sự suy tị giữa các địa-phương, và cân nhắc thế nào cho xứng với tính-cách quan-trọng tương-đối của mỗi Phần.

Chánh-phủ Bảo-Đại gồm 16 Tổng-trưởng Bộ-trưởng, thì 9 Nam, 6 Bắc, 1 Trung. Chánh-phủ Nguyễn Phan Long : 8 Nam, 3 Bắc, 1 trung. Chánh-phủ Trần Văn Hữu lần thứ nhất : 6 Nam, 4 Bắc. Chánh-Phủ Trần Văn Hữu lần thứ hai : 9 Nam, 6 Bắc. Chánh-Phủ Trần Văn Hữu lần thứ ba : 9 Nam, 2 Bắc, 1 Trung-Chánh Phủ Nguyễn Văn Tâm 1 : 6 Nam, 6 Bắc, 2 trung. chánh-Phủ Nguyễn Văn Tâm 11 : 8 Nam, 4 Bắc, 2 Trung. Chánh-phủ Bửu Lộc : 7 Bắc, 6 Nam, 1 Trung

Như thế, trong 8 chánh-phủ, người miền Trung ít nhất, người miền Nam nhiều nhất trừ ở chánh phủ chót Bắc hơn Nam 1 ghế.

Nhiều thanh niên đã rất thắc mắc : ở nước khác, đâu có sự phân biệt tương-tự ? như ở Anh hay ở Pháp, chẳng bao giờ người ta hỏi ; bao nhiêu Bộ dành cho người sinh tại miền Galle hoặc Ecosse, bao nhiêu cho người vùng Provence, Lorraine hay Bretagne ? Nam, trung, hay Bắc, ai đủ điều-kiện thì làm việc nước. Nếu một sự quá tầm-thường như vậy còn thành vấn-đề căn-bản thì đừng nói đến chủng tộc và thống-nhất làm gì nữa. Vả lại, càng muốn tránh sộc lệch, càng tỏ rõ sự chia rẽ. Tại sao số ghế thuộc miền này, lại nhiều hơn miền kia ?

Theo một số yếu nhân, thì ở chánh trị, lắm khi khát vọng hợp-lý-hoá phải nhường bước các nhu-cầu trong thực tế. Ở vùng quốc gia này, miền rộng nhất giàu nhất và đông dân nhất hiện nay, là miền Nam, rồi Bắc, sau đến Trung. Miền Nam lại mới tái nhập lãnh-thổ, đồng bào địa-phương cần được tru đãi đôi chút để thấy rằng sự trở về cộng-đồng dân-tộc chỉ có lợi chứ không bị thiệt gì. Đó cũng là một trong những lý-do đặt thủ đô tại Sài-gòn thay vì Thăng-Long hay Thuận-Hoá. Quốc-Trưởng sinh trưởng tại Huế, nên không muốn bị ngờ vực là thiên về người miền Trung. Người miền Trung, tức là Ngải, đã giữ địa vị tối cao, thì để người miền Nam chấp quyền, âu cũng là sự tương nhượng không có gì quá đáng.

Nhưng muốn giải thích thế nào thì giải thích, những người trẻ tuổi, từ 1949 đã không sao chấp nhận được rằng tổ-chức quốc-gia và chánh-quyền lại chịu lụy. một thứ mặc-cảm trái ngược hẳn với ý-niệm giống nòi và tinh-thần đất nước.

Các yếu-tố khác hay được quan tâm là năng-lực chuyên-nghiệp và thiện-cảm cá-nhân hơn là xu-hướng chánh-trị của nhân-vật được mời tham-gia chánh-phủ. Trong 61 vị thay nhau làm Tổng-Trưởng Bộ-Trưởng qua 8 chánh-phủ, chỉ có chừng 10 vị đã từng hoạt động tranh-đấu hay có chân trong các đoàn-thể tôn-giáo và chánh-trị (Cao-Đài, Công-giáo, Đại-Việt, Quốc-Dân-Đảng vv) v' ngoài mấy cựu quan-lại, kỹ-nghệ gia, thương-gia, phần đông là những bác sĩ, kỹ sư, luật sư, giáo sư đại học.

Tại sao bộ-phận đầu não của chánh-quyền lại thiếu sắc thái chánh-trị và có vẻ nặng nề chuyên-môn ?

Theo khá nhiều người, các Thủ-tướng đều muốn giữ nhiều quyền cho chính mình; chứng cớ, là ô. Nguyễn Phan Long kiêm Ngoại giao và Nội Vụ, ô. Trần Văn Hữu kiêm Quốc Phòng và Ngoại Giao, rồi cả Nội Vụ và Tài-Chánh; các ông Nguyễn Văn Tâm và Bửu Lộc đều kiêm Nội Vụ. Đã muốn nắm vững phần chủ-động và

quyết-đoán, tất chẳng ưa sự công-tác bình-đẳng với các đại diện đảng phái, vì họ thường là những phần tử hay yêu sách, tranh luận, hoặc đòi hành động mạnh v. v... Để ưa hơn, là những cộng-sự không có chủ trương riêng, sẵn sàng chấp nhận và tuân hành chánh-sách của Thủ-tướng hay của Quốc-trưởng : thái-độ này thường thấy ở các nhà chuyên-môn chỉ mong có dịp thi thố khả-năng chuyên nghiệp chứ không ham can thiệp vào những vấn đề rắc rối đòi hỏi cơ-mưu và xảo-thuật. Đó là những lý-do đã khiến các Thủ-tướng hay nhắm vào nhân-viên cao cấp có nhiều kinh nghiệm chánh quyền, và những vị hành nghề tự do có học vấn chuyên khoa.

Khốn thay, các vị này lại hay có bằng-cấp cao. Nên nhiều giới thường cho là chế-độ chỉ trọng mảnh bằng. Trên báo-chí, trong câu chuyện hàng ngày, người ta thường đem mảnh bằng ra chế giễu, có khi diếc móc với giọng hằn-học. Có một Bộ-trưởng đã phàn nàn : Kề cũng lạ, Võ Nguyên Giáp, Tạ Quang Bửu, Phan Anh, Cù Huy Cận, Hoàng Minh Giám v. v... ở quanh già Hồ, đều có bằng-cấp lớn cả : sao không ai nói mĩa ? và có ai dám giải thích không ? thôi, miệng lưỡi người đời xoay chuyển thế nào chẳng được ? Một ông Phó không nói thông ngoại-ngữ, thì lại bị bao kẻ chê là thiếu điều-kiện, hình như người ta quên rằng một Hitler không cần hiểu tiếng Pháp của Pétain.

Các Thủ Tướng còn hay dùng chuyên-viên vì lẽ không quen biết nhiều hạng người đề nếu cần thì chiếu cố. Trước khi được giao trọng-trách, chính các ông cũng chẳng nghĩ rằng mình sẽ phải cầm quyền, nên không hề chuẩn bị như nhiều lãnh-tụ chính-đảng ở các nước tiền-tiến. Chợt khi cờ đến tay, các ông mới tìm người cùng phất. Quay đi ngó lại, mấy đồng-nghiep, vài bạn mặt-chuộc, dăm bồ quần vọt, một số bà con tông sự tại Nha này Sở kia, hoặc toàn những André, Jacques, Pierre, hay Paul thì xài sao được ? Nên đành cậy nhờ thân-hữu đi tiếp xúc hộ với những nhân-vật có tiếng tốt, hay là bán-khoản nghe những quân-sư quạt giấy quạt nan chạy tới hiến kế cử hiền.

Biết nhận ai ? Căn cứ vào đâu ? Thôi thì hãy biết vị này là y sĩ : ít ra cũng biết qua việc y tế ; vị kia là kỹ sư cầu cống : chẳng giỏi thì cũng được các chuyên-viên cấp dưới nể vì ; vị khác là trạng-sư : chắc hẳn giúp được về luật-pháp... Coi người họ cũng đàng-hoàng, có thể-tạm trình diện công chúng, và chưa nghe thấy dư-luận chê trách gì, xem chừng không có vẻ ương ngạnh : bèn ghi tên vào danh-sách đệ Đà-Lạt.

Đôi khi công việc tiến-cử được phần nào dễ-dàng, nhờ khuyến-dụ từ bên trên, hay lời giới thiệu từ phía ngoài. « Anh họ tôi *mon cousin* khá lắm đấy, Ngài rất thương và vẫn có ý dùng, theo thiện-ý nên dành cho một ghế không then-chốt, ở trường-hợp quý-hữu không thấy trở ngại... » Đâu có, hai ghế cũng được hưởng chỉ một ! Ít nhất, thì « quý-hữu » cũng hứa xét một cách sốt-sắng như đối với người bạn tốt của Bộ-Trưởng Plevin hay được khen ngợi do B.T. Letourneau. Nhược-bằng « *mon cousin* » rất khó xài, thì chẳng có cách từ chối nào hữu-hiệu hơn là ngỏ ý cho biết rằng « ghế không then-chốt » cũng đang được chú ý bởi những bạn chung rất đáng nể nang.

Dù sao, vẫn ít những người hội đủ các điều-kiện tối-thiểu : chịu hợp tác, biết công việc, được Quốc-trưởng thuận, không bị tai tiếng và không gây thắc-mắc nào cho Pháp. Thật rất khó kiếm, nên ở trường-hợp tri ngộ, thì cứ lưu-nhiệm nhiều lần : do hai chánh-phủ (Nguyễn-văn-Ty, Nguyễn-duy-Thanh, Nguyễn-huy-Lai ...) do ba chánh-phủ (Đặng - hữu - Chí, Hoàng-Cung, Nguyễn-thành-Giung...) do bốn chánh-phủ (Nguyễn-trung-Vinh, Vương-quang-Nhường) do năm chánh-phủ (Đinh-xuân-Quảng, Dương-tấn-Tài, Nguyễn-khắc-Vệ) do sáu chánh-phủ (Lê-Thăng) do bảy chánh-phủ (Lê-quang-Huy).

Một cụ Tổng có tính hay bông đùa, một bận cười khanh-khách mà phán rằng :

— Hơi đâu mà tìm kiếm cho một ! Cứ đi hỏi mấy thầy Tướng, Số, Bói Dịch v.v. Họ thuộc nhiều số của khách hàng quen, thấy ai có số Tổng hay Bộ thì họ mách cho. Như trường-hợp tôi đây. Mình có tham-vọng gì đâu? Gặp dịp thì làm thử một phen, thầy bói bảo mình tới hạn Thiên-Mã ngộ Lộc chi đó, lại có Tả Hữu lai triều, quý-nhân phù trợ, nên dùng một cái, bị kêu tới gán cho một Bộ. Lôi thôi quá. Có bao giờ nghĩ rằng mình phải vác nặng ? Đã từ chối, nói rằng chẳng có chánh-trị gì hết. Ông bảo : càng tốt. Lại thưa không có kế-hoạch chi cả. Trả lời : khỏi cần, chính tôi cũng đã kịp sửa soạn gì đâu ? cứ hợp nhau lại rồi lập chương-trình sau. Mình nghe nói cũng lo ngại : làm việc nước, tất phải sẵn tôn-chỉ, sẵn sáng-kiến, sẵn dự-án chứ ? Lại bị ngắt lời : thì kêu mấy anh Tổng Giám-Đốc tới bắt thảo chương-trình trong 24 giờ đệ liền ! Thôi, đành nhận vậy... Rồi cũng cố làm được chi thì làm.

Theo một ông Bộ khác vừa rút khỏi một chánh-phủ, thì phải lăm-cầm mới nghĩ đến chương-trình. Vì ở nước mình, còn bao nhiêu cơ-quan chưa lập, hàng ngàn công-tác phải làm, cứ ngồi vào ghế là thấy chán vạn việc, việc gì cũng cần hết, khỏi tìm chọn. Vả lại, dù có dự định chẳng nữa, cũng khó lòng thực hiện : thiếu người, thiếu tiền, thiếu từ cái máy chữ...nên có vẻ vời ra lắm chuyện, thì cũng dễ bị thất vọng mà thôi. Bởi thế, đành gặp đâu hay đó. Sau hết, trong giai-đoạn này, chỉ đánh khoẻ là hơn, chớ còn giặc dã thì xây dựng được mấy mà hứa hẹn cho nhiều ? Xét cho cùng, chính Quốc-Trưởng cũng có chú ý gì đến một sở nhà thương hay cầu cống ? Đối với Ngài, hãy làm thế nào đòi được Pháp trả thêm quyền đã ! Nên dù chưa xây nổi một viên gạch, Ngài cũng chẳng nỡ trách. Song nếu kể lẽ bao nhiêu công-tác mà vẫn không tiến được bước nào về vấn-đề Việt-Pháp, thì Ngài không ngần-ngại cho té nhào với những chương-trình đẹp đẽ !

oOo

Đối với những ai nhìn rõ mối quan-hệ giữa Đà-Lạt và các chánh-phủ, thì nhận xét của ông Bộ này không có gì quá đáng. Nhưng điều đáng ngại, là giới hữu-trách thấy mình bị tràn ngập vì việc nước mênh-mông, đành chịu gác bỏ những công-cuộc lâu dài để đương đầu với sự trước mắt, và tạm quên nhiều sự hợp-lý để chạy theo thực-tại vượt quá sức người.

Khốn thay, hoàn-cảnh khó khăn chẳng bao giờ được quần-chúng coi như trường-hợp giảm-khinh trong sự xét đoán chánh-quyền : mặc, phải làm cho kỳ được. Sự thật nhỡn-tiền, dù éo le biết mấy, là địch-thủ mà người cầm quyền phải thắng, không phải là lý-do miễn trách. Chỉ thành công về tiêu-tiết, thì càng làm nổi bật sự thất-bại trước đại-cuộc. Đối với nhiều thanh-niên cấp-tiến chưa từng gặp trở-lực, hoặc những nhà trí-rhức ưu-thời ôm nặng lý-tưởng, thì giật gấu vá vai và được đầu hay đó tức là hành động hủ họa, thiếu hẳn ý-thức chánh-trị : như thế, chỉ đáng làm kẻ thừa-hành, sao có thể đóng vai lãnh-đạo ? Nhược-điểm căn-bản của chế-độ này, là quan-niệm sai lạc về lối làm việc và cách chọn người.

Đành rằng chuyên-viên thạo về luật-lệ và kỹ-thuật hơn chính-khách, song cai quản một Bộ và tham gia một chánh-phủ không như điều khiển một Nha và thi hành một loại công-tác. Vì phải vượt khỏi chi-tiết và đặc-tính của một ngành mà bao quát các hoạt-động liên hệ trên toàn-quốc, và biết chằm chước thích-nghĩ để áp dụng vào lãnh-vực riêng tinh thần của chánh-sách chung. Phải căn cứ vào chánh-sách đó mà tổ chức, điều hành, phối hợp, đốc thúc.

Phải lãnh trách-nhiệm, dám quyết định, không cần ân oán. Phải nhìn xa trông rộng, tùy thời tùy cảnh mà liệu lý cho linh động, không bo bo giữ những thủ-tục nặng-nề và trói buộc. Những điều-kiện đó, không do nhà trường nhưng do cuộc đời cấu tạo, ít khi tìm thấy ở công-chức hay các nhà chuyên-môn, nhưng dễ thủ đắc nếu đã từng tranh đấu chánh-trị.

Ở các nước tiền-tiến, như Anh, Bỉ, Nhật v v chánh-trị-gia có thể giữ bất-cứ Bộ nào, vì chánh-trị là tâm-hồn của chánh-quyền. Còn tại VN, Tổng-trưởng hay Bộ-trưởng chỉ là một hạng công-chức cao cấp hơn các Tổng-giám-đốc : Bộ Y-tế phải dành cho một bác-sĩ, Bộ Công-chánh cho một kỹ-sư, Bộ Tư-pháp cho một thẩm-phán hay luật-sư, Bộ Giáo-dục cho một giáo-sư... không khác nào một Nha chuyên-trách thuộc các Bộ đó. Thành ra cử làm Tổng Bộ-trưởng, chẳng qua là thăng chức như cho Tham-tri lên Thượng-thư. Rồi Thượng-thư hay Bộ-trưởng cũng chỉ gật gù tuân lệnh Đức Quốc Trưởng hoặc ngài Tư-tướng, và hy sinh ngày tháng cho công-vấn với thường-vụ, ít sáng-kiến đối với chánh-quyền, không trách-nhiệm đối với dân-chúng...

Quý-ông Tổng và Bộ-trưởng chuyên-viên thời đó nghĩ sao ? Có vị đã cười và cho biết:

— Mấy ông chánh-khách nói thì ra tuồng lắm. Nhưng so sánh thế nào được với nước ngoài ? Họ có tổ-chức chánh-đảng rất hoàn-bị, đảng sẵn chủ-trương, tôn-chỉ, lập-trường, kế-hoạch. Nên khi cử người tham gia chánh-phủ, đảng mới đòi cho các chánh-kiến của mình được chấp nhận phần nào. Ở xứ ta, có chánh-khách chỉ đại diện cho chính mình hoặc một thiểu-số bạn hữu mà thôi, và cũng chẳng mấy khi chánh-quyền hoặc dân-chúng biết rõ quan-điểm của những vị đó đối với các vấn-đề trọng-đại. Ngoài ra, ở Âu Mỹ, tổ-chức các cơ-quan rất đầy đủ, nhân-viên các ngạch vừa nhiều vừa giỏi, nên bất-cứ ông chánh-khách nào nhảy

vô làm Bộ trưởng, dù không thạo việc chuyên-môn, cũng được khối chuyên-viên giúp đỡ; bởi thế guồng máy cứ chạy đều, dù do tay nào điều khiển. Bên ta, người hông-thạo rất hiếm, nếu Bộ-trưởng không biết việc chuyên-môn, thì sẽ thiếu người trợ lực, không điều động và kiểm soát nổi cấp dưới; hoặc nếu phải trông cậy vào một vài nhân-viên cao-cấp, thì đành để mặc cho họ chỉ dẫn, và như thế, rất dễ bị che mắt hay vượt quyền. Thử ngó lại thực-trạng chánh-quyền của ta trong mấy năm qua. Những Bộ do chánh-khách điều khiển, có hơn gì Bộ thuộc chuyên-viên? Trái lại, nát hơn là khác. Có nơi tuyển dụng nhân-viên bừa bãi, bất chấp thê-lệ vì chê là bạc-hậu; có nơi tiêu tiền không chứng minh, lấy cớ là cần giản-chính trong thời chiến. Mà kết-quả được là bao? Thành-tích gì đáng kể? chẳng thà xây vội một Bệnh-viện Bình-Dân, đồng-bào nghèo còn được nhờ chút đỉnh: đối với những người được cứu chữa, một sự thực-hiện còn con của Bộ trưởng chuyên viên, không biết chừng còn có hiệu lực tuyên truyền hơn cả những diễn văn đầy chánh trị cao siêu của chánh khách. Anh em chuyên viên, khi nhận làm Tổng hay Bộ trưởng, chỉ muốn có dịp xây dựng ít nhiều. Quả thiệt chúng tôi không có chánh kiến riêng nhưng không phải vì thế mà thiếu kiến-thức phổ-thông để bao quát tình hình chung của sứ sở, hoặc thiếu cả đường lối như nhiều lý thuyết gia thường trách: đường lối phải theo là của cấp lãnh đạo mà chúng tôi đã mặc nhiên chấp nhận khi ưng thuận hợp tác.

oOo

Tóm lại, về sự chọn người tham gia chánh-phủ, hai quan-điểm trái ngược nhau đều có phần ưu phần khuyết, một bên tám lạng, một phía nửa cân.

Đứng trước tình-trạng đó, dĩ nhiên chỉ có thể tìm giải pháp dung hòa, nhất là khi nhớ rằng trong đời sống công cộng, chánh trị và chuyên môn luôn luôn pha trộn và không thể tách rời. Mọi hoạt động chuyên-môn như của công chánh hay Y-Tế đều có ảnh hưởng đối với dân-tình, và các kế hoạch chánh trị như ở Thông Tin Tuyên Truyền, đều phải thực hiện theo phương pháp khoa học và phương tiện kỹ thuật.

Ông chánh-khách không phải là chuyên-viên cũng phải có tình-độ tri-thức cho phép am hiểu các vấn-đề chuyên-môn thì mới cai quản nổi một Bộ và hướng công-tác chuyên-môn vào phía có lợi cho xứ sở. Ngược lại, nếu ông chuyên-viên muốn làm Bộ-trưởng, thì phải cố nhìn xa hơn lãnh-vực chuyên trách, nhận định đúng mức thời cuộc và nhu cầu của toàn thể quốc gia, đề thích-ứng-hoá các biện-pháp chuyên-môn, hoặc cải thiện chánh sách chung theo những yếu tố thiết thực hơn là kết-quả suy-luận của các nhà chánh trị.

— Thế thì sao Quốc-Trưởng không liệu cách chuyên-môn-hóa các ông chánh-khách, và chánh-trị-hóa các vị chuyên-viên? Một công-chức cao cấp đã thốt ra câu hỏi đó, năm 1952: nhưng ngày đó, đã làm gì có những chương-trình huấn-luyện và khững học-bổng tu-nghiệp?

Dù sau, ông bạn cũng chỉ bày tỏ một nguyện-vọng rất khó thoả mãn trong thực-tế : một thực-tế VN, một VN bị nhiều loạn, một cuộc loạn đặc-biệt nửa xâm-lăng nửa nội-chiến, một giai đoạn chuyển tiếp giữa hai chế-độ ngoại-thuộc và độc-lập.

Thời-thế đầy rẫy sự phi lý chưa cho phép chấm dứt những cách chọn người không hợp lý.

Dẫu chỉ dùng Bộ-trưởng hay Tổng-trưởng chuyên-viên, cũng đã rất khó tìm rồi. Nói chi đến chuyện vừa thạo về chuyên môn vừa giỏi về chánh trị ?

Ông kỹ sư này rất lành nghề, nhưng rượu và gái hơi nhiều. Ông Tổng-giám-Đốc kia vừa thông-minh vừa hiền-hậu nhưng tốt quá hoá nhu nhược, không kiểm soát nổi người dưới. Ông bác sĩ nọ chứng chắc, có nhiều thiện chí, nhưng lại có quốc tịch Pháp, phu nhân hay lăm áp phe, dễ bị mang tiếng. Nhà kỹ nghệ X rất khéo xử thế, am hiểu tình-hình kinh-tế và cả tình hình chánh trị, nhưng hay đánh bạc lớn và đôi khi hút thuốc phiện. Giáo sư A học khá rộng, dạy cũng giỏi, nhưng có nhiều ý-kiến không thiết-thực : nếu được quyền tổ chức, chắc sẽ bị lúng túng.

oOo

Đó là nhận xét chung của một số người trong chính-giới, đầu 1955, trước một danh sách ghi tên tuổi nghề nghiệp cùng địa-chỉ của vài trăm công-chức, thương-gia, luật sư, nghiệp chủ, y sĩ, và thân-hào hay được các chính-quyền mời dự tiệc trà.

Cố vấn Chính-trị Ngô Đình Nhu muốn biết rõ về năng-lực và phẩm-cách nhiều người, đề khi nào cần thì yêu cầu giữ những chức-vụ quan-trọng hoặc tham gia chánh phủ.

Sau khi lắng nghe phê bình như trên, Cố cười :

— Chúng ta chỉ có những con người mà Lịch-sử cho ta, nous n'avons que des hommes que nous donne l'Histoire.

Đ.T.

Kỳ tới : Chiến tranh Đông Dương

Nhà xuất bản **TRÌNH BẦY** đã phát-hành loại sách in typó :

• NGƯỜI ĐÀN BÀ MANG THAI TRÊN KINH ĐỒNG-THÁP

Tập truyện của **THẢO TRƯỜNG**

• CÂU TRUYỆN NĂM MỚI

Truyện của **V-DUDINTSEV**. Bản Việt văn của **DIỄM-CHÂU**

• ĐI TÌM AN DƯƠNG VƯƠNG — MỊ CHÂU — TRỌNG THỦY

TỪ LỊCH-SỬ ĐẾN THUYẾT TRUYỀN

trong «Tủ sách Khoa học Nhân văn»

của **LÊ VĂN HẢO**

TÂM-LÝ và GIÁO-DỤC

• CARL GUSTAV JUNG

Bản dịch của NGUYỄN-GIA-TƯỜNG

TRẺ CÓ TƯ CHẤT

Thuyết trình soạn cho hội nghị giáo giới hàng năm tỉnh Bâle (Thụy sĩ) năm 1942. Đăng trong "Psychologie und Erziehung" Rascher, Zurich, 1962. — Theo bản dịch của Le Lay từ tiếng Đức ra tiếng Pháp — Buchet Chastel.

Lần đầu tiên đến Bắc Mỹ, tôi rất ngạc nhiên thấy công xe lửa không có đèn chắn ngang; dọc đường xe lửa cũng chẳng có hàng rào ngăn cấm. Ở những miền hẻo lánh, người bộ hành còn dùng cả đường sắt làm đường đi. Tôi tỏ vẻ ngạc nhiên thì được trả lời rằng. « Có họa một thằng ngốc mới không biết trên đường sắt những đoàn xe chạy đến tốc độ bốn mươi hoặc cả trăm dặm (một giờ)! Tôi lại cũng đề ý rằng không có gì là « Cấm » cả, mà chỉ là những « not allowed », không được phép thôi; và nhiều khi còn thấy dùng khẩu hiệu lịch sự: « Please don't ».

Cảm nghĩ ấy và nhiều cảm nghĩ tương tự nữa đem lại cho tôi ý tưởng là ở Mỹ quốc, trong đời sống cộng đồng người ta kêu gọi lý trí và tin chắc được đáp ứng. Trái lại ở Âu-châu mọi sự tổ chức đề phòng cái ngu ngốc. Mỹ quốc khuyến khích, kích thích trí-tuệ; Âu-châu người ta thấy đâu đâu cũng sẵn ác

ý cho nên phải cho mọi người thấy rõ cái lệnh oai nghiêm: « Cấm ». Mỹ quốc chỉ chờ đợi lòng thiện chí ở mọi người.

Chẳng biết có lý hay không tôi hồi tưởng ngày còn đi học, mà tôi phải va chạm với cái thành kiến của Âu-châu kia, nó được thể hiện nơi một số các thầy giáo. Là một học sinh mười hai tuổi, tôi tự biết mình chẳng phải dẫn độan hay ủ dột, mà chỉ thấy buồn chán thê thảm trong khi thầy giáo nỗ lực chiến đấu với những đứa chẳng sao theo kịp. May sao tôi gặp được một ông thầy dạy La-tinh thực có tài thiên phú. Trong những giờ tập làm bài buồn tẻ, ông sai tôi sang thư viện kiểm sách ông cần dùng. Tôi mở ra đọc trộm thấy hết sức thích thú, và chỉ trở về lớp theo đường quanh co quen thuộc của học trò. Nhưng buồn chán chưa phải là nỗi cực khổ nhất. Thường thường là những bài luận-văn chẳng có gì hấp-dẫn. Chỉ có một lần được một đề tài khá hay.

Tôi hăm hở nhập-đề, gọt rũa câu văn hết sức cầu thận. Rồi xong đem nộp với hy vọng là bài mình hay nhất, không thì cũng vào hạng khá nhất. Khi trả bài thầy giáo thường bắt đầu từ những bài khá nhất rồi lần lượt xuống dần. Bài của tôi chẳng được nhất, lại cũng phải thứ nhì; chẳng phải thứ ba. Tất cả các bài đã qua mặt tôi và đến bài kém nhất, ông có một thái độ chẳng có gì đáng vui và ông đáng cho câu phê rằng: «Còn như bài của Jung, bài thì đặc biệt hay nhất đấy, nhưng hẳn đã làm lẹ như trở bàn tay; phù phiếm, chẳng suy nghĩ gì; vậy hẳn không đáng được một điểm nào.» — Tôi liền cãi: «Không phải thế. Tôi chưa bao giờ gia sức làm một bài luận như vậy». Ông quát: «Nói láo! Hãy xem X. đây (tác giả bài dở nhất), nó đã chịu khó. Nó sẽ tiến trên đường đời. Còn mày, mày sẽ chẳng đi tới đâu. Người ta chẳng thể thành công bằng gian dối.» — Tôi im lặng. Nhưng kể từ giờ phút ấy, tôi không buồn làm gì nữa về môn Đức văn.

Biến cố ấy xảy ra đã hơn nửa thế kỷ, chắc từ bấy đến nay đã có nhiều thay đổi, nhiều cải-tiến ở nhà trường. Nhưng sự-kiện kể trên đã làm cho tôi suy nghĩ nhiều và nó lưu lại trong tâm hồn tôi một nỗi đắng cay mãi về sau nhiều kinh-nghiệm mới thay thế được bằng một sự thông-cảm hơn. Tôi nhận ra thái độ của thầy tôi chẳng qua là dựa trên cái nguyên-tắc đáng kính là nâng đỡ kẻ yếu kém và diệt trừ những nết xấu. Khốn nỗi những nguyên tắc hay, tốt cuộc sẽ mất hết giá trị nhân-bản; (bởi vì) người ta không chịu suy-cứu thành thử nguyên-tắc chỉ còn là những hình hài nhảm nhí của thiện-chí nguyên

thủy. Phải nâng đỡ kẻ yếu kém, đúng thế; nhưng đồng thời lại phát sinh ngay cái tệ bỏ mặc kẻ nào có tư-chất, dường như sự-kiện khác thường một chút đã là bất-thiệp, đáng chê. Người tâm thường sẵn có thái độ dè dặt, sẽ nghi kỵ những gì mà lý-trí họ không ý thức được. «Hắn thông minh quá» là một lý do đầy đủ để có thể gán cho «hắn» bất cứ ý nghĩ đen tối nào. Trong một tác-phẩm, nhà văn Bourget có diễn tả một hoạt cảnh thú vị, thực là tiêu-biểu: Trong phòng khách đợi của một vị bộ-trưởng, một cặp vợ chồng, vào hạng tiểu trưởng-giả, phê bình một học-giả danh tiếng, nhưng họ không quen biết: «Chắc là người của mật-vụ. Tướng mạo độc ác thế!»

Tôi xin lỗi đã quá dài dòng với những chi-tiết kinh nghiệm bản thân. Cái sự thực ít thi-vị vừa kể trên chắc không hiếm. Từ nhà trường trẻ có tư chất đã đặt ra cho nhà giáo-dục những vấn-đề quan trọng không thể gạt ra, mặc dầu cái nguyên tắc nâng-đỡ kẻ yếu kém, đáng quý đến mức nào. Trong một xứ sở nhỏ bé như Thụy-Sĩ, chúng ta không thể nhân danh «bác ái» mà xao lãng những trẻ có tư chất, cần cho tương-lai biết bao nhiêu! Hiện nay dường như điều đó vẫn còn bị coi nhẹ. Xin kể một trường-hợp tôi vừa được nghe kể lại. Trong một lớp tiểu-học kia, em bé gái thông minh bỗng trở thành một trò kém, đến nỗi cha mẹ phải ngạc nhiên. Theo lời em kể lại về những công việc làm ở nhà trường thì ngớ ngẩn, khiến cha mẹ em có cảm tưởng như họ coi trẻ là lũ đần-độn cả, và họ dụng tâm làm cho chúng ngu ngốc thêm. Người mẹ tìm hỏi ông giám-đốc

nhà trường mới vỡ lẽ là cô giáo nguyên trước có chuyên dạy trẻ chậm tiến; rồi khi được giao trẻ lành mạnh, cô không biết xoay trở ra sao. Sau đó đứa bé kia được giao cho một cô giáo khác thì nó tiến tới đều đặn như trước.

Vấn đề giáo-dục trẻ có tư-chất không phải đơn giản. Không phải trẻ có tư chất chỉ có một đường lối biểu-thị là học trò giỏi. Nó có thể chẳng giỏi gì. Nó có thể là một đứa đãng-trí, vì trong đầu óc đầy đầy những ý-tưởng vu vơ; nó có thể là một đứa lười biếng, trể nải, vô ý tứ, hay nghịch, bướng bỉnh, ù lì, v.v. Theo bề ngoài mà nhận xét có thể khó mà phân biệt được với trẻ đần độn.

Lại cũng không nên quên, trẻ có tư-chất không nhất định phải sớm tinh khôn; sự phát-triển của nó có phần chậm chạp, vì nhiều khi khả năng tiềm tàng khá lâu. Như vậy thực khó mà khám phá được. Ngược lại có khi, nhà giáo giàu thiện-chí và quá lạc-quan lại tưởng tìm ra thiên-tài nơi đứa trẻ mà về sau chỉ là hạng vô-dụng. Kiểu như lời ghi trong một tiểu-sử nào đó: "Cho đến bốn mươi, chưa thấy có gì là biệt-tài; rồi sau đó cũng không!"

Muốn thăm dò tư-chất không gì bằng nghiên-cứu và quan sát cá tính của trẻ như nó thường biểu-lộ ra trong đời sống gia đình cũng như trong sinh hoạt nhà trường; chỉ có thể mới phân biệt được những gì là cái bẩm sinh trong tư chất với những gì là cái phản ứng đối ngoại. Có thể mới nhận ra khi trẻ có tư chất thì sự vô ý-tứ, sự đãng trí, sự ù-lì, chỉ là những phản ứng tự vệ, chống lại ngoại cảnh để thỏa mãn sở thích tưởng tượng trong nội tâm. Tuy nhiên trí tưởng tượng mạnh, những sở thích kỳ cục, không hẳn là triệu chứng tư bẩm đặc biệt, vì những cái đó cũng thường

thấy trong quá trình bệnh hoạn thần kinh về sau mới phát hiện. Phải tìm đến thực chất của những sở thích thầm kín kia mới thấy rõ được tư bẩm đặc biệt. Phải cứu xét xem cái tính đặc thù, cái hậu quả, cái mực độ, cái vi-tế của những thể thức tưởng tượng cùng cái khả năng thực hiện được sau này. Cần phải xem đến mực độ nào trí tưởng tượng có cơ ứng dụng được vào đời sống ngoại cảnh: chẳng hạn như sự tò mò, sự ham hiểu biết đặc - thù mà trẻ ưa thích. Cái mực - độ và cái phẩm chất của sự thích thú là những dấu hiệu đáng ghi lắm. Có thể khám phá được nhiều điều hay ở những trẻ có sở thích dị thường; chẳng hạn như ham đọc sách, đọc ngốn rất nhiều, dường như không lựa chọn gì, lại đọc cả đêm khuya, vào những giờ bị cấm; hoặc có đứa lại tỏ ra khéo léo lạ thường trong những sinh hoạt thực tế. Tất cả những dấu hiệu ấy, thấy rõ được phải là người chịu khó tìm hiểu trong hành vi của trẻ "cái thế nào" và "cái tại sao" chứ không chỉ chú trọng về cái kết-quả hư-hỏng của hành vi. Nhà giáo cần phải biết tâm lý và cần phải có kinh nghiệm về đời sống.

Tiềm-lực tâm-trí của trẻ có tư chất ở khoảng giữa những trái ngược tương phản cách biệt nhau khá xa. Thực ít khi tư-chất lại được phân phối đồng đều trên khắp mọi lãnh vực sinh-hoạt tâm-trí. Thường có những lãnh-vực mà khả năng của trẻ rất yếu kém. Mực độ phát triển có thể rất chênh lệch. Sự tạo-thành, sớm tinh khôn, ở một lãnh vực có thể quá độ trong khi ở lãnh vực khác trẻ lại chậm tiến. Hình tượng đứa trẻ xét từ ngoài vào có thể rất sai lầm; tưởng như không thể trông mong nơi

đứa trẻ một sự phát triển bình thường. Lại có thể rằng sự tạo-thành về lý trí không được hỗ-trợ bằng một khả năng diễn tả tương đương bằng ngôn ngữ, trẻ ăn nói ấp úng khó hiểu. Trong trường hợp này phải tìm hiểu cặn kẽ, sâu xa cái "thế nào và tại sao" trong câu trả lời của trẻ, ông thầy mới khỏi hiểu nhầm. Lại cũng có thể tư chất của trẻ tập trung ở một lãnh-vực sinh-hoạt mà nhà trường (vì lý do nào đó) không lưu ý đến. Đây thường là trường hợp những khả năng về đời sống thực-tế (mà lối học từ chương khoa-cử vẫn coi nhẹ). Tôi còn nhớ những đứa trẻ nổi tiếng là ngốc nghếch ở nhà trường mà lại tỏ ra rất thông minh tháo vát trong công việc nông trại của gia đình.

Tiện đây cũng nên nói đến cái thành-kiến sai lầm về tư bầm toán học. Người ta thường tưởng lầm rằng cái khả năng luận lý trừu-tượng nằm trong cái tư bầm toán học, thì toán học tất nhiên là môn học để rèn luyện khả năng suy-tư hợp lý. Vậy mà tư bầm về toán học, cũng như tư bầm về âm nhạc, không phải chính là tư-duy hay lý trí. Toán và âm nhạc cũng cần đến tư duy và lý trí như các môn Triết lý hay khoa học khác. Có thể có khiếu âm-nhạc mà kém lý trí và có người giỏi toán mà ngờ ngẩn. Ngược lại không thể dạy cho ai giỏi nhạc hay giỏi toán nếu họ không có khiếu sẵn. Đó là những tư-bầm đặc-t thù.

Lại chẳng phải chỉ ở lãnh vực lý-trí mà thôi, ở lãnh vực luân-lý, tức là trong cái thế-giới tình-cảm, vấn-đề tư chất của trẻ cũng phức tạp lắm. Những sự xuyên tạc, những lời nói dối, và những điều sơ xuất khác về luân lý, rất thường ở người lớn, có thể đặt ra những câu hỏi bối rối cho trẻ có tư-chất về tâm tình

Người ta thường không thấy hoặc coi nhẹ sự sớm biết của trẻ về lý trí; về tâm tình cũng vậy. Thiên-bầm về tâm tình thường không được chính xác và mạnh mẽ như thiên-bầm về lý-trí hay kỹ-thuật. Nhưng nếu đối với thiên-bầm này cần có sự hiểu biết thì thiên-bầm về tâm-tình kia đòi hỏi nơi nhà giáo dục một điều-kiện tối-thiết, là nhà giáo dục phải được giáo-dục tự bản-thân. Bởi vậy thực rõ như ban ngày là việc giáo-huấn công-hiệu thế nào, chẳng phải do lời giảng-thuyết, mà do đức-hạnh của cá-nhân nhà giáo. Theo nghĩa rộng, phạm giao-huấn-gia nên tự hỏi chính mình đã thể-hiện nơi bản-thân được đến mức nào những gì đem ra giảng-thuyết. Việc điều-trị tâm-bệnh cho thấy rõ: cái hiểu biết và tài-nghệ của ông thầy thuốc không ăn thua, mà chỉ cái cá-tính của ông mới có hiệu-lực. Việc giáo-huấn cũng chẳng khác được: nó đòi hỏi điều-kiện tiên-quyết là sự tự giáo-hóa nơi bản-thân nhà giáo.

Tuy nhiên nói như vậy không phải tôi có khiếu vọng phán-xử các nhà giáo-huấn. Tôi cũng đã ở trong nghề và không quên những lời phê phán họ phải chịu đựng. Chỉ vì cái kinh nghiệm trong việc điều-trị nhiều bệnh nhân mà tôi tự cho phép nhắc đến cái sự-kiện thực-tế vừa nói đó.

Đối với thiên-bầm lý-trí, thiên-bầm tâm-tình chẳng kém bề quan-hệ. Sở dĩ người ta ít để ý đến tư-bầm tâm-tình là vì có tư-bầm tâm-tình thì thường lý-trí lại không mạnh bằng tâm-tình. Vậy mà một tâm-tình phong phú còn hữu ích và quý giá hơn một lý-trí linh-hoạt đối với đời sống lành mạnh của một cộng-đồng xã-hội. Có điều đức-hạnh tâm-tình cũng có hai mặt: mặt phải và mặt trái. Sự cảm-hóa (l'Eifuhlung) nhất là đối với giới phụ-nữ, có thể đạt tới mức-độ cao

như thiên-bầm dễ thích-nghi với thần-tượng. Nhưng khi thần-tượng sụp đổ thì những đức-tính do cảm-hóa tạo nên cũng chẳng còn. Đó là những phong trào cuồng nhiệt, như mớ lửa rơm, khi tắt rồi chỉ còn để lại những tro tàn của mộng vỡ.

Quả thực việc giáo-dục trẻ có tư-chất có những đòi hỏi quá nặng nề về khả-năng hiểu-biết tâm-lý, trí-tuệ, luân-lý và thẩm mỹ, nặng nề đến nỗi không nên đòi hỏi quá ở nhà giáo. Bởi vì sự thực là nhà giáo phải có thiên-bầm bao quát cao siêu mới nhận ra thiên-bầm cao siêu nơi học trò.

May cho nhà giáo là có nhiều tư-bầm tự chúng phát-triển được. Trẻ càng giàu tư-bầm thì sức sáng tạo tư bầm càng mạnh, như một cá-tính độc-lập, không cần đến một trợ lực nào. Có khi khả năng sáng tác đó dường như một thứ quỷ-thần-lực (démon-divin) chẳng những nó không cần phải giáo huấn mà có khi còn cần phải chế ngự để bảo vệ sinh mạng cho trẻ. Những tư bầm thượng thặng như thế là những kết quả tốt đẹp nhất, nhưng cũng nguy hiểm nhất trên cây giòng giống Nhân loại. Chúng nặng chiu những đầu cành ẻo lả dễ gãy. Sức phát triển của chúng như trên đã nói, thường không cân xứng với sự trưởng thành của nhân cách. Thiên bầm tự nó không phải là một giá trị, nếu ngoài ra cá nhân không còn gì là nhân cách. Tài năng phải có diệu dụng lợi ích cho nhân bản. Thiên bầm sáng tạo theo hướng thiện hay theo hướng ác? Phải có căn bản luân lý mới quyết định được. Căn bản luân lý mà thiếu thì không có thứ giáo dục nào tạo nên được hay thay thế được.

Vấn đề giáo dục lại còn thêm phức tạp bởi lẽ khó phân biệt những tư bầm với những chứng tật bệnh hoạn. Chẳng những tư bầm đặc biệt về một lãnh vực thường đi đôi với những thiếu lực về lãnh vực khác, mà tư bầm còn có thể kèm luôn chứng tật nào đó. Trong trường hợp này thực khó mà nhất quyết đây là một tư bầm hay là một chứng tật.

(còn tiếp 1 kỳ)

C. G. JUNG

NGUYỄN-GIA-TƯỜNG dịch

SÁCH MỚI

— Ngày xưa tập thơ của Nguyễn nhuợc-Pháp do Cảo-thơm xuất bản và nhà xuất bản gửi tặng Sách dày 94 trang khổ 16x20, gồm 10 bài thơ ra chuộng nhất của nhà thơ đã mất, trình bày rất mỹ thuật với 4 phụ bản của họa sĩ Thái-Tuấn Bản đặc biệt không đề giá.

— Ngày sinh của rắn tập thơ của Phạm công Thiện do Hoa Nắng xuất bản tại Paris và tác giả gửi tặng. Sách in ronéo, khổ 15x27 gồm 12 bài thơ, trình bày rất trang nhã.

— Đất mẹ tập thơ của Phương Đài, do Kim-Anh xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 84 trang, gồm 34 bài thơ, tựa của Vũ-Hạnh, tranh bìa và phụ bản của Bé-ký. Giá 50đ

— 3 tiếng thơ dài 3 bài thơ của Hàn Mặc Tử, Quách Thoại, Nhất Chi Mai, 3 nhà thơ đau khổ về các bệnh cùi, lao và tê-liệt, do Trần bá Cung xuất bản. Giá 15đ

B. N. P.



BANQUE NATIONALE DE PARIS

S. A. au capital de : 210 Millions de Francs

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 9^e

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Dạm — Tel. 21.902 (3 lignes) — 24.995

BUREAU DE QUARTIER :

136, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Tel. 22.797

B.P. E-5

BUREAU DE REPRÉSENTATION

DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Krâmûon Sâr

Téléphone : 24.37 et 24.38

B P N° 122

SUCCURSALE DE HONGKONG :

Central Building, Queen's Road Central
Téléphones : 25 — 2171 (8 lignes)

P O. Box N° 763

75 et 77 — Wyndham Street

BUREAUX DE KOWLOON :

Sham Shui Po 290 et 292 Castle Peak Road

TSIM SHA TSUI — Milton

Mansion 96 Nathan Road

La B.N.P. et ses filiales possèdent plus de 2.050 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

● MỘNG-TRUNG

(Bài đăng BK.TĐ. từ số 215)

Hôn nhân dị chủng

Lý-do chống-đối hôn nhân dị chủng của cha mẹ.

(Xin xem BK.TĐ. từ số 220)

Ngồi trên chiếc băng trong vườn Luxembourg vừa đan áo vừa xem chừng một chú trai độ 6 tuổi đang thả tàu trong hồ nước, bà Th. đưa chơn lúc lắc chiếc xe nôi để ru ngủ một cô bé lai Pháp độ 5 tháng mụ mằm đôi má no hồng, tóc hoe, mắt đục như anh nó.

Bà Th. vừa thấy tôi liền vui vẻ mời ngồi :

— Xin lỗi bà, tôi chỉ có thể tạm sự cận kề với bà tại đây. Con tôi đi làm nhưng tôi cũng không thể tiếp bà tại nhà, vì dẫu tôi không ưa người Việt tới lui chuyện trò với tôi. Tôi thì đã quen chịu đựng, nhưng chỉ sợ không đủ lễ với bà thôi. Tiếp bà như vậy xem cũng không phải rồi nhưng xin bà hiểu cho hoàn cảnh tôi. Ở đây mình thông thả hơn,

Nhìn qua y phục cũ kỹ và đôi chơn gầy guộc của bà Th. lỏng lẻo trong đôi giày mang ngủ (chaussons) tôi tò mò :

— Bà săn sóc các cháu, chắc các cháu mến bà lắm ?

Bà Th. úp mở :

— Trừu như trừu một vú em ! Tội nhỏ nó kính thương mình cũng nhờ cách cư xử của cha mẹ chúng đối với mình. Cháu tôi còn nhỏ quá. Tôi thương chúng tràn trề chớ chúng chưa biết gì đâu bà.

— Sau này chúng lớn lên, biết suy xét, sẽ kính thương bà nhiều.

— Có thể đúng hay ngược lại cũng nên, vì trẻ con thường bắt chước người lớn. Mà khi nó lớn khôn chắc chắn mình chết đã rồi xương rồi.

— Thưa, bà chỉ có một mình cậu X. là con ?

— Nó còn đứa em gái. Con gái tôi kính thương mẹ vô cùng. Từ lúc cha nó mất rồi, nó thường phụ tôi nuôi anh nó du học bên này. Tôi vô phước nên cách đây 4 năm nó chết vì bệnh ruột. Nó không có con nên nó mất được vài tháng chồng nó có vợ khác. Tôi phần buồn rầu, phần không còn ai giúp đỡ để nuôi thằng X. tôi bên này—giữa lúc đó nó cho tôi biết chỉ còn một năm nữa là nó thi ra kỹ sư—tôi đành chọn một cách sống nhất cử lưỡng tiện, tức là tôi vừa nuôi nôi con thêm một năm học cho nó thi ra trường vừa ở gần nó để mẹ con hủ hỉ. Sau đó mẹ con tôi sẽ cùng về Việt-Nam ...

— Bây giờ bà đã toại nguyện rồi, nhưng chắc bà buồn về việc cậu X. có vợ ngoại quốc chẳng ?

— Thật có như vậy, buồn nhiều lắm bà ơi, nhưng việc đó là sau này. Còn trước kia, bà xem, thương con quá, tôi đâm liều : không quen đi làm mướn mà tôi dám xin giúp việc cho một gia đình người Việt ở Pháp với điều kiện họ chịu tốn phí đem tôi sang đây. Tiền lương tôi chỉ nhận đủ nuôi con tôi ăn học cho đến ngày thi ra trường và tôi phải giúp việc cho người ta trong 2 năm để trừ nợ nần, ơn nghĩa.

— Mẹ Việt Nam quý vô cùng, nhờ bà hy sinh sức già với tất cả tình mẹ thương con mà cậu X. bây giờ mới nên danh phận. ...

— Đâu có được may mắn như bà tưởng, danh phận chi bà ơi, tôi bạc phước đủ đường. Trước khi sang đây, tôi gửi thư cho con tôi hay bảo nó xuống miền Nam nước Pháp đón thăm tôi cho tôi đỡ thương nhớ. Nó không trả lời và khi đến Pháp, tôi chẳng thấy tăm dạng nó. Tôi linh cảm có việc không may xảy đến cho tôi, nhưng chỉ có một mẹ một con, đã sang đây thì tôi quyết tìm gặp nó cho rõ sự tình. Làm cho chủ được 3 tháng, đối với tôi dài bằng mấy năm, tôi xin chủ cho tôi lên Ba lê tìm con và đem tiền cho nó. Bà ơi ! Khi đến nơi nó ở, tôi mới hay...

Thấy bà Th. bụm mặt khóc ngất tôi hết hoảng :

— Sao vậy bà ? Cậu X. chết nữa sao...?

Bà Th. nói trong nước mắt :

— Chết, nó chết với con đầm sau một năm sang Pháp ! Tính lại tôi mới biết là tôi mất con từ 7 năm rồi mà tôi không hay ! Rõ là nó gạt tôi trong lúc tôi sống cực khổ với bao nhớ thương, hy vọng ! Mấy năm ròng rã tôi và em gái nó lo gửi tiền theo giá tự do cho nó nuôi đầm. Khi vợ nó có thai, nó phải bỏ học đi làm bồi bàn, rửa chén, vát thùng và có khi phải quét đường làm đủ nghề để nuôi vợ con. Sinh hoạt vất vả, nó không tài nghề, không làm như vậy thì làm gì để sống ? Nếu tôi không sang đây, thì tôi cứ mãi tin là nó đau ốm, nằm nhà thương, trị rớt v v...

— Nhưng rồi cũng xong Bà bây giờ có đủ con cháu, bà thương lo, sống chung đủ vui rồi. Nghề chi miễn sống được là khỏe, bà buồn làm gì...

— Bà ơi, vui buồn chi cũng phải chịu. Một mẹ một con đi đâu bây giờ. Tình cha mẹ thương con như nước trên nguồn chảy xuống. Xa quê hương, thân quyến có lẽ đến suốt đời và chôn xác bên này cũng nên để gần con cháu, mà thật ra, tôi vẫn mất con và cô độc như thường. Con tôi nó đi làm suốt ngày, có mấy khi tôi gặp nó đâu ! Mà có gặp nó, tôi thấy không có chút thì giờ nào gọi là thì giờ để cho mẹ con tâm sự với nhau. Nói cho đúng là tôi thiết tha tâm sự với nó thì không ! Tôi thiết tha cho ra không bao giờ cạn cái tình chăm sóc của người mẹ chắt chiu đứa con từ lúc nó mới lọt lòng cho đến khi khôn lớn. Cho nó đi du học, mình chắt chứa trong lòng cả khối nhớ thương, mong ngày gặp lại con, mẹ con tâm sự cho thỏa phần nào, mà từ mấy năm rồi, cái giờ tâm sự đó không hề đến với tôi.

— Mỗi tối, sau giờ làm việc về bà cũng có gặp con ít nhất trong bữa ăn chứ ?

Nó về đến nhà là bỏ lơ rặc tiếng Tây với vợ con nó. Phần tôi thì hí hục lo dọn cơm. Ăn uống không yên với sắp nhỏ có đâu đến chuyện trò. Vợ con nó đó tôi nói tiếng Việt sao cho tiện. Ăn xong nó đi nghỉ, tôi dọn dẹp rửa chén cho vợ nó thay đồ và dỗ con ngủ. Thế là hết một ngày và tâm sự tôi từ hẹn để lại hôm sau. Chúa nhật, nếu vợ chồng nó không «xọt ti» thì có bà con bên vợ, bè bạn người bản xứ đầy nhà. Tôi lại lằng xằng lớp bếp núc lớn sẵn sóc lũ cháu cho vợ chồng nó tiếp khách.

— Sao bà không đến chơi với bè bạn người Việt giải khuây ?

— Đến gặp người ta càng thêm tủi phận mình. Hai tay trắng lấy gì mà thù tạc với bạn bè. Để 3 đứa cháu ở nhà với công việc hằng ngày cho vợ nó, mình đi chơi về ăn cơm không ngon, mà đi dạo với vợ chồng nó mình cũng ngại vì đến ở xứ người ta, mình già nua chậm chạp, ăn mặc lượt bướt không đẹp mắt cho dâu con, mình không biết tiếng Pháp, có đi theo nó, cũng tự thấy mình dư ra. Vợ chồng nó cặp tay nhau, mình lết đệt sau đuôi với bầy con nó mình giống như người hầu càng tủi. Giờ thông thả nhất của tôi là giờ dắt cháu đi ra ngoài. Bà xem, tôi may, tôi đan áo, tôi suy nghĩ và khóc một mình cho bớt nặng lòng và quên thì giờ.

Tôi không muốn nói hoàn cảnh tôi cho ai biết mà mời ai đến nhà như trường hợp tôi mời bà cũng không tiện. Dâu tôi không hiểu tiếng Việt nó sẽ khó chịu và nghĩ mình nói điều không hay cho nó.

— Sao bà không tập cho dâu và cháu bà nói tiếng Việt cho bà đỡ cô độc ?

— Ngược lại bà ơi. Xứ này là xứ của nó, mình phải học tiếng của nó chứ nó đâu chịu học tiếng mình. Đối với dâu, tôi là người ở đậu. Đối với cháu tôi là vú em không hơn không kém. Tôi đến ở với chúng nó, tôi không làm theo ý tôi được và mọi việc tôi đều phải tùy chúng nó. Cho đến ăn uống, trong 2 năm nay tôi chỉ nấu cơm Việt ba bốn lần mà không ai ưa hết ; hiện giờ tôi phải ăn uống như chúng nó. Dâu tôi không bằng lòng cho con nó ăn theo Việt vì e chúng quen rồi đòi những thứ dâu tôi không ưa. Tiếng Việt không phải là tiếng thông dụng, đáng học trên đất nước này một khi con tôi cũng chỉ thích nói tiếng Tây. Tôi chỉ còn có

quyền thương lo và làm theo ý con cháu mà không có quyền sửa chữa hay dạy dỗ ại điều gì hết.

— Sao vậy ? tình thương vô biên của bà ít nhất cũng cho bà được một chút quyền vui sống chứ ? Còn cậu X., cậu cũng thương mẹ chứ ?

Bà Th. bụm mặt khóc :

— Con tôi ? ! Tôi đã thừa với bà là tôi mất con đã từ lâu lắm rồi ! Thường ngày tôi vẫn gặp nó đó chứ. Ngồi trước mặt nó mà tôi thấy tôi xa cách nó ngàn trùng. Không khí lạnh lạt, lênh loảng trong gia đình, sự thay đổi tâm tính, thiếu thân thiết và tình thương của con tôi làm cho tôi không mở miệng được để tâm sự với nó. Mà nó, chắc nó cũng không có điều gì để nói với tôi, một khi nó thấy lòng mẹ là một nguồn suối thương bất diệt tát hoài không cạn ; nó chỉ có việc hưởng thụ một cách tự nhiên. Trong hoàn cảnh sống và phong tục ở đây, tôi và con tôi cùng hiểu rằng : Tôi đến xứ này là tôi vì con tôi chứ không phải tôi vì tôi, vậy thì tại sao phải nghĩ lẫn thẩn đến việc tôi sống cho tôi ? ! Giản dị như vậy đó bà ơi !

— Dầu ích kỷ đến đâu cũng còn chút tình mẹ con thiêng liêng chứ. Bà không bao giờ nghĩ đến chuyện ở xa con bà sao ?

— Không bà, tôi mất con trong lòng nhưng ở đây mắt tôi còn thấy con cháu. Nói ra thật xấu hổ, nhưng tôi tâm sự được với bà tôi đỡ khổ lòng, nghĩ rằng bà muốn biết rõ sự thật không phải để chê cười tôi mà để nói lên tiếng nói của người mẹ và đứa con bị chia cách bởi phải chung sống với người khác da khác giống. Con tôi bây giờ như người không tai không mắt ; nó không thể thấy hay đọc được cái cảm lạnh đau khổ của mẹ nó đâu... !

Tôi không thể hỏi gì thêm được hơn là ngồi nhìn bà Th. khóc mùi mẫn. Chập lâu, bà lau nước mắt liếc nhìn đứa bé ngủ trong xe và trông chừng thằng cháu trai đang ngồi đọc cát rồi bà thao thao như nói trong mơ :

— Cực khổ với những giọt máu của con tôi bây giờ là nguồn an ủi độc nhất của tôi. Với chúng, tôi nói không những câu thương yêu mà không cần được hiểu, chăm sóc nựng nịu chúng để sống lại cái thời làm mẹ để hết tình thương âu yếm đứa con thơ. ngây ngô, chỉ biết vờ vĩnh hỏi xin. Mình sung sướng với cái ảo vọng tuy xa xôi nhưng rất êm đềm rằng : rồi đây, khi lớn khôn, nó sẽ cho lại mình một vật trống không nhưng vô giá là... tình thương...

Bạn cũng đoán biết rằng câu hỏi tôi dành cho buổi phỏng vấn bà Th. chưa mới ra mà đã được trả lời từ lâu rồi.

Từ giả bà, tôi có cảm giác mình như cái gai, vừa chích vào da thịt người đau vừa làm bắn chất độc để cho ung nhọt nhẹ căng ; khơi đau buồn và rút bớt buồn đau cho kẻ khác. Riêng mình, từ bước ra về, tôi càng thấm thía về trách nhiệm và bổn phận của con người, về tình thương cho thắm lặng, sâu kín, to rộng của những người Mẹ xứng đáng, những người Mẹ thương con cho con và vì con không cho mình và vì mình. Cho ra mãi nguồn thương mà không bao giờ đòi trả lại.

Nói chuyện “thiến”

Do một thói quen của tư tưởng, những ý đối nghịch thường dễ gặp nhau. Vì vậy trong khi thiên hạ bàn đến vấn-đề dục-tình một cách sốt sắng thì nói chuyện thiến có lẽ là hợp hơn hết. Lại được dịp may, giữa lúc tìm kiếm tài liệu về lớp yêm-hoạn cho một truyện dài, tôi được bác sĩ Nguyễn Trần Huân ở Pháp gửi về cho mượn một số tài liệu nghiên cứu lâu đời và khá đầy đủ về loại người ấy, của bác sĩ Richard Millant do nhà Vigot Frères xuất bản. Xin lược dịch một số sự kiện ít thấy báo chí ta đề cập đến, đề cùng quý vị chia xẻ chút lòng thương hại đối với những ai đã chịu lao đao về... chút sự đời.

V. H.

Trong quyển *Emile*, văn hào Rousseau có lời nhận xét chua chát như sau : “ Cái gì rơi vào tay người rồi cũng biến tính cả thôi. Người ép buộc đất phải nuôi hoa màu của loại đất khác, ép cây phải mang hoa trái của loài cây khác. Người làm xáo trộn thời tiết, mùa màng, người thiến chó ngựa và lớp nô lệ. Người gây nên sự đảo điên, làm cho mọi vật đổi dạng thay hình. Người ưa hình thù kỳ quái, thích lũ ma quỷ yêu tinh. Người không hề chịu đề yếm các sản phẩm của tạo hóa, dù sản phẩm ấy là con người ».

Nếu ta nghĩ đến bao nhiêu sự việc đã từng xảy ra cho người từ trước đến nay, ta cũng chia xẻ quan điểm tác giả được một phần nào. Ngay từ thời rất xa xưa, sử gia Hérodote cũng đã từng nói đến chuyện các cô gái Amazones đốt cho cháy

hắn cái vú bên phải để mà bắn cung khỏi vướng víu gì. Ngày nay, nghe đâu một số thổ dân châu Úc, trong sự cúng kiến thần linh vẫn hay đâm chém thân mình nhiều vết thương sâu, hoặc chặt đứt luôn một đốt, hay luôn cả một ngón tay. Nhiều thổ dân ở châu Phi tia rằng cho giống như là răng cưa, và nhiều bộ lạc ở các núi rừng Việt-Nam còn tục “ cà răng cưa tai ” rất ư phổ biến. Ta bỗng nhớ đến giống người Botocudos ở miền Nam Mỹ vốn thích làm cho đôi tai hoặc cái môi dưới chằng ra, bằng cách cho đeo những đồ trang sức bằng đồng, hay là bằng gỗ, rất nặng.

Tuy vậy, dù cho cắt xẻo ở đâu đi nữa thì cũng không thấm thiết bằng cắt xẻo cơ năng sinh dục của người, dù là cắt xẻo lấy một phần ba, phần tư, hay

cả toàn thể. Sự cắt xẻo, hay thiến này, đã được các nhà khoa học nhận định như là phát khởi từ một hỗn hợp ý tình tôn giáo với những quan hệ kinh tế trong những hoàn cảnh xã hội nhất định. Còn theo ngày xưa, thì người Tây phương giải thích rất mơ hồ rằng sở dĩ người ta biết thiến là tại bắt chước các con hải ly (castor). Chúng ta biết loài hải ly thường tiết vào hai bọc nhỏ ở hai bên của bộ phận sinh dục một chất có nhiều được tính hiện được dùng làm môn thuốc an thần rất tốt. Người xưa cho rằng hai cái bọc ấy là... dái — xin lỗi — của con hải ly và thường cắt lấy đem bán ở trên thị trường với một giá đắt. Nhất là lái buôn Ả-rập thường cho xuất cảng món này với cái nhãn hiệu đặc biệt là « Dái ngoại dương » cốt đánh vào tâm lý một số người thích dùng đồ của nước ngoài. Trong phần quảng cáo về môn dái ấy, họ có kê khai khá tỉ mỉ rằng cái giống hải ly khi bị săn đuổi quá gấp, liệu bề không thể thoát được thì chúng dùng răng cắn dái cho đứt rời ra để dái khỏi rơi vào tay kẻ thù. Đối với hải ly, dái là danh dự và linh hồn vậy. Một số các nhà tự xưng là đại thông thái dựa theo văn chương quảng cáo các loại thuốc dái, vội vàng nhận định rằng tiếng *châtrer* có nghĩa là *thiến* ở trong tiếng Pháp, bắt nguồn từ chữ la tinh *castrare*, và chữ này lại mượn ở chữ *castorare* có nghĩa là « thiến như bọn hải ly ». Tuy vậy, theo sự nhận định của những người kém thông thái hơn nhiều mà ta có thể tin được thì chữ *châtrer* là do ở chữ *castrum*, có nghĩa là *con dao* vậy. Tóm lại dù phải dùng dao hay là dùng răng, thì cái kết quả cũng không có gì đáng nên khuyến khích.

Thiến vì tín ngưỡng

Người ta tìm thấy công việc thiến người có những dấu vết xưa nhất trong những tôn giáo cổ thời ở Mỹ-tây-Cơ, ở Ấn-Độ, ở Bretagne, và trong nhiều tháp Hời ở Việt-Nam người ta còn thấy những tượng thờ hình dương vật, tượng trưng cho sinh lực, cho sức sáng tạo thiêng liêng. Những cô bà ở La-Mã, Ai-Cập ngày xưa vẫn đeo hình nó tòn ten ở cổ như là đeo bùa đề cầu may mắn. Nhưng từ sự thờ phụng ấy đến sự xẻo cắt có mối tương quan gì chẳng? Thật ra có quá nhiều cách giải thích. Riêng người Bà-la-môn đã giải thích đến ba cách rồi: thứ nhất, theo như kinh sách Vệ-Đà đề lại thì thần Xi-Va có những hành động bê bối trong sự chung chạ vợ chồng nên phải xấu hổ mà chết, và sau khi chết biến thành... dương vật, tức là vị thần *Lingam* (có chỗ viết là *Linga*). Thần có trời rằng ai chịu hy sinh món đó để mà nạp cúng lên bàn thờ thần thì sẽ được thần phù hộ và thần dành cho một chỗ thoải mái ở miền Tây phương Cực-Lạc. Về cách giải thích thứ hai rất là phổ biến ở trong một số địa phương Ấn Độ thì thần Xi-Va là thần bê bối hạng nhất đã quyến rũ hầu hết nữ tín đồ vào chuyện bậy bạ nên bị các nữ tín đồ nguyện rửa đến nỗi thần bị... kiệt dương hoàn toàn. Từ đó cắt thiến và thờ phụng món đó là cách tỏ lòng tín ngưỡng phù hợp hơn hết đối với thần này. Về cách thứ ba, thì người ta giải thích rằng vị thần Xi-Va (cũng vẫn là cái ông này!) quá đổi buồn phiền về cái kích thước dài lớn quá cỡ của bộ phận ấy nơi mình bèn cắt nó ra làm mười hai khúc và từ mười hai khúc

ấy phát sinh tất cả chủng loại con người ở trên mặt đất !

Tất nhiên chúng ta không ai có thể chấp nhận một cách giải thích xấu hổ như thế về nguồn gốc của loài người. Dù truyền-thuyết có nhấn mạnh về sự Xi Va chia cắt mười haikhúc ấy rất là đều nhau để xác nhận rằng loài người đều được sinh ra hoàn toàn bình đẳng, thì ta cũng không thể nào hãnh diện về một bình đẳng cắt khúc, cắt khoanh như thế. Nhưng theo lập luận của một số vị đáng tin cậy hơn thì có lẽ sự thờ phụng *Lingam*, nói theo Ấn Độ (hay là *Phallus*, nói theo La-Mã) xuất phát từ cái quan niệm nhận định đơn giản của người thái cổ về sự cần thiết truyền giống trong một xã hội có nhiều tàn sát. Và sự cắt xẻo lại phát sinh từ kết quả suy đồi mà sự thờ phụng kiểu ấy gieo rắc cho người: cuộc sống dâm ô, sa đọa được loại tín ngưỡng như thế dung túng, hỗ trợ, dần dần đã đưa bao nền văn minh vào sự suy bại, sụp đổ, cả về phương diện luân lý, tinh thần và về phương diện kinh tế, xã hội. Trên thực trạng ấy này si h một quan niệm khác là cần cắt thiểu để được trong sạch cho hòa hợp với thần linh. Và thần linh này nhất định không phải là ông Xi-Va. Một số tôn giáo đã đi đến sự xác quyết rằng chỉ có thiểu thực sự, người ta mới mong được hưởng những ngày hạnh phúc ở cõi Niết Bàn !

Tuy vậy nếu có những người như là văn hào Voltaire trong quyển *Thử tìm hiểu về phong tục* đã cho rằng sự cắt thiểu là cách tỏ lòng trong sạch đối với thần linh thì có nhiều nhà khảo cứu không chia sẻ ý-kiến đó. Bergmann cho rằng cắt thiểu là một chứng tích về sự hèn hạ, phục tùng của người đối với thần linh,

dựa vào sự kiện đa số vua chúa thắng trận ngày xưa thường hiến số người bại trận để cho phân biệt tính cách lệ thuộc nơi họ.

Rất nhiều thần linh đều có tín đồ là kẻ yêm-hoạn. Những vị mục sư thờ vị đại thần Emèse ở Syrie sau này được hoàng đế Héliobale cho truyền giáo ở La-mã đều là những người đã thiểu. Vào ngày đại lễ, người cầm đầu tôn giáo ấy ném lên bàn thờ thần linh những dương vật mới cắt của tín đồ để tỏ tấm lòng sùng kính. Vị đại-tư-giáo của thần Cérès Eleusine cũng phải uống loại độc cần (ciguë) để cho liệt dương, mới xứng đáng với chức vị của mình. Ở Athènes cũng có những đại-tư-giáo dùng độc được ấy để mà diệt dục. Trong đền Cnide nổi tiếng có nhiều nhà tu tự thiểu và vận quần áo đàn bà để lo công việc tế tự. Việc thờ cúng thần Cybèle ở Hi - Lạp, rồi La - Mã, đã làm rơi rụng biết bao cơ quan sinh dục của những tín đồ và những quang cảnh đẫm máu của các lễ nghi cắt xẻo gây bao ấn tượng thảm khốc, bạo tàn. Sau này khi Ky-tô Giáo xuất-hiện những tục lệ thờ cúng dã man ấy bị xóa bỏ dần, nhưng thay vì sự yêm hoạn thể xác người ta đã bắt buộc sự yêm hoạn tinh thần. Đề cao giá trị trong trắng của thánh Ildefonse, Axillas ở Tolède đã viết như sau : "Từ khi sinh ra, ngài đã được thiểu, không phải bằng bàn tay người mà bằng lưỡi gươm của Thượng-Đế. Ngài đã dứt bỏ tận gốc được những dục vọng xấu xa không phải bằng các phương tiện giải phẫu mà do ân huệ ban xuống từ trời dành sẵn cho ngài chỗ ngồi giữa các thánh thần". Tuy vậy, trong những buổi đầu một số tín đồ Ky-tô Giáo vì quá hăng với những gì áo

điều kêu gọi tiết dục đã vội tự thiến để mong lên cõi thiên đường cho được nhẹ nhàng, sớm sửa. Thực ra, sự thiến không làm tiêu được dục vọng, và thánh Basile đã phải liệt kê khá nhiều những kẻ yếm hoạn ngoại tình và làm nhiều chuyện đồi trụy. Nhưng sự cuồng tín vẫn lôi kéo nhiều tín đồ vào sự hủy hoại cơ thể như vậy, đến nỗi giáo hội đã phải lên tiếng nhiều lần, dọa sẽ rút phép thông công những tu sĩ nào đã hiểu sai lời thánh kinh mà cố dứt bỏ cơ quan sinh dục của mình. Dầu vậy, về sau cũng vẫn không thiếu những vị tín đồ thuộc phái ly-giáo khẳng khái quyết thiến cho được, và có những người nổi tiếng một thời về những đau khổ chịu đựng như Origène ở Ai-Cập, Valésius ở Ả-Rập. Ông Valésius này nhất định cho rằng thiến là phương sách tốt nhất để đi vào đường thánh thiện, và ông lập một môn phái, không chỉ chuyên thiến lẫn nhau mà còn thiến cả bạn bè hay là khách khứa mà họ tóm được, với cái hảo ý là giúp cho các người này chóng tìm được niềm hạnh phúc vĩnh cửu. Một cái giáo lý kỳ quặc như vậy không thiếu quần chúng hưởng ứng, và tín đồ càng gia nhập đông đảo đến nỗi giáo hội lại phải đối phó với họ một cách quyết liệt. Tuy nhiên so với giáo hội La mã thì giáo hội Hy-lạp của thời ấy áp dụng biện pháp rộng rãi hơn nhiều, nên một số vị đã thiến vẫn được trọng dụng chứ không bị sự loại trừ.

Dù đã bày tỏ một sự chống đối quyết liệt về vấn đề thiến, nhưng người Do-thái không phải là chịu dễ yên cho bộ phận ấy. Tục lệ cắt da qui đầu (circuncision) là một dấu hiệu đặc biệt của giống nòi họ. Suy ra thì tục lệ này, xét trên thực tế, cũng chỉ là một cách thiến đã được thu gọn vào

tỷ lệ nhỏ mà thôi. Nó không phải là một cách phòng ngừa vệ sinh như một sử gia cử đại là Hérodote đã từng nhận định hoặc nhiều nhà văn và nhà khoa học thời nay cũng có nhận xét tương đồng. Một trong số hạng người này, ông Hutchinson, có dịp quan sát trong một bệnh viện ở tại Luân-Đôn, giữa một khu vực đông dân Do Thái, đã nhận thấy rằng nơi những người này ít bệnh phong tình hơn các khu vực có giống người khác. Ông đã đi đến kết luận rằng tục cắt da qui đầu là một biện pháp hữu hiệu chống lại bệnh ấy vì nó giúp cho bộ phận thêm sức chịu đựng trước mọi tấn công của các vi trùng hoa liễu vừa ngăn cản được thói tật thủ dâm nguy hại nơi một số người. Nhưng theo một số ý kiến tương đối chuẩn xác thì tục lệ ấy chỉ là một cái giai đoạn quá độ, dung hòa, của cuộc cắt thiến thô bạo trong đám tà giáo với sự yếm hoạn tinh thần trong lớp tu sĩ của Ky-tô giáo. Nó là biểu tượng của một cộng đồng sinh hoạt, vừa là một thứ kỷ luật nhất trí về mặt tín ngưỡng, với cái ý hướng bày tỏ một sự lệ thuộc vào đấng thiêng liêng mà không thương tổn đến việc lưu tồn nòi giống. Sự giải thích này có vẻ hợp lý hơn nhiều vì trong thời rất xa xưa người La-Mã đã học tập của người Ai-Cập cái tục lệ ấy mà họ ăn ở cũng chẳng có vệ sinh gì. Nếu ta hiểu rằng có nhiều bộ lạc da đen ngày nay sống trong tình trạng bán khai vẫn áp dụng tục lệ ấy, thì thật là khó lòng mà qui nguyên nhân là tại ý thức vệ sinh, một thứ vệ sinh cuồng tín cuồng nhiệt đến độ kỳ quái như Nơi các giống người Cafres, Mandingues, vậy! Abyssins tục lệ này được cử hành một cách thuần túy tôn giáo. Ở Úc Châu, ở Phi-lật-Tân, ở Mễ-tây-Cơ vùng

• Yucatan, ở các giống dân da đỏ sống ven dòng Orénoque, sự cắt lớp da qui đầu phải do bàn tay tu sĩ thực hiện mới đủ lễ lối tôn nghiêm. Riêng về Hồi-Giáo, trong số hai trăm triệu người nhiệt tín ở rải rác khắp hoàn cầu thì đã có tới một trăm tám mươi triệu được cắt xẻo heo tục lệ đó.

Một hình thức khác của tục lệ này là lấp khâu vào dương vật, những khâu bằng kim khí, thường thấy ở trong một số bộ lạc châu Phi, cũng giống như tục lệ ngày xưa của bọn giặc đầu. Ở Đại dương châu, người Maoris khâu da qui đầu bằng sợi dây đồng. Thờ dân châu Úc sống trong bán đảo Port Lincoln là lớp người cứng rắn nhất thế giới, áp dụng một lối cắt xẻo đặc biệt chưa hề tìm thấy bất cứ nơi nào. Trẻ con từ 12 đến 14 tuổi thì bị lấy thoi đá nhọn soi rộng ống dẫn tiểu tiện, rạch từ qui đầu cho đến âm nang, rồi người ta nhét một miếng vỏ cây vào đó cho vết thương khỏi liền lại. Người ta giải thích nguyên nhân sâu xa của tục lệ khốn nạn này là sự nghèo nàn, vì miền đất mà họ sinh sống thật là cằn cỗi, khó lòng nuôi được nhiều người. Nhưng một số nhà nghiên cứu vẫn gán cho nó ý nghĩa hoàn toàn tín ngưỡng. Còn hỏi thổ dân ở đây vì sao họ lại làm thế, thì họ một mực trả lời: «Ông bà chúng tôi đã làm như vậy; thì chúng tôi phải làm theo.»

Ở Mỹ-tây-Cơ, nơi giống da đỏ Pueblo, cũng có một tục lệ khá kỳ quặc. Trong mỗi làng của bộ lạc, người ta chọn một người khỏe mạnh nhất, gọi là Mujerado ép phải thủ dâm một ngày nhiều lần và buộc cỡi ngựa thường xuyên để cho liệt dương (I). Từ đấy người Mujerado trở thành một loại yếm hoạn và là nhân vật

quan trọng trong các cuộc tế, cuộc lễ.

Ở Mỹ tây Cơ người ta còn tìm thấy nhiều đền thờ dương vật, trong đó có những «của nợ» mang rất nhiều vết chạm nổi công phu: Các nhà chú trọng nghệ thuật thuần túy có thể nghĩ rằng sự chạm nổi ấy hoàn toàn là để phụng sự cái đẹp, cái đẹp muôn thuở, muôn đời và «vô vị lợi». Nhưng họ sẽ phải buồn lòng xiết bao khi biết rằng nhà khảo cổ Claine khi đi quan sát thổ-dân Bataks-Karo đảo Sumatra đã chịu khó nghiên cứu khá tỉ mỉ những «của nợ thiệt» của họ, và thấy họ đã dùng những phương pháp cắt xẻo tinh vi để luồn trong da những miếng xương nhỏ chuốt tròn, to bằng cây diêm và ngăn chừa độ nửa phân để tạo nên sự sù sì cần thiết cho sự chung chạ. Người ta chợt hiểu là sự chạm nổi quả không có cái tác dụng để mà ngắm nghía chút nào. Ngoài ra nhiều bộ lạc khác vẫn còn truyền tử lưu tôn cái tục lệ thiện một bên, hay nói cho có danh từ, là thiện đơn phương. Chẳng hạn ở dân Bedjas tất cả đàn ông, không trừ một mống loại nào, đều thiếu hẳn dái ở bên tay mặt. Trong xứ Kafa, dân bộ lạc Sidama dùng hai tảng đá nghiền nát hẳn một bên dái. Gần họ, giống người Zindjers cũng tạo cho mình tình trạng một mất một còn như vậy, và chỉ riêng có nhà vua cùng hoàng tộc là có đủ cả cặp. Sự phân biệt giữa thiên tử và thần dân được kể ở số

(1) Theo Hippocrate thì nhiều giống dân ở Scythie trở thành liệt dương vì họ sống quen trên lưng ngựa. Các nhà khảo cổ khác cũng xác nhận điều đó. Nhiều dân Tartares ở miền Causase gần như cỡi ngựa suốt đời nên bị liệt dương hoàn toàn, và biến đổi dần, giống như bọn người yếm hoạn «cơ thể mập phì, mắt hũng sâu, râu lơ lửng, tay dài ra».

chăn, lễ, và đó là cách phân biệt địa vị khó nhìn thấy nhất trên thế gian này. Những tục lệ này đều được thực hiện trong những nghi lễ trang nghiêm, dù các món đồ phôi bày ở trước bàn thờ có vẻ không được tì h-khiết. Người Sidama cho rằng nghiền bột một hòn như vậy là phương pháp tốt hạng nhất để tăng sinh lực và sự can-đảm của giống nòi họ. Vì sao mà tăng, thì họ cũng đến trả lời ngon lành là « Tại ông bà bảo vậy » mà thôi. Nhưng giống người Cafres và Hottentots thì có chủ trương đối nghịch với người Bedjas là chỉ thủ tiêu riêng hòn bên trái mà thôi. Họ lý luận rằng làm vậy là cách ngăn ngừa cho đàn bà họ khỏi đẻ sinh đôi !

Tuy nhiên, tất cả tục lệ này ngô nhưng không kém phần đau đớn như vậy xảy ra ở các bộ lạc thấp kém là điều mà ta có thể hiểu được. Nhưng điều có thật mà rất khó tin là ở Âu Châu vào khoảng thế kỷ 18 cho đến cả đầu thế kỷ 20 các tục lệ này vẫn cứ phát triển ở ngay những nước tự gọi văn minh. Ở Lô ma ni và ở trung bộ nước Nga là bị phá hoại nhiều nhất bởi một giáo-phái cuồng tín, gọi là Skoptzy.

Cho đến ngày nay người ta cũng không có cách nào khác để giải thích sự dã man của giáo phái này ngoài sự nghèo khổ đặc biệt và nạn thất học lan tràn của nông dân Nga dưới ách Nga Hoàng. Cứ một trăm người mới có một người biết thế nào là chữ viết. Quá khổ, nông dân chỉ biết uống rượu cho quên đau buồn. Nhưng cứ mỗi tỉnh hàng năm phải đưa đi đây cả hàng trăm người sát nhân vì tội quá chén gây ra. Ta có thể hiểu thực trạng người dân ở các

chế độ phong kiến Âu châu nhiều hơn, nếu ta tin vào con số thống kê ở Pháp thời ấy là « cả nước Pháp đông đảo bao nhiêu triệu người như vậy chỉ có bốn trăm ngàn người biết rằng có một xứ sở gọi là nước Đức ở sát nách họ và chỉ chừng ấy con người biết rằng ở trên đầu họ có một nhân vật gọi tên là Nã Phá-luân ».

Chính sự nghèo khổ và sự ngu dốt đẩy dọa con người, khiến họ luôn luôn khao khát, hi vọng và những khao khát và hi vọng này dễ bị lợi dụng, lừa gạt bởi những tà thuyết quái đản. Ngoài giáo phái Skoptzy còn cả hàng trăm các giáo phái khác nhưng quan trọng nhất là Skopzy, Skakouny và Khlysty, sinh hoạt theo lối đồng bóng của ta nhưng có nhiều cách hành lễ kinh khủng hơn nhiều.

Giáo phái Khlysty phát sinh từ năm 1717 với một nhân vật khởi xướng tên là Procope Lopkin và độ 20 tin đồ vừa nữ, vừa nam. Ban đầu, phát triển có vẻ chậm chạp, nên mãi mười lăm năm sau — 1733 — mới có 78 người. Không những đàn ông bị sự đeo gót bên dưới mà cả đàn bà cũng vậy. Không chỉ âm-hạch và những phần khác của nữ tín đồ bị sự cắt xẻo đáng kể, mà đến nhũ bộ cũng bị gọt tĩa phũ phàng hoặc bị đốt cháy nặng-nề. Đến năm 1757 thì một nhân vật trong giáo phái này, André Jvanow, có lẽ muốn làm một cuộc cải cách quan trọng nên tách ra lập giáo phái Skoptzy chủ trương cần phải thiến mạnh, thiến sát mới sớm đạt được hạnh phúc. Anh ta tự nêu gương trước bằng cách tự thiến rất là quyết liệt rồi lôi mười ba tín đồ ra thiến một mạch, không cho bàn cãi lời thôi. Như

thể có 14 nhà sáng lập cho giáo phái này. Chính quyền thời ấy muốn chặn đứng nạn thiên này bằng cách ra lệnh bắt Jvanov, xử tội đánh bằng roi da rồi chq đi đày. Anh ta bị chết trong những ngày bị giam giữ.

☞ Nhưng hình phạt mà Jvanov chịu đựng chỉ làm cho các tín đồ hăng máu hơn lên, cử ngay một giáo chủ khác tên là Sseliwanov. Về công việc thiên ông này hoạt động rất mạnh và trong số tín đồ mới ông thu nhận được một người đặc biệt tích cực là Silova mà ông tự tay thiên trước mọi người và nói những lời ca ngợi nồng-nhiệt. Anh này lôi kéo được số tín đồ khá đông nhưng sớm bị bắt. Trong tù anh ta thuyết phục thể nào mà các bạn tù đồng ý cho anh ta thiên tất cả. Hơn thế anh ta còn giải thích cho hai cai ngục ích lợi của việc làm này và họ tình nguyện xin thiên lập tức. Tất cả chuyện này bị lộ, người ta đem anh nhốt trong hầm kín và hai năm sau thì anh chết. Còn Sseliwanov thì trốn được một thời gian cũng bắt giữ đày sang miền Tây Bá Lợi Á cùng với tín đồ. Bao nhiêu nỗi khổ trong thời gian này giúp cho ông ta xây dựng một vở bi-kịch mà ông ta cho xuất bản khi được thả. Ông ta quảng bá giáo lý của mình suốt 18 năm ở Pétersbourg, trở thành một bậc thần thánh khiến nhiều quí tộc rất là quí nể. Đó là thời đại hoàng kim của phái Skoptzy. Nhưng đến năm 1820 thì Sselivanov ra mặt hoạt động chính trị công khai, chống lại nhà vua, từ đó hoàng đế A-lích-san đệ nhất phán rằng: "Bọn Skoptzy là kẻ thù nghịch của mọi luật lệ thiêng liêng cũng như luật lệ xã hội, bọn đó là kẻ phá hoại mọi thứ luân lý, đạo đức, nói chung là kẻ thù của loài người" Năm ấy, ông ta bị bắt an trí, và đến năm

1832 thì qua đời, hưởng thọ đúng một trăm tuổi. Tuy vậy bao nhiêu năm về sau, tín đồ vẫn nhất định ông còn sống như thường, cho rằng « ông sẽ cầm đầu các toán thiên binh để về xây dựng nên xứ sở của thánh thần ».

Giáo lý căn bản của giáo phái này là sự tiết dục. Họ cho tổ tiên đã bị xua đuổi ra khỏi địa đàng vì sự phối hợp thể xác, vậy thì chỉ có giữ lòng trong trắng, mới chóng lên được cõi trời. Mà muốn giữ lòng trong trắng, theo họ, chỉ có thiên là bảo đảm bậc nhất.

Sau này các kẻ kể vị giáo phái nhận thấy ngay trong giáo lý đã có một điều mâu thuẫn quan trọng, là nếu cứ thiên như vậy thì đến một ngày nào đó đạo hữu hết người kể thể và giáo phái sẽ điêu tàn, Họ bèn mở rộng điều lệ, thừa nhận tín đồ chỉ thiên khi dễ xong được đưa con thứ hai. Các người con này được nuôi theo tinh thần ấy và nếu kẻ nào lớn lên bỏ xứ mà đi để mong dễ hơn số con mà luật lệ định thì bị giết chết. Giáo phái Skoptzy càng ngày lan rộng ra nhiều nước khác, và Áo, và Thổ nhĩ Kỳ, Hi Lạp gia nhập càng đông. Trong số tín đồ có cả quí tộc, các chủ ngân hàng, binh lính, thợ thuyền. Chính quyền đã dùng khá nhiều hình phạt, kể từ hình phạt bêu xấu như khi bắt được một Skoptzy thì cho mặc quần áo của đàn bà, đội mũ dành riêng cho các người điên rồi dẫn dạo quanh phố phường làng xóm, đến sự tù đày thảm khốc, nhưng con số vẫn không giảm. Có nơi vào năm 1895 chỉ có 8000 Skoptzy mà sáu năm sau con số đến 16098 tín đồ !

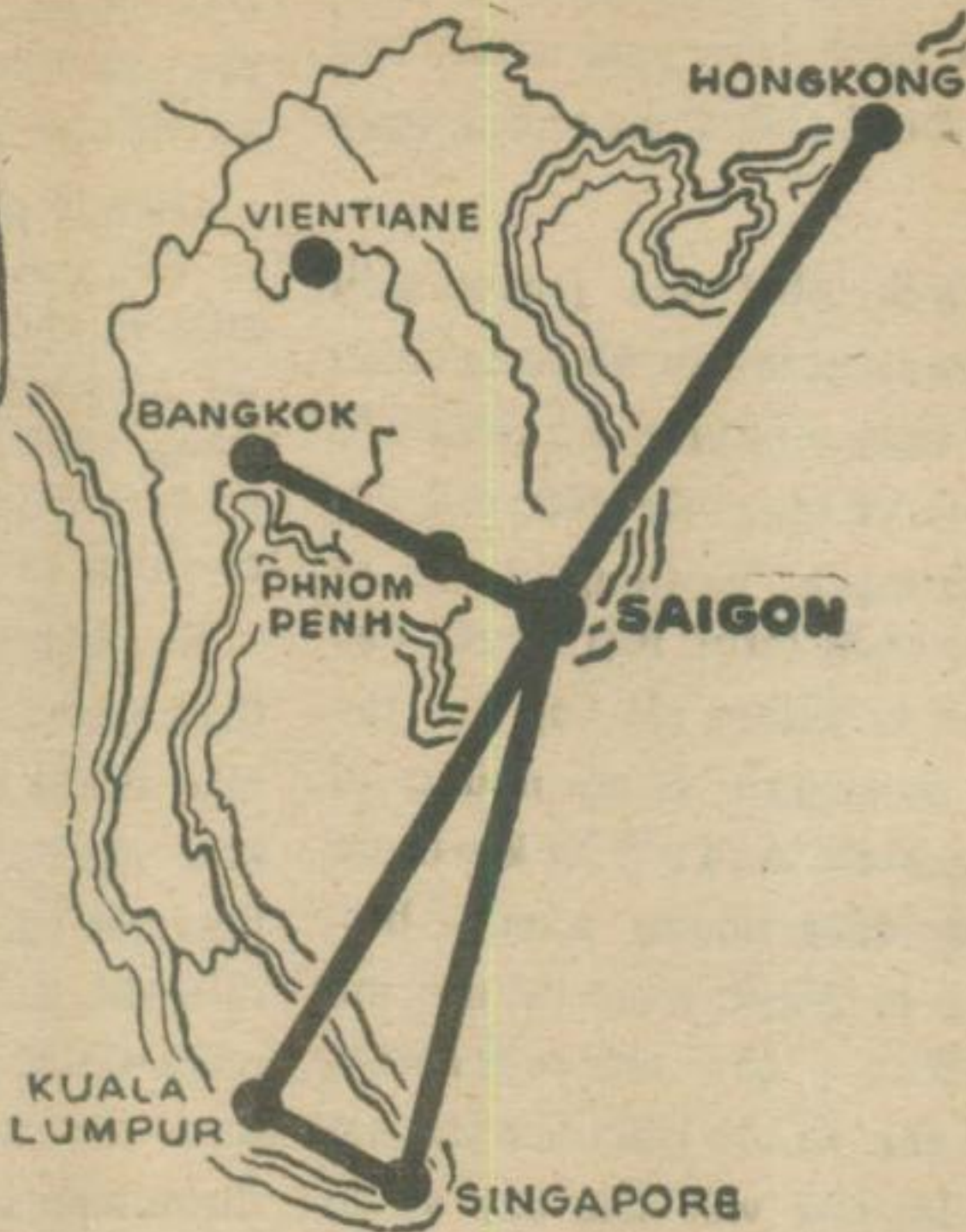
Nếu không có những biến đổi xã hội dần dần đã ngăn chặn lại được tai họa ấy, thì nhân loại này, than ôi, sẽ sớm được hưởng hạnh phúc một cách cô độc, trơ trụi chừng nào !

VŨ HANH

Kỳ sau Thiên vì chiến cuộc

Việt Nam Hàng không

TRONG ĐÔNG-NAM Á



AIR
V
I
E
T
N
A
M

**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGỌAN**



bằng *Caravelle*
của
ĐƯỜNG BAY

Hoasen VIỆT-NAM

- ★ NHANH CHÓNG 800 CÂY SỐNGÀN MỘT GIỜ
- ★ ÊM-ÁI. MÁT-MỀ - ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÀN. ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Xin hỏi chi tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG
116. NGUYỄN-HUỆ. SAIGON. 21.624-625-626

Bầu cử 1966

phản ánh sự tiên-triển của xã-hội Hoa-Kỳ

Cứ hai năm một lần nhân-dân Hoa Kỳ lại sửa-soan bầu lại một phần ba nhân viên Thượng nghị viện, toàn thể nhân viên Hạ nghị viện, các Thống-đốc Và cứ bốn năm một lần những cuộc bầu cử định kỳ trên lại trùng với bầu cử Tổng Thống. Năm nay Tổng Thống chưa hết nhiệm kỳ nên không có cuộc bầu cử vị nguyên thủ quốc gia. Tuy nhiên cuộc bầu cử tháng 11 năm 1966 đã không thiếu phần hào hứng. Kết quả của cuộc bầu cử này cũng rất quan trọng đối với tương lai của Hoa Kỳ.

Cuộc bầu cử năm nay là một thắng lợi lớn của đảng Cộng-hòa. Đảng này đã lượm được 55 triệu phiếu, tức là 48% công dân Mỹ tới tuổi đi bầu, 700 nghị viên tại các cơ quan lập pháp các viện tiểu bang. Tại Hạ-nghị-viện Hoa Kỳ, đảng Cộng-hòa có thêm được 47 ghế và tại Thượng-nghị-viện thêm được 3 ghế. Như vậy tại Hạ-nghị-viện đảng này có 187 trên 435 ghế, và tại Thượng nghị viện có 36 trên 100 ghế.

Những thắng lợi mới mẻ này tuy chưa

cho đảng Cộng-hòa một đa số ở quốc-hội Mỹ nhưng đã cho một thiểu số tăng cường, hoạt động và mạnh mẽ.

Những thắng lợi của đảng Cộng hòa là kết quả của sự tiến triển của xã hội Hoa Kỳ. Thật vậy, nước Mỹ mới đang tiến triển mau lẹ về phương diện vật-chất cũng như về phương diện tinh thần, trí thức, chính trị và xã hội.

Công dân Mỹ lần này bầu những người trẻ tuổi, hăng hái, cấp tiến, vì họ muốn cải tiến xã hội Hoa Kỳ. Kết quả cuộc bầu cử năm nay phản ánh rõ rệt một ước vọng đổi thay của xã hội Hoa Kỳ.

Chủ nghĩa cô lập.

Từ lúc lập quốc tới khi tham gia hai cuộc thế chiến, Hoa-Kỳ luôn luôn chủ trương sống riêng biệt, không can thiệp vào chuyện của nước khác trên thế giới. Đóng cửa lo chuyện nhà, người dân Mỹ chỉ ôm ấp một hoài bão là thực hiện một đời sống vật chất đầy đủ, vì vậy mà từ trước tới nay Hoa-Kỳ luôn luôn được

coi là tượng trưng của nền văn-minh vật chất của nhân loại. Chủ nghĩa cô-lập (Isolationnisme) đã là một truyền thống ăn sâu vào xương tủy người dân Mỹ; vì vậy mà chính phủ Mỹ đã ngần ngại rất nhiều trước khi tham gia vào hai cuộc đệ-nhất và đệ-nhi thể chiến vào năm 1917 và 1941.

Nhưng từ năm 1945 đầu óc người dân Mỹ đã dần dần đổi khác. Họ thấy đời sống của họ, đời sống của Hoa-Kỳ, có liên lạc mật thiết tới mọi biến chuyển trên thế-giới. Hơn nữa trong vai trò lãnh đạo thế giới tự do, Hoa-Kỳ giờ đây có quyền lợi trên toàn cầu. Vì vậy mà nước này bắt buộc phải có một chính sách đối ngoại rất linh động để có thể can thiệp hữu hiệu khi quyền lợi Mỹ bị đe dọa.

Mở rộng chân trời

Về nội bộ, giờ đây Hoa-Kỳ không có nhiều vấn đề nan-giải phải đối phó. Vấn đề kỳ thị chủng-tộc tuy khó khăn nhưng cũng sắp được giải quyết. Hoa kỳ trù phú hơn bao giờ hết. Về phương-diện vật-chất người dân Mỹ thấy mình quá đầy đủ; họ gần như được hoàn toàn thỏa mãn. Giờ họ muốn sống một cuộc đời tinh thần phong phú. Hoa kỳ đang khát học hỏi, thêm tìm hiểu, muốn mở rộng chân trời. Đời sống trí-thức của Hoa Kỳ phát triển hết sức mạnh mẽ: Các buổi diễn thuyết, hòa nhạc, ca kịch, bao giờ cũng đông đảo người dự. Thêm vào đó, 661 đài vô tuyến truyền hình và 2500 đài phát thanh góp phần vào phong trào tìm hiểu của dân tộc Hoa-Kỳ.

Kinh tế Hoa Kỳ sung túc đã cho phép người Dân Hoa Kỳ vượt qua những nỗi lo âu về vật chất thông thường. Nó đã khiến cho người Mỹ muốn xây dựng một cái gì cao cả hơn. Nhưng hiện thời

người Mỹ chưa biết mình phải làm gì, họ chỉ mới biết là họ cần có một cuộc đời tinh thần cao đẹp hơn đời sống vật chất hàng ngày. Vì vậy họ cần phải tìm một nhà lãnh đạo có một lý tưởng nhất định để dìu dắt họ. Năm 1959 khi John Kennedy chủ trương chính sách «Biên giới mới» (New Frontier) công dân Mỹ nhiệt liệt hưởng ứng. Nhưng John Kennedy bất hạnh bị ám sát, Tổng Thống Johnson lên thay thế không có một chính sách đáp ứng với hoài bão của người dân Mỹ. Ông Johnson là một chính trị gia khôn khéo, mềm dẻo nhưng ông không phải là một nhà trí thức mà xã hội Mỹ của hậu bán thế kỷ thứ XX cần. Chính sách «Xã hội vĩ đại» (Great Society) của Johnson chỉ nhằm những mục đích vật chất, vì ông chỉ muốn nâng mức sống của nhân dân lên càng cao càng tốt. Hơn nữa ông Johnson đã già, ông tượng trưng cho một xã hội Mỹ cũ. Ông là một người tự lập nên sự nghiệp, một người mà xã hội Mỹ ngày trước ưa chuộng vì lúc đó xã hội Mỹ chỉ có một ước vọng duy nhất là làm giàu. Nhưng nay đầu óc người Mỹ đã thay đổi, ông Johnson không còn là mẫu người lý tưởng của người dân Hoa Kỳ nữa. Vì vậy mà sau kỳ bầu cử năm nay những người trẻ tuổi đã được đặc cử rất nhiều. Đảng Cộng-hòa năm nay lại có nhiều ứng cử viên trẻ tuổi cùng thế-hệ với John Kennedy. Tuổi trung bình của các ứng cử viên Đảng Cộng hòa là 47, 3 tuổi và của Đảng Dân chủ là 49, 6 tuổi. Các ứng cử viên Cộng hòa lại là những người hoạt động, có chương trình hướng về tương lai như Rockefeller, Romney, Plagan, Peray, Brooke, Hatfield... Do đó người ta không ngạc nhiên trước thắng lợi của Đảng Cộng-hòa năm nay.

Một yếu tố thứ hai của thắng lợi Cộng hòa là trong hàng ngũ đảng dân-chủ thiếu sự đoàn kết. Đảng này giờ đây được chia làm hai khuynh hướng: khuynh hướng Johnson và khuynh hướng Kennedy. Robert Kennedy, Thượng nghị sĩ đại diện Tiểu bang Nữu-Uớc là một người đang lên. Ông trẻ, đẹp, giàu có, trí thức, lại được sự trợ giúp của ông em Edward, Thượng nghị sĩ của tiểu bang Massachusetts, hưởng uy tín của người anh John bị ám sát. Bi kịch của gia đình Kennedy sau cái chết anh hùng của John Kennedy khiến cho Robert Kennedy được nhiều thiện cảm trong quần chúng. Hơn nữa Robert Kennedy mà người ta gọi một cách trêu mếu là Bobby lại là người trái ngược hẳn với Tổng Thống Johnson về mọi phương diện. Nếu Johnson còn giữ nguyên truyền thống lạc quan của người dân Mỹ thế kỷ trước với biểu ngữ tuyên truyền: « Chúng ta chưa bao giờ có một mức sống cao như bây giờ » (you never had it so good), thì Robert Kennedy thuộc vào thế hệ trẻ muốn vượt quá đời sống vật chất để xây dựng một đời sống tinh thần dồi dào. Với biểu hiệu « chúng ta có thể làm hơn như vậy nữa » (we can do better) Robert Kennedy đã được những giới cử tri trẻ nhiệt liệt hưởng ứng.

Vì có sự đụng độ giữa hai thế hệ, giữa hai ông Johnson và R. Kennedy, nên đảng Dân chủ không thể ủng hộ các ứng cử viên của đảng một cách hữu hiệu. Những người già do ông Johnson ủng hộ không được tái cử nhiều, trái lại những người do ông Kennedy giới thiệu thường được đắc cử hay tái cử.

Những mâu thuẫn kỳ lạ.

Lý do thứ ba của thắng lợi Cộng hòa là dân chúng tỏ ra chán nản trước chính

sách của ông Johnson. Nói tới chính sách của Tổng Thống Johnson tức là ta đề cập tới những mâu thuẫn kỳ lạ của tư tưởng người dân Hoa-Kỳ. Chê ông Johnson già, không tượng trưng cho thế hệ mới nhưng họ lại tán thành chính sách cấp tiến của ông Johnson. Tuy tán thành chính sách của Johnson họ lại trách ông thi hành chính sách đó gấp rút quá. Vì vậy mà năm nay họ bầu nhiều người vào Quốc-hội Mỹ đối lập với ông Johnson nhưng vẫn thi hành chính sách Johnson một cách hòa hoãn hơn.

Những sự mâu thuẫn trên đây chỉ là bề ngoài, nếu đi sâu hơn ta vẫn có thể giải thích được các mâu thuẫn đó.

Phong trào Backlash.

Năm nay ta thấy ở Hoa kỳ có một phong trào mà các báo Mỹ gọi là « Backlash ». Backlash có nghĩa là một cái gì đi ngược lại mà ta có thể tạm dịch là phản ứng. Thật vậy, đây là một phong trào đi ngược lại chính sách của ông Johnson. Hay nói khác đi đây là phản ứng của dân chúng trước chính sách Johnson.

Trước hết dân chúng muốn đi ngược lại chính sách « Xã-hội vĩ đại » vì nay họ muốn có một lý tưởng cao đẹp hơn là xây dựng một xã hội vĩ đại có đủ hạnh phúc vật chất.

Chính sách bình đẳng chủng-tộc của ông Johnson được dân chúng hoàn toàn ủng hộ, ngoại trừ một thiểu số dân da trắng phản động ở miền Nam. Johnson đã tranh đấu để quốc-hội chấp thuận cho dân Mỹ da đen đầy đủ quyền công dân, Nhưng khổ thay, ông lại vẫn làm cho nhiều người bất mãn.

Những người da đen thì trách ông đi quá chậm trong việc thực thi chính sách bình đẳng chủng tộc, nên họ bầu cho những ứng cử viên Cộng-hoà, tuy đảng Cộng hoà từ xưa tới nay bị coi là bảo thủ, là kỳ thị chủng tộc. Những người Mỹ trắng lại trách ông Johnson đi quá mau làm cho xã hội bị đảo lộn, gây ra những cuộc rối loạn tại Los Angeles và Chicogo. Vì vậy mà họ bầu cho đảng Cộng Hoà, vì họ lo ngại khi thấy những bộ hạ của mục sư Martin-Luther King ôn hoà đã dần dần đi theo nhóm người Mỹ da đen quá khích. Nhưng cũng vì vậy mà họ lại bầu một người da đen đầu tiên trong lịch sử vào Thượng Nghị-viện Hoa Kỳ. Đó là ông Brooke, được bầu vì ông chủ trương thực hiện bình đẳng chủng tộc trong khuôn khổ pháp lý chứ không bằng những cuộc đổ máu. Theo ông Brooke người ta không thể thực hiện được một xã-hội vi đại nếu người ta chưa có một « xã hội biết trách nhiệm » (Responsible society). Trong khi đó ông Ragan tuy là bảo thủ cực hữu lại được bầu làm Thống-đốc thay ông Brown có tiếng cấp tiến, ở tiểu bang Californie, nơi mà từ xưa tới nay cử tri thường bầu cho đảng Dân chủ.

Chế độ đảng rươi.

Hiện tượng « Backlash » còn tượng trưng cho ý muốn thay đổi của người dân Mỹ. Cách đây hai năm khi ông Goldwater bị thất cử trong cuộc tranh cử tổng-thống, ông đã lôi cuốn đảng Cộng hoà của ông vào một thất bại nặng nề. Năm 1964 tại Hạ-nghị-viện Hoa-kỳ chỉ còn có 140 dân biểu Cộng hoà trên 435, và tại Thượng-nghị-viện chỉ có 33 thượng nghị sĩ trên 100. Kết quả là với một Tổng thống dân chủ và

một đa số đông đảo cùng đảng, phe dân chủ đã toàn quyền hành động. Chế-độ lưỡng đảng ở Hoa kỳ đã trở nên « chế độ một đảng rươi ».

Năm nay nhân dân Mỹ muốn thay đổi để quay lại một đời sống chính trị bình thường nên bầu cho đảng Cộng-Hòa để cho phe đối lập đông đảo ngỗ hầu bảo đảm dân chủ của Hoa-Kỳ.

Sau hết hiện tượng Backlash được tăng cường nhờ sự xuất hiện của những nhân vật Cộng-hòa trẻ trung có tên tuổi, chủ trương một chánh sách mới lạ, mạch lạc. Do đó người ta thấy ông Nelson Rockefeller 58 tuổi, tái cử thống đốc New York với một chương trình khuynh tả. Ông không có mộng làm Tổng-thống mà chỉ muốn nắm giữ một vai trò trong việc lựa chọn ứng cử viên Tổng-thống tại Đại-hội đảng Cộng-hòa vào năm 1968. Ông sẽ vận động đề một nhân vật ôn hòa được chỉ định.

Đại diện phe cực hữu đảng Cộng hòa là ông Reagan 55 tuổi, cựu tài tử điện ảnh, được bầu làm Thống - đốc tiểu bang Californie.

Giữa phe tả với Rockefeller và phe hữu với Reagan, trung phái được đại diện bởi ông George Romney, tái cử Thống-đốc tiểu bang Michigan với 570 000 phiếu, không những vậy ông Romney lại còn giúp ông Robert Griffin, địa vị đang lung lay, được tái cử Thượng-nghị-sĩ và 5 Dân-biểu Cộng-hòa khác được tái cử nữa.

Trong số các Thượng-nghị-sĩ ta thấy có các ông Hatfield được bầu làm Thượng nghị-sĩ đại diện Oregon, ông Brooke, người da đen đầu tiên đắc cử Thượng-nghị-sĩ Massachusetts và ông Percy đắc cử Thượng-nghị-sĩ tiểu bang Illinois.

Trong tất cả các chính khách của đảng Cộng hoà, ông Romney có nhiều hy vọng được Đại hội Đảng cử làm ứng cử viên Tổng thống trong hai năm nữa. Hiện nay trên toàn thể lãnh thổ Mỹ có phong trào mệnh danh là R I S E tức là Romney in Sixty-Eight (Romney làm tổng-thống năm 1968) đang sôi động.

Chế-độ lưỡng đảng đã trở lại.

Thắng lợi của đảng Cộng-hoà trong cuộc bầu cử vừa rồi làm xáo trộn chiến lược của đảng Dân chủ đang cầm quyền. Từ nay ông Johnson và đảng ông làm việc một cách khó khăn hơn. Tổng thống Johnson không còn có tự do hành động như trước nữa. Chính thể Mỹ đã hết là "chính thể một đảng rưỡi" và chế độ lưỡng đảng đã trở lại.

Tuy rằng đảng Cộng-hoà không có đa số ở quốc-hội nhưng đảng này có một thiểu số tăng cường và rất hoạt động. Chương trình của ông phải cần sửa đổi. Từ nay trước khi quyết định một điều gì ông sẽ phải cân nhắc kỹ càng đề đa số ở quốc-hội biểu quyết mà không bị phe đối-lập gây nhiều khó khăn.

Chính sách "Xã-hội vi-đại" của ông Johnson sẽ ra sao? Từ nay đến năm 1968 ông có thể thực hiện được những mục tiêu của ông chăng?

Một phần lớn của chính sách "Xã hội vi đại" đã được thực hiện nhờ có "chế độ một đảng rưỡi". "Luật công dân" đã được biểu quyết và ban hành, giờ chỉ còn chờ luật này có đủ thì giờ thấm vào đầu óc dân chúng để người ta chấp nhận sự bình-dẳng chủng tộc trên thực tế.

Còn những dự án của Tổng-thống như gia tăng phụ cấp an-ninh xã-hội, tăng phụ cấp thuê nhà, dự án lập những thành phố kiểu mẫu, dự án chỉnh trang xa lộ của bà Johnson... sẽ gặp nhiều khó khăn tại Quốc-hội.

Tuy vậy ta cũng không thể nói rằng chính phủ Johnson sẽ... bị tê liệt vì ông Johnson còn giữ đa số ở Quốc hội. Hơn nữa sự cấu tạo chính trị của Mỹ rất đặc biệt. Nếu Tổng thống và đa số ở quốc hội thuộc cùng một đảng chưa chắc tất cả các dân biểu của đa số đã chấp thuận hết các dự-án của Tổng-thống. Ngược lại nếu Tổng thống và đa số không cùng một đảng thì cũng không có cuộc khủng hoảng trầm trọng nào vì các đảng ở Hoa kỳ không có một kỷ luật nội-bộ cứng rắn như đảng phái ở các nước khác. Các nghị sĩ khi bỏ phiếu không quan tâm tới quyền lợi đảng bằng quyền lợi của tiểu bang mà mình đại diện. Đạo luật công dân do tổng thống Johnson đưa ra hầu thực hiện bình đẳng chủng tộc bị những nghị sĩ dân chủ đại diện miền Nam nước Mỹ chống đối rất nhiều, trong khi đạo luật này lại được các nghị sĩ Cộng-hoà miền Bắc ủng hộ. Một nghị sĩ Dân chủ ở miền Bắc thường xa cách một nghị sĩ cùng đảng ở miền Nam hơn là đối với một nghị sĩ đảng Cộng hoà ở cùng miền Bắc. Người ta thường nói ở Hoa kỳ không có một đảng Cộng hoà và một đảng Dân chủ mà có 50 đảng Cộng hoà và 50 đảng Dân chủ khác nhau, mỗi tiểu bang có một đảng Dân chủ và một đảng Cộng hoà riêng.

Những dự án của Tổng thống Johnson vẫn sẽ được thực hiện, vì ông là một

chính khách khôn khéo, lúc cương lúc nhu, ông lại còn có nhiều kinh nghiệm về đời sống quốc hội (trước khi làm phó Tổng-thống và Tổng thống ông đã làm thượng nghị sĩ rất lâu năm).

Chính sách đối ngoại của Hoa kỳ, nhất là chính sách của Hoa kỳ tại Việt Nam, sẽ không thay đổi, vì từ xưa tới nay bao giờ chính sách đối ngoại của Tòa Bạch Cung cũng có tính cách lưỡng đảng. Người ta luôn làm như vậy để bảo đảm sự liên-tục của chính sách Hoa Kỳ tại ngoại quốc. Đặc biệt chính sách Mỹ tại Việt Nam có thể sẽ cứng rắn hơn. Vì khi thi hành chính sách này, Tổng thống Johnson lại được sự ủng hộ của các lãnh tụ Cộng hòa như Goldwater, Nixon, Eisenhower hơn là sự ủng hộ của nhiều vị lãnh tụ đảng ông. Nay với sự tăng cường của nhóm Cộng hòa tại Quốc hội, người ta cho rằng Tổng thống Johnson sẽ quyết tâm hành động hơn trong chính sách Việt-Nam của ông.

Quyền thiểu số được bảo đảm.

Một số lớn các nghị sĩ rất hài lòng đón nhận sự trở lại của chế độ lưỡng đảng. Họ cho rằng với chế độ lưỡng đảng, chính thể Mỹ sẽ lành mạnh hơn, hợp với tinh thần của hiến-pháp Mỹ hơn. Thật vậy các nhà thảo hiến Mỹ đã thiết lập một guồng máy chính-trị tân kỳ, mà bộ phận nọ hỗ trợ, kiểm chế, giới-hạn bộ phận kia. Các cơ quan lập-pháp, hành-pháp, tư-pháp giới-hạn lẫn nhau. Trong nội bộ cơ quan lập-pháp, quyền thiểu-số được bảo đảm chống độc-tài của đa số. Nhờ vậy nền dân chủ và tự do Mỹ được bảo đảm.

Từ năm 1964, một bộ phận của guồng

máy chính trị bị hư, đó là sự thất bại của đảng Cộng hòa. Ở Quốc hội số nghị viên Cộng hòa quá ít ỏi khiến các nghị sĩ và luật gia lo âu vì họ sợ rằng cán cân chính quyền sẽ ngã về phía đa số hay đúng hơn sẽ ngã về Bạch Cung. Nay các nghị sĩ Cộng hòa thắng lợi vào quốc hội đông đảo, sự đe dọa độc tài đã hết. Chính Tổng thống Johnson đã tuyên bố rằng ông hài lòng nhận thấy rằng Hoa Kỳ lại có sự hiện diện của một chế độ lưỡng đảng lành mạnh, có khả năng. Một nghị sĩ Dân chủ tuyên bố rằng tuy ông không bằng lòng trước thắng lợi Cộng hòa, nhưng từ trước tới nay quả lắc đồng hồ nghiêng về phía Bạch Cung, giờ đã đến lúc nó phải trở lại về phía Quốc hội, nếu không, quyền hành của Quốc hội sẽ bị thủ tiêu. Ta thấy như vậy không những nghị sĩ Cộng hòa mà các nghị sĩ Dân chủ cũng đều muốn bảo vệ quyền của Quốc hội trước uy thế quá lớn của Bạch Cung.

Thắng lợi của đảng Cộng hòa thật ra chỉ đe dọa có địa vị của Tổng thống Johnson mà thôi. Trước những nhân vật trẻ tuổi, hăng hái, đang lên của đảng Cộng hòa, ông Johnson trở thành lu mờ, vì như ta đã biết; xã hội Mỹ nay muốn một nhân vật trẻ trung, loại John Kennedy đề hướng dẫn nhân dân Hoa Kỳ tiến về một lý tưởng mới, một phương trời lạ mà họ cần, và đang tìm kiếm. Người dân tính thường thay đổi, sau khi bầu ông Johnson lên làm Tổng thống với một số phiếu vĩ đại (16 triệu phiếu hơn ông Goldwater) năm 1964, họ có thể bỏ ông đề hướng về một nhân vật « hợp thời trang » hơn.

Nguy hơn nữa; chính đảng Dân chủ cũng có thể bỏ Johnson, vì họ sợ rằng

trước một ứng cử viên Cộng hoà rực rỡ, ông không phải là đối thủ có thể đương đầu với người của thể-hệ mới. Tuy đảng Dân chủ cũng như nhân dân Mỹ không có gì muốn trách cứ Johnson, nhưng những điều kiện chính trị đã thay đổi, xã hội Mỹ đã tiến triển, thể hệ của ông Johnson đã không còn thích hợp vì vậy đại hội đảng Dân chủ nhóm họp năm 1968 có thể sẽ không cử ông ra tranh cử Tổng thống nữa. Và một nhân vật trẻ tuổi như Bobby Kennedy sẽ rất được lưu ý. Không cử một vị đương kim Tổng thống ra tranh cử cho nhiệm-kỳ sau là một điều vô cùng bất thường, nhưng trong tình trạng hoàn toàn mới mẻ này có thể đảng Dân chủ phải đặt quyền lợi của Đảng lên trên hết.

oOo

Cuộc bầu cử trình bày trên đây phản ánh đà tiến triển mau lẹ của xã-hội Hoa-kỳ, có lẽ nó sẽ mở đầu cho một giai-đoạn mới cho lịch sử nước này. Với cuộc bầu cử đó nhân dân Mỹ bước vào một xã-hội mới mà họ ước mong xây dựng, một xã hội đã hết sức phồn thịnh về phương diện vật chất, ngày nay muốn lại được sung mãn về phương diện tinh thần. Nhân dân Mỹ giờ đây không muốn nước mình chỉ là một thiên đường vật chất mà còn muốn Hoa-kỳ phải thành một thiên đường của một nền văn hó

mới. Vì vậy nên họ muốn loại bỏ những người của quá khứ để đưa ra những người tượng-trưng cho tương lai. Nhưng dù sao họ cũng không có quyền và cũng không muốn khước từ cả một quá-khứ của đại cường quốc này. Nhờ có quá khứ, nhờ có những tấn bộ về vật chất và nhờ có những người của thể hệ trước như Tổng thống Johnson, nhân dân Mỹ mới thực hiện, duy trì và củng cố được nền văn-minh vật chất hiện tại. Và nhờ có những kết quả lượng được này họ mới có đủ điều kiện thuận lợi để xây dựng một tương lai sáng lạn hơn. Nếu nhân-dân Hoa-kỳ dùng cuộc bầu cử 1966 làm phương tiện để loại bỏ những người cũ là chỉ vì sứ mạng lịch sử của những người này đã thành tựu. Những người mới được bầu lên sẽ nhận sứ mạng hướng dẫn dân tộc Mỹ bước sang giai đoạn khác để thực hiện tại Hoa kỳ một quan niệm về hạnh phúc hoàn toàn mới mẻ.

TỪ-TRÌ

3 TIẾNG THỞ DÀI

3 tiếng thở dài

của 3 nhà thơ đau khổ

HÀN-MẶC-TỬ, QUÁCH-THOẠI,
NHẮT-CHI-MAI.

TRẦN-BÁ-CUNG xuất bản

Giá 15đ

SỬA LẠI CHO ĐÚNG

Trong bài thơ *Màu vàng Đông Phương* của Huy-Lục, trên B.K. T.Đ. số 238 trang 83, câu thứ hai của đoạn chót, có in thiếu một chữ: *«Soi sáng cây sừng giữa khung trời»*, nay xin sửa lại cho đúng là: *«Soi sáng anh cây sừng giữa khung trời»*.

Trân trọng cáo lỗi cùng nhà thơ Huy-Lục và quý vị độc-giả.

Toà Soạn B.K. T.Đ.

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ

SAIGON

Tel. 25764 — 21497

CHOLON SUB-BRANCH

130-132 Đại-lộ Khổng-Tử

CHOLON

Tel. 38254



HEAD OFFICE :

Plapplachai, Bangkok

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 59-67 Greensham Street, London, E. C, 2*

Tokyo : *No 1, 2 Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo.*

Taipei : *No 24, 2nd Sce. Chung San Road North Taipei.*

Hongkong : *26-30, Des Voeux Road West.*

Central district : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *55 New Bridge Road.*

Kuala Lumpur : *105 Jalan Bandar.*

New York Representative

Office : *44 Wall Street New York 10005 N.Y.*

Tiền đồn

Truyện dài của THẾ - UYÊN (14)

(Xin xem BK.TĐ. từ số 224)

Chàng chậm rãi chùi tay vào quần, xoay người lại. Người đàn bà hai tay bị kéo lên trên đầu đã bị trói xong, miệng bịt ngang bằng một chiếc khăn thấm máu, chiếc quần vì vùng vẫy đã tụt trễ dưới rốn. Chàng ngấm khoảng da thịt đề hồ bông bênh trắng nhờ nhờ, và khi bắt gặp thân thể mình đang chịu tác động rõ rệt về tình dục, chàng toan quay đi. Nhưng một khoảng đen thẫm vuông vắn nằm áp cạnh sườn người đàn bà làm chàng chú ý và gọi Ra khe, khẽ :

— Anh ra lấy cái túi kia. Coi có cái gì mà mụ ta cất kỹ quá.
Người đàn bà vùng vẫy cố kháng cự nhưng một lưới lê đã giơ lên khua ngang đe dọa. Chiếc túi trút ra cỏ một xấp giấy. Vũ cầm lên mở ra, lựa một khoảng trắng lớn lọt qua lá cây, đọc vội vàng những hàng chữ. Chàng đặt một xấp giấy xuống cỏ, một cán bộ giao liên dịch, chàng đã xét đoán lăm, không phải một người dân đi đào đường muốn đi cầu tình cờ tạt vào đây. Ra thì thảo:

- Cái gì, chuẩn úy ?
- Một cán bộ giao liên.
- À ! Thảo nào nó kháng cự hung quá.
- Anh hỏi nó xem tội chủ lực đang ở đâu. May ra nó biết.
- Phải hù nó mới được chuẩn úy ! Thứ này thứ dữ mà.
- Cũng được...

Câu trả lời sau cùng hạ thấp xuống miễn cưỡng. Chàng không ưa chứng kiến cảnh hù mới được, cái mà khi còn học trong quân trường, huấn luyện viên gọi là thâm vấn tù binh tại chiến trường. Chàng biết như thế sau một lần thấy một tù binh không chịu khai bị bắt ngồi trên một vũng nước đã này bần người ngã ngửa ra phía sau khi một tù binh sĩ dí sợi dây điện có nối với một máy truyền tin. Luồng điện quá yếu không tạo một hậu quả gì hơn là một hoảng sợ cho một kẻ đang hoang mang sau khi đã chiến đấu, bị bắt và lo âu cho thân phận mình nằm trong chờ đợi nhiều bất trắc. Hù cho nó sợ, chàng không ưa chứng kiến và thường đi chỗ khác ngồi hút thuốc. Một cần thiết khó chịu như nhu cầu bài tiết nôn nao trong người. Nhưng bây giờ chàng không thể lảng tránh, đây không phải là sân đồn yên ổn có góc cho chàng ngồi hút thuốc. Không thể quay mặt đi khỏi vết nhờ nhờ

trắng và bông bênh khuất vào mép quần, không thể từ chối vai trò của mình bởi vì chính chàng đã tham dự vào việc bắt trói kẻ địch. Đồng thời là sinh vật cái có khoảng da thịt muốn loang trắng thêm trong bóng tối dưới lớp lá cây. Chiếc khăn bịt miệng bị giật tung sang một bên, một loáng lưỡi lê giơ lên, chậm chạp đặt nằm ngang tầm chiếc cổ người đàn bà hai tay bị trói kéo ngược lên phía trên.

— Nói đi ! Đại đội của tên Hải hiện ở đâu ? Muốn nói hay là muốn cắt tiết !

Người cán bộ im lặng, chàng nhìn về phía lộ, đàn kiến đen cằn cù, chàng cúi xuống lòng mũi hút một hơi thuốc.

—Nói mau ! Tưởng bọn tui rỡn hả ? Dân biệt kích đây, biệt kích không có hỏi tới câu thứ ba !

Năm móc tức giờ lên trước mặt người cán bộ định chiếc phù hiệu thêu hình chiếc sọ người hai xương trắng trên nền đen, phù hiệu hẳn xin từ một toán biệt kích do một người da trắng không biết quốc tịch gì chỉ huy đã có lần tới giải vây cho đại đội chàng bằng một mũi dùi tiến quân có những ngôi nhà tranh bị đốt cháy.

[illegible]

— Nói mau ! Không nói hủ, Năm, mồ bụng nó ra mảy.

Mũi lưới lê nhọn thổi hướng vào cò, quay chúc xuống lách dưới vải. Người cán bộ thốt kêu tiếng nhỏ nện tắc dưới bàn tay Ra vụt úp lên miệng, chiếc áo đã bị rách đứt hết cúc, màu trắng vụt trải rộng như chói sáng.

— Hỏi lần chót, đại đội tên Hải hiện ở đâu ? Còn buống hả ? Năm !

Ngọn lưỡi lê lướt xuống phía dưới đe dọa. Người cán bộ giao liên hốt hoảng gật đầu. Ra cúi đầu xuống nhìn sát miệng người đàn bà đang thì thào liên tiếp. Vũ ruỗi thẳng hai chân xua đuổi cảm giác gây gấy khó chịu dọc sống lưng, cảm giác của một âm thanh cao do lưỡi dao sắc cạo mạnh vào ống nứa xanh, của ước muốn như một sợ hãi đầu lưỡi lê sẽ chúc xuống thật sự xuyên qua lớp vải.

—Chuẩn úy ! Nó bảo đại đội tên Hải đóng bên kia lộ cách chỗ đào đường chừng 300 thước.

—Đóng thế nào ? Định làm gì ?

— Nó không biết bởi vì được phép ghé qua thăm nhà từ chập tối. Rồi từ nhà đi liên lạc thẳng tới đây. Nói nói...

Chàng chợt nhận rõ một bàn tay, không, nhiều bàn tay đang bò, những con vật đen thẫm bám trên ngực người đàn bà. Viên hạ sĩ quan ngừng thì thào, người đàn bà nắm im chịu đựng, không một cử động, không một âm thanh phản kháng.

Cảm giác gây gấy lại xuất hiện, Ra im lặng chờ đợi, các con vật đen di chuyển mau hơn, vội vã. Chàng ngập ngừng, đó là một kẻ địch, đêm tối và tiếng súng, đêm tối hoả châu và những giọt mồ hôi những bất trắc của nỗi chết. Những con vật đen vụt ngưng di chuyển, những cái đầu binh sĩ hướng về chàng chờ đợi. Giới hạn chót đã đến, chàng biết rõ như thế, chàng chỉ cần ngồi im thêm một phút nữa, những bản năng sẽ được tung ra quanh khoảng ẩm ướt nước tiểu với chàng ngồi đó chứng kiến đề rồi tan cuộc, họ cũng như chàng không còn gì hơn là nỗi tuyệt vọng với chính mình và một đam mê vót vát với đời sống của những người lính.

Chàng chống báng súng quì một chân lên, các con vật đen biến mất. Chàng nói chậm chạp :

—Anh Ra cho mặc lại quần áo cho bà tử tế. Bịt miệng cho khỏi kêu rồi cho nằm sau bờ rào. Bảo đừng có chú nào lộn xộn nữa.

Người hạ sĩ quan quì lên theo, hình như mỉm cười trước khi di chuyển thi hành lệnh. Chàng hiểu nụ cười phỏng đoán ấy. Chàng đã ra lệnh thừa, bây giờ không thể còn có lộn xộn nào nữa. Giới hạn chót chàng đã không vượt qua, người chỉ huy đã dừng lại bên tiền đồn của tuyệt vọng, tất cả sẽ dừng lại —chàng đã ngăn chặn mình ở lại bên này biên giới, một cưỡng ép tự ý không đạo lý thể gian nào hiện diện. Chàng trở lại ngồi vị trí cũ nhìn về phía lộ, đám người vẫn bao quanh mô đất đã cao hơn đầu gối. Khi đưa tay lên túi móc bao thuốc, chàng bắt đầu lại nghe thấy tiếng cuộc sống trộn vài tiếng nói và một con chó sủa ở một nơi xa phía sau, Khối thuốc toả trong miệng khô cứng, bàn tay kéo bị đông thật nhẹ khối bao vải, giòng nước mát vào thành thực quản êm dịu, vài giọt chảy ra ngoài dọc cổ rồi mất hút ở một khoảng nào trên ngực. Chàng thoải mái nói nhỏ khi Ra và hiệu trưởng viên cúi đầu lại gần :

—Tôi sẽ đi với thằng Năm và sao bỏ lại sát chỗ tú i nó đang đào. Sẽ tìm cách hạ vài tên kích rồi ném một lựu đạn cho dân sợ chạy. Anh cho cả trung đội dàn theo đường nương kia. Nếu tên Hải đóng đúng chỗ mục cần bộ nói, chúng sẽ nhào sang làm mồi cho trung liên. Đề treo trung liên như thường lệ, khẩu của thằng Bầy đề lên gốc cây dừa yểm trợ cho tôi rút.

Không gian vụt tối hẳn đi, chàng ngừng nói nhìn lên, đám mây bay ngang mặt trắng có những viền một thứ ánh màu xám trong. Chàng cúi đầu xuống nói với hiệu trưởng viên :

— Khi nghe thấy tiếng lựu đạn tôi ném, gọi về đồn bá cáo mình kích tụi
đắp mã Hồ chí Minh. Chỉ xin pháo binh bắn bên kia lộ 100 khi nào anh thấy tụi
nó tràn sang cả đại đội...

Ra giọng lo ngại

— Sao chuẩn úy không xin pháo binh ngay khi chúng nó bắt đầu xuất hiện ?
Đợi biết rõ là C. Của chủ lực, đâu còn kịp.

Chàng im lặng đưa chiếc mũi lên tận ngang mắt hút thuốc, Ra nhìn sang bên kia

lộ, hần hiểu chưa, những ngôi nhà tranh san sát nhiều lớp đến tận bìa rừng cao su, Ra quay đầu lại không nói gì, hần đã hiểu rồi, mọi sự phải là như thế không còn cách nào hơn. Những người dân chỉ có thể chết trong lương tâm thanh thản của hần, của chàng, của những người lính nằm từng vũng đen dưới ánh trăng nếu xác họ sẽ lẫn với xác địch. Còn chàng, hình như hần vừa thở dài chịu đựng, còn những người lính của chàng có chết, bao giờ cũng là chết trong lương tâm thanh thản của mọi người tất cả mọi người. Hai binh được chỉ định đi cùng đã tháo túi đeo lưng, bỏ mũ sắt, cài lựu đạn lên túi áo. Khi gỡ túi đeo lưng đưa cho hiệu trưởng viên, chàng cúi xuống, như một an ủi, nói thêm vào tai người phụ tá :

— Nếu không chặn nổi tội chúng, anh cho trung đội phân tán vào các ruộng mía đợi sáng rút về đồn.

— Còn ông Hy ?

— Ai biết được đại đội đóng chỗ nào lúc này.

Chàng quì lên, cài hần lựu đạn vào phía sau lưng cho khỏi vướng khi bò.

— Chuẩn úy...

— Cái gì nữa anh Ra ?

Người hạ sĩ quan vụt im bật, cúi mặt xuống. Chàng chợt hiểu, hần không còn gì để nói thêm về chiến trận, hần chỉ còn điều để nói với riêng chàng như những người lính nói với bạn thân nhất của mình, những lời giản dị như chúc may mắn, gặp hên nghe may, liệu mà giữ nguyên bộ đồ nghề về cho vợ nó mừng nghe... Nhưng hần không thể dùng những câu như thế, chàng đã giữ thái độ quá tách biệt từ quá lâu rồi và bây giờ thì đã quá muộn. Chàng đề bàn tay lên vai Ra, hầnⁿ ngừng đầu lên những nét mặt hiện rõ dưới ánh trăng, chàng toan nói một cái gì để hần hiểu thứ tình tự như lòng biết ơn và lưu luyến nhỏ nhỏ, nhưng sau cùng chàng chỉ hỏi một câu trước khi lom khom cùng hai người lính băng qua con đường đất :

— Trăng còn ba tiếng nữa lặn phải không...

(còn tiếp)

THẾ UYÊN

THẾ UYÊN : nhấn tin thân hữu :
đã phổ biến hạn chế

THÁI BỘ tập 3

Chủ đề : **CHỦ QUYỀN QUỐC GIA**

- Chủ quyền quốc gia như dưới các khía cạnh lãnh thổ, viện trợ kinh tế, viện trợ quân sự, địa lý chính trị địa lý chiến lược, văn hóa giáo dục, sinh hoạt xã hội và làm-cách-mạng xã-hội.
- T.T. Tâm Châu, L.M. Đình Cao Thuấn, Đ.Đ. Đức Nhuận, L.M. Trần Việt Thọ, G.S Lý Chánh Trung nói về Cách Mạng Xã Hội.

Mỏm cát

Y-UYÊN

Mặt biển màu chì. Bờ biển chạy dài, nhiều rác và những cụm bọt sóng bong bong bay trên cát. Những lưng sóng lớn lùi lùi từ xa chạy vào hung-dữ, chọt biển mất trong lớp bọt bắn tóe gần mép nước rồi lại đột ngột nhô lên chạy dài theo bờ về xa trong ánh sáng nhiều gió làm sáng loá những đám bọt vỡ. Hai con bò trên này lắc chuông. Tiếng *coong coong* đôi lúc không bị sóng át, vang khô khan như một nhắc nhở ở xa. Già Năm chân ngập sâu, cặm cùi xúc cát lên xe. Thằng Vinh tựa lưng vào bánh gỗ lớn tránh gió. Hai ống quần nó phồng lớn, đập phần phật. Già Năm vừa hỏi nó chuyện con Tuất. Nó không ư cái cười móm mém của già, trả lời quấy quá để già khỏi giận, để khỏi đời cái bánh xe bò, chẳng biết đi đâu. Con Tuất mới về đây ít hôm đã làm ồn đủ chuyện. Ai nó cũng kết-nghĩa. Vinh nhìn cái gáy có nhiều ô nhẵn của già Năm. Già sống một mình, chạy xe bò, hút thuốc vắn và ca... ngợi ông Quận. Bấy nhiêu đó đủ rồi. Giờ già lại muốn con Tuất nữa. Nỗi vui bày tỏ rời-rạc của già như một lời, buồn tực tịu trong những ngày tháng phiền muộn chót đời. Vinh muốn đời khỏi xe bò, bỏ chạy. Ý muốn cũng như nỗi chần chờ kế tiếp, thiết quen thuộc. Mỗi ngày ở đây thêm nặng lời bồi nhục. Kể cả những lúc chị Thu khóc vì ba anh em Vinh bị chổng chị xử lạnh nhạt như không quen biết. Mỗi người xung quanh như một ám ảnh bần tiện, xoi mói. Giờ thêm già Năm với cái cười móm mém chuyện con Tuất. Chỉ có Vinh mới không có điều thay đổi. Vinh thua cả già Năm. Con Tuất có hình dung được nó làm vợ già? Vinh nhìn cái cổ già Năm. Nó muốn một mớ dây dừa. Con Tuất hình dung cảnh này dễ dàng hơn : Hai con bò khua chuông về quận kéo theo xác già Năm bị cột cổ bằng mớ dây dừa của Vinh. Vinh tựa đầu vào thành xe thấy dễ chịu. Nó cảm thấy tóc sau gáy thiệt nhiều, bõm xòm. Nó nghe có tiếng già Năm hỏi sao không về, mặt xanh lét đứng gió dễ bệnh. Nó cười. Sau lưng nó, dưới kia, không nhìn cũng biết những lưng sóng lùi lùi chạy theo bờ về xa trong ánh sáng nhiều gió làm sáng loá những đám bọt vỡ. Vinh như được an-ủi vì cái chết của già Năm bày đặt trong trí. Lần này nó đã thấy mình ở một cảnh khác. Cảnh gặp lại cha mẹ hồi còn ra đồng đứng chơi với người bù nhìn coi gặt lúa, cảnh ôm sách vở ngồi trên lưng thằng Bình dạo trên những phố ngập nước hồi học đệ tam... Vinh hình dung mỗi lúc buồn, giờ được thay thế. Vinh gãi đầu, nghe sóng, thấy được vỗ về với ý tưởng Vinh có đủ sức đập cái xẻng lên đầu già Năm và cột quanh cổ già một nắm dây dừa.

Già Năm đã vút cái xẻng vào đồng cát trong xe, đóng tẩm gỗ sau xe lại che gió chầm một điệu thuốc. Con Tuất đã ảnh hưởng tới những điệu thuốc của già,

Vinh hỏi già mua nhiều một gói Bastos đỏ ? Hai gói thuốc của già Vinh ăn dư đã trong một ngày, khỏi nom người anh rề với bộ mặt làm như không quen. Già Năm trèo lên trước xe. Vinh xin quá giang, lui cui bò trên đống cát ngó phía này, phía kia như đứa con nít. Một đứa con nít muốn có mớ dây dừa để thắt cổ những hình hài bần tiện, khốn khổ trong di-vãng mình có sau này.

Xe về gần tới nhà. Vinh thấy ông Quận với mấy ông lớn nước ngoài đang coi Đại Hàn với Nghia quân đá banh ở sân vận-động. Mấy lá cờ trên khán đài lợp tôn bay rục rờ. Đám người tản-cư đứng ngồi thành hàng thứ tự ở sau dãy nhà lá ngó ra coi. Thấy có mặt người anh rề, Vinh lưỡng lự muốn theo xe đi luôn. Xe vào tới đồn canh, Vinh kêu già Năm cho xuống. Già quay lại nói :

— Chiều tao xuống thăm ông nội con Tuất, mầy về nói trước cho ông sửa soạn.

Vinh biu môi ra cái cầu gỗ trước đồn coi hạ-si Dước «tốp» mấy cái thuyền ở cửa biển vô bắt mua vé số tô-m-bô-la. Tiếng hạ-si vang mặt sông, dậm dọ quen tai. Những con mắt tò bự sơn đỏ, sơn trắng trước mũi ghe lừ đừ trôi trên mặt nước. Hạ-si Dước «ê bồ» mừng rỡ kéo Vinh nhảy xuống thuyền giúp hạ-si kiểm tra giấy tờ bọn người phía dưới. Vinh chạy trên những mạn thuyền như giỡn. Nơi cửa biển, chếch về phương nam, trong một vùng nước rộng, một chiếc tàu Mỹ sơn trắng đang vét cát. Nặng như phôi rộng khắp những mặt nước rét. Lúc ở cầu gỗ lên, Vinh được hạ-si Dước tặng một bó khô mắm mang về cho chị Thu. Qua bề chứa nước ở góc đồn, đầu ngõ dẫn vào dãy nhà lá, Vinh thấy con Tuất đang ngồi phơi nắng gãi ghề. Tóc nó rũ rũ, mặt nó bì bì, hai ống quần kéo cao lổn đốn những khoanh trắng nom như nắm dại. Vinh bảo nó :

— Vừa gặp già Năm đánh xe bò đi chở cát.

Con Tuất «xi», nhăn mũi.,

— Anh già về qua đây, biết từ khuya rồi. Cho con mắm ăn chơi ?

Vinh lắc đầu :

— Mầy thiếu gì tiền.

Tuất lật mớ tóc rũ xuống hai má vươn cõ ra gãi.

— Không cho thì thôi nói giàu nghèo mệt quá.

— Chiều già Năm tới đó.

Vinh bỏ vào dãy nhà. Từ bữa ông Quận hứa thưởng tiền cho nhà nào để coi nhất, dãy nhà nom sạch. Con đường đất nện dùng luôn làm sân phơi rải rác những đôi thùng sơn đen. Chị Thu gánh nước mướn chưa về. Ảnh đã vô nhà đánh bài. Mùa này có nhiều mối nhưng ảnh bắt cần. Ảnh đánh bài không kể thua được. Ba anh em Vinh đã làm ảnh nản lòng. Hai đứa em trai Vinh đang hè nhau bữa đôi một khúc củi, chúng đã sửa soạn bữa ăn trưa. Con Tuất chạm đầu vào mái lá nghe lạt xạt. Nó vừa hút thuốc vừa hỏi :

— Anh già muốn tao thiệt 'sao ?

— Ai thêm biết chuyện cả trốn đó.

Con Tuất phì cười:

— Dễ giận vậy em ?

Vinh nín thinh. Nó giỡn hay nó thiệt tình ? Kể cả chị Thu đã lâu không gọi Vinh là em. Vinh biết mình còn nhỏ : Nhỏ từ ý muốn có người thân mật gọi mình bằng em. Tuất ngồi bệt xuống cửa bếp tâm-sư một chuyện tình. Vinh nghĩ tới những đứa mười bảy tuổi như mình mà cao lớn như con Tuất. Thằng Bình cũng Vinh lội nước giờ chắc đã hiên-ngang. Cũng có khi nó đã chết không chừng.

— Ông nội tao muốn gọt đầu tao. Ông nói tóc tao là ồ chí, ồ chóc lỏ. Ông vô đồn xin cô-đỡ Sáu một chai thuốc đỏ. Ông đã quyết tâm.

Vinh bật cười. Hai đứa em Vinh đang ngâm nước miếng giở gói khô mắm ra đếm hân-hoan, nhìn Vinh, ngo-ngác cười theo. Có tiếng hạ-sĩ Dước đứng-trên thành bờ ngoài kia gọi lớn Vinh Vinh bảo hai em !

— Chờ chị Thu về rồi ăn. Gắng nín một chút.

Vinh luồn dưới mái lá qua gian nhà bỏ trống vòng ra phía bờ. Hạ-sĩ Dước đứng trên một trong hai cái vòm xi-măng lớn trên mặt bờ nước.

— Ông kêu.

« Ông » là thượng-sĩ già hành chánh trong đồn. Tiếng đó thân-mật như vẻ mặt của ông những lúc nói chuyện với Vinh.

— Có chuyện gì đó anh ?

Vinh hỏi. Hạ-sĩ Dước mắt hấp háy ngó xuống con Tuất ra đứng sau Vinh.

— Chắc lại ba tờ báo cáo.

Vinh ra hiệu cho hạ-sĩ Dước đưa tay xuống kéo Vinh lên. Những lần vô đồn Vinh thường đi tắt trên mặt bờ, coi như một điều thú-vị. Hạ-sĩ Dước kéo Vinh lên vẫn đứng lại tán tỉnh con Tuất. Vinh chạy trên hai vòm xi-măng : hảy xuống góc đồn. Vinh vào thẳng phòng thượng-sĩ ở đầu ngôi nhà cổ nom ra mặt sông. Dãy nhà chia làm hai, một nửa dành cho nhà hộ-sinh của cô đỡ Sáu, một nửa làm văn-phòng và chỗ ở của thượng-sĩ. Hàng cây sầu đông dưới sân thấp còn những cành khô. Hai đứa con thượng-sĩ học cùng trường trên quận với em Vinh đang lấy que kiếm rệp ở cái đất giường dựng ngoài hiên có nắng.

— Anh Vinh lại bắt rệp giùm em.

Một đứa kêu.

— Anh Vinh hỡi rệp hơn em hỡi cú mèo.

Vinh nói bước vào phòng. Thượng-sĩ đang lụi cùi thời cơm trên một cái réchaud ở góc nhà ám khói.

— Có chuyện chi đó thượng-sĩ ?

Vinh hỏi, tò mò ngăm bức hình người vợ hai thượng-sĩ trên bàn thờ vừa

được phóng lớn. Vệt trắng nhỏ ở kẻ mắt bà trước kia giờ nứt lớn. Thượng sĩ hỏi Vinh :

— Hồi sớm gặp già Năm cháu có nghe già nói chuyện gì không ?

Vinh nhìn thượng sĩ chột hiệu. Thượng sĩ muốn điều tra kẻ đã lấy ba ngàn của thượng sĩ buổi tối đánh bài ngủ lại nhà chú Quán. Vinh lắc đầu :

— Ông chỉ nói chuyện con Tuất

— Cháu nhớ lại coi có lúc nào ông nói tới thằng Chức ?

Vinh bậm môi. Đầu óc lớn vờn đám dây dưa cột cổ già Năm.

— Không, thượng sĩ

— Thôi được, cháu về. Nhớ đừng nói lại chuyện này với ai.

Vinh chào thượng sĩ ra sân leo qua mặt bể nước về trại. Anh Chức mà ăn cắp ? Vinh nghĩ tới người vợ loắt choắt của anh đề khỏi nghĩ thượng sĩ nghi sai. Những lăm lờ của người tóc đã hoa râm như thượng sĩ thường buồn hơn là đáng trách. Người vợ lớn ở xa của Thượng sĩ chắc biết điều đó. Hồi người vợ hai thượng sĩ mất, bà với mấy đứa con có ra đưa đám. Lúc về, bà mang theo đứa con nhỏ của người vợ hai về nuôi. Hai đứa còn lại bà bảo phần ông lo lấy. Thượng sĩ tiếp tục sống đời sống như hồi vợ chưa mất. Ông không còn nghĩ tới chuyện xin đổi về gần quê như mấy năm tới đây. Mỏn đất cửa biển này đã quen với ông. Hạ sĩ Dưóc đứng trên cầu gỗ dậm dọa ghe thuyền từ hồi ông chưa tới, cô đỡ Sáu không chồng ngày tháng lấy nhau con so cho Thượng sĩ uống rượu trên hành lang, bể nước với già Năm những mùa khô mang xe bò lấy nước và bây giờ, đám người tị nạn như bà con và ngôi mộ người vợ lúc còn sống lẫn quất như một lớp khói mờ hồ ở góc nhà, tất cả không giữ ông lại bằng những điều vui mà bằng nỗi hoang vắng không cần kén cựa với người khác. Nếu không có hai đứa con, những đĩa nhau, những bó khô mướp nhậu với hạ sĩ Dưóc có khi cũng đủ cho ông bình tâm chờ một đêm tối trời và những loạt người không rõ mặt xung phong vào ngôi nhà cổ kính này.

oOo

Con Tuất bị ông nội gọt đầu la bai bai. Những mảng tóc rớt xuống. Da đầu lộ ra có những nốt mụn bật máu nhờ nhờ. Nó khóc thật sự. Ông nội nó đầu trọc lóc mắt mang kiếng lão, một tay kèm chặt gáy nó, một tay cầm con dao cạo gọt từng đường lớn. Nó mới về đã gây nhiều chuyện trong trại. Ông già có vẻ bức mình. Ông đã ngỡ hết còn gặp lại nó. Đứa con trai rượt con trâu trúng đạn gậy sừng chạc khắp cánh đồng, đứt ruột chết tướng đầu đã đứt dấu tích. Tuất sanh ra không một nét giống cha mẹ. Lớn lên nó xa cách ngay người thân. Nó bỏ đi hồi còn lại hai ông cháu. Con Tuất ồn ào trong lớp da thịt ung thối tướng đã mất hút trong một thành phố nào đó. Ông già dành hết thì giờ những ngày còn lại để làm thuê lấy tiền mua thịt ăn và ngấm nghĩ lại chuyện đuổi trâu. Con Tuất có được nhớ tới cũng qua trung-gian của người chết. Ông già hình dung nó lang thang trong một thành phố lạ sau hình ảnh ngời con trai bắp thịt vạm-vỡ giờ hai cánh tay chạy

trên cánh đồng sắp tối. Giờ nó về đây, kèm chặt cò nó mà gọt tóc, tay ông như đặt trên một tấm da lạt nhộp nhúa. Nó cúi đầu vươn cổ gục mặt mà khóc. Tiếng khóc bị khuất, ở thấp mặt đất như tiếng khóc kín. Kiếng đeo mắt của ông ghé xuống sát đầu nó như nghe ngóng tiếng khóc kín đó. Khi đầu đã loang lổ thuốc đỏ, con Tuất hết la, chỉ rên. Ông già cầm con dao trở bọn nhỏ xúm quanh :

— Đứa nào muốn có cái đầu thầy chùa ?

Bọn trẻ lùi lại vỗ tay chỉ một bà già đang ngồi ngáp trước một căn nhà :

— Bà muốn, bà muốn, gọt cho bà.

Ông già trợn mắt :

— Muốn chết sao mà ghẹo bà ?

Bọn trẻ reo cười chạy loăng-quăng, tay vỗ, mồm kêu, « Bà muốn, bà muốn, gọt cho bà », Bà già kéo vạt cái áo dài đen xuống che đôi chân đất, ngáp và cười. Vài đứa trẻ lại gần reo hò thích thú. Bà già quơ ra sau nhấc màu gạch chặn cửa giáng mạnh vào chúng. Bọn trẻ hoảng hồn chạy ủa ra đầu ngõ. Vinh ngồi trên thành bể nói chuyện với già Năm và hạ sĩ Dưóc, trở tay xuống nạt hai đứa em :

— Ghẹo bà nời xúng có bữa bề sọ.

Bọn trẻ tản ra ngoài đường. Mặt đường thấp, dòng sông nom đầy, chiếc càn gỗ trước cửa đồn có một người ngồi câu. Hai con bò kéo xe của già Năm lắc chuông coong coong. Những thùng nước trên xe đã đầy. Hạ sĩ Dưóc bảo già Năm :

— Rồi đó. Ông nội con Tuất xong việc rồi đó, vô hỏi vợ đi cha già.

Vinh muốn giữ già Năm lại gọi chuyện anh Chức vội nói :

— Ông già chắc đang giận con Tuất.

Già Năm bước xuống xe bò :

— Ông giận nó chớ giận người của ông Quận sao được.

Hạ-sĩ Dưóc bảo Vinh :

— Tội mình hộ tống cha già, ô-kê ?

— Hai người nhẩy xuống theo chân già Năm. Dáng già khom khom, chân già, đi êm. Con Tuất vừa ở trước sân đã đi đâu mất. Ông nội nó mời già Năm vô nhà rót nước ra mấy cái chén ăn cơm mời khách uống. Bọn trẻ tụ trước cửa đang tò mò chỉ trỏ thì bà già áo dài đen tới. Chúng chạy rạt như vịt. Bà già tựa cửa ngó vào coi. Ông con Tuất nói gượng :

— Vô uống nước chơi chị Tám !

Bà già lắc đầu, đứng nguyên. Già Năm lấy gói thuốc để lên bà mời mọi người. Già hỏi ông con Tuất biết già chạy xe bò cho ông Quận ? Ông con Tuất nói biết. Già Năm nói mỗi tháng già đều ăn lương ông Quận, mỗi năm còn được may hai bộ đồ thường và một bộ đồ ăn tết. Ông con Tuất nói :

— Già như vậy là sướng quá sướng rồi.

Già Năm nói:

— Tôi chưa già. Người già không chạy nổi xe bò của ông Quận.

Ông con Tuất yên lặng song không chăm chú nghe. Già Năm nói tới đây vì một câu chuyện hạnh phúc. Già có một mình, mỗi tháng đều ăn lương ông Quận, mỗi năm còn được may hai bộ đồ thường và một bộ đồ ăn tết. Già muốn con Tuất cũng được sự hạnh-phúc của già. Già muốn cưới nó làm vợ. Ông con Tuất nói:

— Nó mới về, tôi chưa rõ ý nó có khứng hay không?

Già Năm cho hai tay vào túi áo bà ba như kiểm vật gì.

— Em Tuất có gặp tôi rồi. Không biết nó khứng mà nói chuyện muốn nó, chắc tôi không dám lại đây.

— Phải chờ nó về hỏi lại nó mới biết.

Ông con Tuất vẫn giọng lơ là. Già Năm áy náy ngồi nán một lát rồi ra về. Già đi thẳng lại phía xe bò. Già bỏ hai tay ra khỏi túi áo, trèo lên xe. Thấy nhứt nhối dưới chân, già cúi xuống loay hoay gỡ lỏng sợi dây giầy *ba ta* cột quá chặt. Già vớ cây roi bằng tre vụt xuống lưng hai con vật. Chiếc xe cộc-cạch chuyển bánh, chuông kêu *coong coong*.

Trong nhà, hạ sĩ Dước gọi chuyện:

— Già Năm, là người được ông Quận thương.

Ông con Tuất lăm bằm chửi con Tuất. Hạ-sĩ Dước rót một bát nước uống cạn.

— Già rồi mà còn cắc-cớ.

Ông già đứng dậy quay ra cửa cau mảy nhìn bà Tám. Những thứ quấy rộn ông đều làm ông khó chịu. Ông chỉ muốn có một mình. Vành ra hiệu cho hạ-sĩ Dước đứng lên. Hạ-sĩ Dước diu Vĩnh bước ra vừa đi vừa nói với Vĩnh:

— Đứa trộm tiền của Thượng-sĩ hồi hôm cho già Năm nhậu, còn cho già tiền. Anh già khôn thiệt, hưởng lợi đủ chuyện.

Bà Tám đứng ở cửa chĩa tay trước mặt hai người. Hạ-sĩ Dước kêu:

— Con nghèo lắm, chĩa tay chị tội quá má ôi.

Trời đã gần tối. Những người gánh nước mướn đôi thùng trên vai rải-rác bằng qua sân vận động về nhà. Trước sân đồn thấp, một toán lính sắp hàng dưới những cành sấu-đông khô. Chiếc kèn đồng xoay xoay trên tay một người lính lùn vận áo ấm. Anh ta hướng ra phía bờ sông phùng mồm thổi. Lá quốc-kỷ hạ xuống vội-vã. Bóng con cú mèo quen thuộc sà xuống mái ngói phòng hộ sanh. Phía cửa biển, một hàng đèn điện nổi trên chiếc tàu vét cát. Tiếng sóng dội lăm bắt đầu nghe rõ. Cuối dãy nhà lá có người nghêu-ngao ca vọng-cổ. Tiếng ca nghe xa như ở tận

cánh đồng sương sau đôn. Mọi người vẫn đánh bài trong nhà anh rề Vinh. Vinh đứng sau bếp với hai em chờ bữa cơm ăn với người anh có bộ mặt làm như không quen.

oOo

Từ lúc anh rề Vinh vắng tục, không ai còn nói xạo già Năm. Già vận bộ đồ trắng hồi chiều xếp chân ngồi bên anh rề Vinh, rút bài. Già bỏ bài luôn nhưng mọi người vẫn chú ý tới già. Mỗi lần già theo tiền, xung quanh lại nổi lên « Xì kít », « già kít », « trúng dáy »... Mớ tiền xếp ngay ngắn trước lòng mòng lằn vì những nước theo nửa chừng. Anh rề Vinh mặt nghiêm thính thoảng lại nhắc băng quơ tới con Tuất. Già Năm lại cười. Vinh đứng coi nhớ tới những sợi dây dừa. Nỗi buồn bất chính của già vẫn có người an ủi. Ở mạn cửa biển có tiếng còi tàu ngận trên mặt nước tới. Vinh hình dung những thành phố con Tuất đi qua. Tiếng cú mèo rúc trên mái nhà hộ sanh. Có tiếng bà tám chửi giọng buồn ngủ « Tồ cha mi kêu hoài ». Cánh phen che cửa sổ mở xịch. Thượng sĩ có hạ sĩ Dước cầm đèn bấm theo sau bước vào. Hạ sĩ Dước vỗ vai già Năm :

— Ngỡ ai. Cha già chịu chơi quá mức.

Già năm nghiêm mặt :

— Tao không muốn nghe những đứ xạo.

Anh rề Vinh dàn hoà :

— Hai cha con gặp đầu giỡn đó, mệt quá. Rút không Thượng sĩ ?

Thượng sĩ lắc đầu :

— Coi chút cho đỡ ghiền. Hết bạc rồi.

— Vụ đó có hy vọng gì không thượng sĩ ?

Thượng sĩ châm một điếu thuốc, mắt cau cau :

— Ở thì sớm muộn cũng điều tra ra. Đầu mỗi năm trọn rồi, tôi còn thủng thẳng vì muốn lấy tình xử với anh em. Tôi vẫn hy vọng nhận được số bạc đó do một anh em nào đó gởi trả.

Chức đang rút bài ngang lên :

— Nếu đã nắm đủ bằng cứ, thượng sĩ cứ nêu tên tuổi kẻ đó ra. Thượng sĩ nói vậy, tụi tôi là bọn ăn cắp hết.

Thượng sĩ cười khô :

— Tôi đâu có nói anh em đều ăn cắp. Tôi chỉ muốn nói có một người nào đó đã lỡ....

Chức cầm đầu rút bài, hai mắt sâu nom tới. Vinh nhìn anh ta. Nếu anh ta lấy tiền của thượng sĩ, chắc anh không là người mất hồn như Vinh vẫn tưởng. Anh đã có chuyện đề nghị tới những lúc bế đứa con nhỏ vợ vẫn qua lại mảnh sân trước dãy nhà, hai ống quần rộng quét nhẵn mặt đất. Anh đã có chuyện đề nghị tới trong

những bữa cơm anh nhai yên lặng mắt ngơ-ngẩn nhìn vợ con. Ngoài kia, tiếng cú mèo, tiếng bà Tám chửi có lúc cùng cất lên một lượt. Những ngày lên chợ Quận không xin được vài chục hoặc không gặp dịp để nhào vào một chiếc xe đòi bồi thường thương tích, bà vẫn thức khuya cắt lời chửi bới dong dài. Ở gian nhà bỏ trống đầu dãy có tiếng hét lớn của ông cháu con Tuất, tiếng chân chạy thành thịch. Mọi người lặng yên nghe ngóng. Chức lâu bầu :

— Mỗi tối ôm cả trăm thằng, kiểm đũa mà gả phút nó đi cho xong.

Già Năm, thò tay vật mạnh trước mặt mỗi người một cây bài. Thượng sĩ chào mọi người hé cửa ra ngoài cất tiếng gọi hạ sĩ Dước cùng về. Canh bạc trở nên xô xát. Già Năm ăn liền mấy ván anh rề Vinh tháo cày. Nương theo bài đỏ, già chịu đòn mua bài ăn những nước thứ năm. Già cười lớn giữa những tiếng ồn ào :

— Đánh tới chừng nào bay rạc gáo hết lượt tao mới về. Sớm mai chở cát mượn một chuyến ông Quận cũng không có ngày. Ông Quận năm-bơ-oan.

Vinh chui vào giường thấy hai em ôm nhau ngủ vui. Vinh áp mặt vào tấm mền chúng cuộn chặt, mơ thấy sóng và người đàn bà rách một đuôi mắt. Gần sáng Vinh tỉnh dậy sửa soạn đi lễ với chị. Mọi người vừa dứt đánh bài. Anh rề Vinh đưa vông sau bức màn gió bút rút. Chiếc giường đánh bài đang được chị Thu dọn dẹp. Chị khoác tấm áo ấm cũ, im lặng rũ tấm mền trải giữa chiếu. Có tiếng một đồng bạc còn sót lại tung vào thành giường. Chị lom khom soi đèn kiểm trên mặt đất. Chuông nhà thờ trong rừng dừa bên kia sông đổ hồi ngân âm i. Vinh đắp lại tấm mền cho hai đứa em, xoa xoa hai cánh tay nổi da gà bước xuống giường. Chị Thu nói già Năm ăn tới ba ngàn lại mượn đờ một trăm già không chịu.

Vinh rò dích nước còn nóng chặt ít nước còn lại uống cho ấm miệng. Hai chị em ra khỏi nhà đi sát bên nhau. Vợ chồng anh Chức nom không rõ mặt cái lộn ở trước nhà. Có tiếng một đàn vạc bay qua bờ sông. Cây đèn bấm trên tay Vinh không chiếu rõ lối đi. Hai chị em đứng chờ ghe trên cầu gỗ. Sương dăng dặc hai đầu sông. Rừng dừa bên kia rã rác những bó đuốc đi về phía nhà thờ. Vinh nói :

— Tôi muốn xuống lại tỉnh.

— Xuống chi ?

Chị Thu hỏi.

— Không lẽ ở hoài đây.

Vinh ngàng nhìn bóng chị, áy náy. Câu nói chỉ là biểu-lộ cho Vinh, không giải thích cho chị Thu khỏi thắc mắc. Vinh mở lớn mắt, thấy nhớ khuôn mặt chị đột ngột. Bao nhiêu ngày ở đây, chị vẫn như ở xa. Nỗi khổ biết thành thứ thời-gian xa cách. Chị em sống bên nhau nhưng ít có dịp nhìn thẳng. Ai nấy mặt cúi xuống, tầm mắt lẩn tránh, nghĩ về nhau, nhớ lại mặt mũi nhau những ngày đã xa. Thêm mấy người cầm đuốc, xách đèn chạy xuống cầu co-ro chờ ghe. Ở trong đồn một người lính gõ kiềng báo đòi gác. Chiếc ghe ướm át chong đèn dập dình chở đám người qua sông. Qua bờ bên kia, chị Thu đưa Vinh một đồng bạc kim-loại trả tiền ghe. Vinh bấm

đèn soi vào lòng bàn tay thấy con số 10 méo mó trên đồng bạc. Vinh lấy tiền thối, bước theo chị. Hai chị em bước sau đám người qua những lối đi dưới thân dừa, sâu trong lòng những bụi cỏ sắc. Sương lộp độp trên lá cây như loạt tiếng côn-trùng lạ tai. Nhà thờ sừng sững ồn ào bất ngờ với bước chân còn đang đều đều cặm cũi bước. Vinh đứng ngoài cửa tối nhìn vào, khoanh tay lánh gió sau một cây cột lớn, Cha xứ mang kiếng trắng đứng sẵn trong đáy nhà thờ đèn thấp sáng loá. Lúc đọc kinh, Vinh lớn tiếng đề khởi nghe giọng chị. Ra khỏi nhà thờ, trời đã hửng sáng. Trên chuyến ghe trở về, Vinh ăn năn về những sợi dây dừa thêu dệt trong trí.

Người con trai đó đột nhiên được nói tới. Anh ta có về đây một lần, hỏi vợ anh chưa ngoại tình, Anh ta hiền hay dữ? « Không dữ đi lính cũng dữ » « có người thực hiền đó rồi cũng thực dữ đó, hiền dữ phải đâu hai thứ khác nhau? » « không khác, phân biệt chi cho mệt » « Ảnh ở đâu? » « Công-Tum, lê cu chi đó ». « Xa xôi quá làm sao về kịp? » « Vậy mới đau đầu ông Quận ». Ông Quận mắc mớ gì đau đầu. Những người như ông chỉ đau đầu những chuyện cỡ lớn. Một ngày trong quận chết biết bao nhiêu đau đầu hoài chỉ có nước vô nhà thương. « Nghe nói ảnh cũng theo đạo Phật, cũng ăn chay trường, thiệt vậy đờ khô ». « Theo đạo là một chuyện, máu chảy ruột mềm là một chuyện, phải chờ ảnh về mới biết ». « Điện cho ảnh chưa? » « Điện rồi mà có máy bay về không chớ ».

Đám người trong trại ngồi phoir nắng ngoài sân bàn tán ồn-ào. Một người già chết lẽ ra chẳng có gì đáng nói. Bà Tám đã già lại quá suy yếu. Sau cái ngã bất ngờ người, đầu đập xuống đường bà đã tắt thở trên chiếc xe cứu thương của quận. Già Năm nói : « Biết vậy, bà có xin hết số bạc tôi ăn đêm rồi tôi cũng đưa ». Hai bàn chân bà Tám khám kỹ cũng không có vết bánh xe bò. Lỗi không ở già Năm. Bà Tám đã chết rồi, già không nói chuyện phải quấy nữa. Già khóc kêu sao chưa chết như bà Tám. Chỗ ngồi trên xe bò giờ thấy cao ngất ngư. Bầu trời sau một đêm đánh bài trở nên lạnh dữ. Lúc đã nhảy xuống đờ bà Tám dậy già vẫn còn hắt hơi.

Ông Quận đi xe xuống trại dàn xếp với mấy gia đình cùng thôn với bà Tám. Có người nói dẫu sao già Năm cũng là kẻ gây nên tội, xin ông Quận bắt giam già Năm chờ ngày người con bà Tám về sẽ xử. Có người không chịu loại hòm già Năm mua, đòi mua loại bốn ngàn rưỡi. Đám tang bà Tám cả trại đi đưa. Già Năm mếu máo tụng-niệm theo nhà sư già suốt buổi chiều và buổi tối trước ngày cất đám. Mả bà Tám ở một góc ruộng cánh đồng sau đồn. Già Năm đội mũ trắng mặc áo xô chống gậy than khóc thể người con trai bà. Buổi trưa trở về, ông nội con Tuất uống rượu say ra đứng giữa sân chửi om xòm những người khéo nói, chút nữa làm ông xiêu lòng gả cháu cho già Năm. Trong nhà anh Chức lại có tiếng ngầy la của người vợ loắt choắt. Anh Chức bế đứa con nhỏ ra khỏi nhà, bộ mặt mệt mỏi. Hai gấu quần thùng thình của anh vẫn quét mặt đất. Anh đi quanh-quần trước gian nhà bỏ trống. Vinh thấy anh vẫn như người mất hồn.

Già Năm không bị bắt giam. Ông Quận nói chờ con trai bà Tám về sẽ xử. Những buổi chiều không thấy chiếc xe bò của già đậu ở bên bờ nước. Nghe nói,

già lập bàn thờ, đọc kinh sám hối ba năm. Vài ngày già mới ra chợ quận một lần để hỏi những người tản-cư xem người con trai bà Tám đã về chưa. Thượng sĩ già hàng ngày qua trại nhắc lại lời tha-thứ cho kẻ biết điều man trả lại tiền thưởng si.

— Cả quận này ai cũng biết kẻ đó. Tôi hẹn cho ba ngày nữa.

Thượng sĩ nói một buổi tối ngồi coi đánh bài trong nhà anh rể Vinh. Vợ chồng anh Chức càng ngày càng hay gây lộn. Anh luôn luôn bế đứa con nhỏ, hai mắt sâu chỉ ngược lên mỗi lúc cần chống trả. Có đứa nhỏ trong lòng, anh như đỡ hãi vợ làm dữ hơn. Một buổi tối anh vận áo ấm cho con bế sang coi đánh bài tới khuya mới về. Sáng hôm sau, ông già con Tuất là người đầu tiên thấy căn nhà của vợ chồng anh bỏ trống trơn. Một người lính canh trong đồn nói hồi mờ sáng thấy vợ chồng anh và mấy đứa con đứng chờ ghe trên cầu gỗ nhưng lúc đó không biết là ai. Con Tuất mang cho thượng sĩ già một tờ giấy anh gài ở vách nhà.

Mòm-Cát, ngày... tháng... năm...

Kính gửi Thượng-sĩ,

Tôi là Phạm-Chức khờ tâm viết thư này xin tha tội cho vợ chồng con cái tôi món tiền Thượng-sĩ mất thực tình tôi lỡ lấy lỡ tiêu hết muốn trả lại cũng không được nữa bởi vậy tôi phải đi nơi khác kiếm chỗ cho vợ con ở rồi tôi đi lính lấy tiền thưởng đầu quân gửi về trả cho Thượng-sĩ vậy cảm phiền. Cám ơn.

phạm-chức

Dãy nhà thêm một căn bỏ không. Tiếng hét nhất loại mỗi đêm của ông cháu con Tuất có chỗ thay đổi. Ngày mùa lạnh ngán như uế oải, lặn lữa. Những đứa trẻ phơi nắng trên mảnh sân đất thiếu bà Tám đề nỏ giỡn, Những lời trao đổi rời rạc trước ngưỡng cửa về người con trai của bà ít ai còn nhắc tới. Vinh và hạ sĩ Dưóc nhiều lần ngồi trên vòm xi-măng mặt kẻ không buồn nói chuyện. Cánh cửa sổ đầu phòng thượng sĩ đóng im ỉm tránh gió, Vinh trông thấy không muốn sang Một đêm nằm ngủ Vinh chợt nghe một người đồng dai nào đó ngồi đánh bài kêu tét sập tới. Tiếng kèn đồng của người lính lùa hương ra bờ sông và lá quốc kỳ kéo xuống vội vã vẫn báo trước một đêm mê ngủ nhọc mệt.

Một hôm người lính con trai bà Tám chợt về.

Già Năm hai má nhô cao riu riu đi trước. Người lính khóc từ bờ sông mà vào. Người ta ủa ra khỏi nhà bao quanh, nhôn nháo. Người lính nắm tay già Năm dắt vào căn nhà trống trơn. Anh ta vỗ lấy những bức vách khóc lớn. Già Năm chạy qua mấy nhà kế bên mượn một cái bàn một chiếc chiếu Bàn thờ bà Tám được bày biện tức tốc. Người lính kêu già Năm vô tội. Bà Tám chết vì trời phạt anh tội bất hiếu. Đưa đàn ba phụ tình mang chồng mới đeo sừng tới dậm dọa mấy cha con anh, anh vẫn cười được Giờ có hết nước mắt khóc mẹ, anh khóc bằng máu của mình Anh rút trong túi một xấp giấy bạc bao lá chuối khô cung kính đặt lên bàn thờ rồi lặn xuống chiếu vật vã.

Buổi tối anh ta ở lại trại. Vĩnh ngồi nói chuyện với anh và già Năm tới khuya. Như vậy Vĩnh đã dứt khoát đời khỏi nơi này. Vĩnh sẽ đi cùng người lính như đi với một người đồng hành hợp ý. Thử đi theo một lòng tốt ở xa. Những thành phố con Tuất lột đi qua không còn đáng sợ. Vĩnh nói lại với anh rằng. Đã lâu anh mới nhìn Vĩnh như một người quen. Vĩnh nói lại với chị. Chị khóc, Vĩnh chào mọi người trong trại. Chào thượng sĩ già. Chào hạ sĩ Đức. Bể nước hai vòm xi măng cao. Tiếng cú rúc từng đêm trên mái nhà hộ sanh. Cây cầu chờ ghe chong đèn rước sang nhà thờ. Cỗ xe bò già Năm. Bờ biển với những lưng sóng lúi lúi chạy theo bờ biển xa trong ánh-sáng nhiều gió làm sáng lóa những đám bọt vỡ.

Vĩnh ôm hai em ngủ, áo mặt vào tấm mền của chúng, muốn mơ thấy những sợi dây dừa trôi nổi trong đám bọt đó.

Y UYÊN

ĐÓN ĐỌC

Vòng tay học trò

của NGUYỄN THỊ HOÀNG

- ★ Cây bút phụ nữ bay bướm và táo bạo
- ★ Quyền truyện dài đầu tay của một nhà văn đã từng cộng tác với các tập san Bách Khoa, Văn...

Sách dày 400 trang

Giá : 120 đ

KIM ANH xuất bản

SỰ AN NINH CÁC BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

Bảo Hiểm

27 - 29, Đại lộ Hàm - Nghi — SAIGON

Điện thoại : 23.739

ACCIDENTS — INCENDIES — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai Nạn

Hỏa Hoạn

Hàng Hải

Linh Tinh

ĐẠI LÝ CỦA

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHÔNE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : Paris — Tourane — Cholon — Dalat — Cantho — Vientiane
— Hongkong — Tananarive — Tamatave — Addijan — Douala

CHO HẸN

thơ VU ĐOÀI

vẫn chưa muốn về thăm mẹ
nửa đường miền Trung mưa bay
vẫn chưa muốn về thăm mẹ
con xòe tay đếm ngày đi

nét thơ thiên đàng em nhỏ
hôm nào anh sẽ về thăm
góc trời mòn chân nhịp núi
quán nghèo thung lũng trầm ngâm

gia đình ừ năm tháng ấy
giật mình ngồi trông núi cao
thì một thì mai trở lại
hôn thằng em nhỏ trong nôi

nửa đêm đầu sông mé ruộng
vòng tay ghì súng ân tình
giấc về cuồng trong giấc bướm
đôi mắt ngừng say ngàn ngo...

vài năm hẵn về thăm mẹ
với thằng em nhỏ trong nôi
còn đây rừng hoang bóng giấc
còn đây còn đó đôi nơi

vài năm hẵn về thăm mẹ
với thằng em nhỏ trong nôi
bây giờ hẵn là em lớn
và mẹ già hơn tí thôi



BÙI-KIM-ĐÌNH
TRUYỆN NGẮN

ngày qua cửa sổ

Sự sinh hoạt trên con đường dẫn về vùng ngoại ô đông đảo bỗng trở lại sôi động mãnh liệt sau một trận mưa lớn. Con đường còn ngập nước, rác rưởi nổi lều bều theo giòng chảy dạt vào hai bên đường ào ào xuống miệng cống. Mưa vẫn chưa tạnh hẳn, nhưng những người trú mưa từ hàng hiên hai bên đường đã ủa ủa kéo ra, di chuyển tạo thành nhịp sống hối hả, sôi nổi. Khuôn trời thành phố vẫn mang một vẻ ảm đạm nhưng Quang thấy thay đổi xa lạ thật nhiều. Anh chống nạng chậm chạp băng qua đường trong mưa và khói. Người hơi nghiêng, khuôn mặt ướt át trắng xanh, mái tóc ướt đầm; thỉnh thoảng Quang mỉm cười, nụ cười thật nhẹ không vẽ nổi một đường nhăn bên mép.

Quang ngừng lại trên khoảng lề đường bằng phẳng, nách tỳ vào cây nạng, một tay buông xuôi theo thân hình, tay kia móc túi lấy khăn, xoa lên đầu rồi lau mặt; Quang tập tễnh đi vào quán rượu, ngồi một góc kín trong bar rồi gọi rượu uống. Bầu không khí trong bar vào một chiều mưa thật là buồn tẻ. Nỗi buồn cô đọng lại trong một khoảng nhỏ hẹp như tiếng hát trầm buồn ngậm ngùi của người ca sĩ bị pha loãng bởi tiếng động bên ngoài.

Một người con gái từ nhà trong bước ra nhìn Quang rồi vụt reo lên :

— A ! anh Quang ! lâu ghê anh mới ghé lại chơi ! Về phép hả anh ?

Quang không nói, chăm chú nhìn người con gái trong dáng đứng uốn éo trước mặt. Tia nhìn của Quang bắt đầu từ một bông hoa vẽ trên tà áo, rồi đi ngược lên ngực và ngừng lại ở khuôn mặt người con gái. Men rượu đã làm anh chệnh choáng.

Hình ảnh người con gái đứng trước mặt Quang tuy hơi run mờ, nhưng anh vẫn thấy khuôn mặt nàng thật hồn nhiên tươi trẻ. Đôi mắt sắc sảo lóng lánh, cặp má đầy đặn, mái tóc ngắn xoã xuống phủ đầy hai bên má. Bốn tháng qua, dung nhan người con gái không thay đổi gì. Bất giác anh cảm thấy sự cách biệt ở trước mắt mình thật lớn và rộng.

Quang chỉ tay vào chân mình rồi nói :

— Anh vừa ở bệnh viện ra chiều nay, tiện đường anh ghé thăm Xuân.

Như đứng phải lửa, Xuân buông thành ghế rồi lùi lại phía sau mấy bước. Khuôn mặt đang hồn nhiên bỗng mang vẻ kinh ngạc và tia nhìn bối rối xót xa. Lát sau, Xuân kéo ghế ngồi đối diện với Quang :

— Anh bị thương . . . em đâu có ngờ . . .

Sự thay đổi đột ngột trên khuôn mặt và khóe mắt người con gái làm Quang nóng bừng hai bên thái dương. Cặp mắt xót xa của Xuân, người con gái trước đây Quang coi thường như đề giải trí—làm Quang bực bội.

— Xuân nghĩ gì mà thù người ra thế kia ? Chắc hẳn đang xót thương anh phải không ?

— Em nghĩ đến anh ruột của em. Anh em cũng . . . bị như anh !

— Bây giờ anh của Xuân ở đâu ? Làm gì ?

— Anh em về xứ rồi, ở với ba má.

— Anh thì chả có ai thân và cũng chả có quê hương mà về.

oOo

Em Trang.

Trang còn nhớ buổi chiều hôm ấy không ?

Trong cái ảm đạm của khuôn trời chiều ngoại ô sau một trận mưa buồn ghê Trang nhỉ. Ánh sáng chỉ còn là một vùng mờ không vượt ra nổi cái nặng nề của khung trời mây thấp. Hàng thông ở trước mặt chúng ta ướt át, nghiêng ngả, buồn nản như tâm sự của một dung nhan về chiều. Mái ngói màu trắng không râu mốc của một ngôi chùa mới xây im lìm như cái im vắng của ngôn ngữ chúng ta. Em đứng tựa đầu vào vai anh rất lâu mà chẳng ai nói một lời, nhưng anh biết cái dáng đứng mềm mại ẻo lả, ánh mắt như buồn xa xôi của em như đã nói lên thật nhiều lời ly biệt. Một cơn gió thổi mạnh, vòm xanh trên đầu chúng ta rung mình, tiếng lá rì rào thật buồn. Nước mưa từ trên vòm xanh ào ào bủa vây chúng mình.

«Trời Saigon thay đổi thật dần dỉ và bất ngờ như đời sống thành phố.» Trang vẫn thường nói với anh như thế. Anh tuy lạc quan nhưng hôm ấy cũng phải bực mình về sự đổi thay đột ngột của trời Saigon. Buổi trưa, chúng mình đang từ không khí máy lạnh của rạp hát bước ra thành phố như bước vào địa ngục của mặt Trời. Bước trong hàng vạch trắng để vào lề đường, em nói con đường như mềm nhũn ra dưới sức nặng của nỗi buồn chúng ta. Rồi đột nhiên

trời nổi giông gió, trút một trận mưa như cơn thịnh nộ phi thường của bàn tay xoay vần thời thế. Khoảng cách thời gian về phép bị rút ngắn lại trong tâm hồn. Buổi chiều hôm ấy chúng mình thật lắm cảm Trang nhỉ? Tại sao trước ngày ra đi, anh lại đưa Trang vào một ngôi chùa nằm trong lòng một nghĩa trang. Nơi đây gần một phi trường nên em đã nói: « Những linh hồn nếu còn chắc đã bị đẩy dạt ra khỏi nghĩa trang này, ở đâu, lúc nào cũng thấy ầm-ầm 1.1 » Chúng mình đều thích sự im lặng.

Anh đi, nửa tháng sau anh trở về. Tuy không được quan sát nhưng anh chắc rằng thành phố cũng như em chưa có gì thay đổi. Trong cái thăm lặng cô đơn của bốn bức tường bệnh viện, trong dáng nằm bất động và trong cái cảm giác vô cùng đau đớn, không phải vì vết thương mà vì sự mất mát, anh thấy như gần gũi em hơn bao giờ. Những kỷ niệm trời dẫy trong anh kêu gào như muốn làm đứt tung giây thần kinh căng thẳng như dây đàn. Ở thế giới của những kẻ bất hạnh anh thấy thấy tất cả như xa lạ. Bầu không khí sặc mùi thuốc ngọt ngạt khó thở và luôn luôn bên tai là tiếng la hét và tiếng rên rỉ than van trong những đêm dài thăm thía sự đau đớn của thân thể tật nguyền, anh thường thấy em vào lúc 3 giờ sáng và chợt mất em khi anh bừng mắt dậy lúc trời còn tối. Hình ảnh thấp thoáng trong khung trời đầy sao, trong những đêm có trăng và nhật nhòa khi mưa tối.

Thế mà đã gần năm tháng không được gặp Trang rồi. Năm tháng dài như một cuộc đời buồn. Năm tháng ở đây là khoảng thời gian anh đếm được và nhìn thấy rõ ràng là buổi sáng, xế trưa, chiều và tối đêm, như dòng sông chảy thật chậm và âm thầm nhưng mang những đợt sóng ngầm. Đó là tiếng gào thét của đoạn đường di vãng. Anh muốn gói vào tờ giấy nhỏ bé này những hình ảnh chúng mình đã có, khuôn mặt, nụ cười, dáng đi, tiếng nói của của em, đã dồn nén tích lũy trong tim anh bấy lâu nay, bằng cách viết tất cả ra đây để dành phần nhẹ nhàng cho những ngày còn lại.

Trang còn nhớ không những ao ước vun vạt rải rác đó đây đã tạo cho chúng mình một vòm trời hạnh phúc. Ước mơ của anh thật là vĩ đại. Anh nghèo nhưng lại ưa nhìn lên thật cao: Anh muốn có xe hơi để mái tóc em khỏi ẩm ướt trong những buổi chiều mưa bay thật nhẹ. Anh muốn có nhà thật cao để từ đó mình có thể gói ghém sự sinh hoạt của đời sống thành phố vào vào trong tầm mắt. Niềm lạc quan và sự hăng say tuổi trẻ bây giờ còn gì? Trang ơi! lúc này đi không thể nào anh dẫn em vào thiên đường, bởi vì anh bước đi khắp khềnh làm thân hình chênh vênh như cuộc sống. Con đường sẽ thật dài trong bóng tối. Còn Trang? Những mơ ước của em dịu dàng như nhan sắc, mảnh mai nhỏ bé như vóc dáng, và giản dị như dung nhan em chưa hề một lần trang điểm. Em muốn có căn nhà nhỏ bé, chung quanh có vườn hoa cây trái. Em mơ ước bầu không khí gia đình mà người chồng suốt ngày chỉ cười nhưng không kể n phả: dịu dàng và tế nhị. Em cũng không quên nói đến địa vị và bổn phận người vợ trong gia đình. Ôi! giấc mơ của chúng ta thật đẹp. Giấc mơ ấy đã vỡ tan theo ấy tiếng động ngán. Anh bây giờ thì ngày nào vui lắm cũng chỉ có thể

cười được một lần. Tương lai em sẽ huy hoàng hơn sự mong muốn vì con đường thật ngắn mà em cho là dài thì sẽ vượt qua dễ dàng như một bài toán cộng.

Anh lạc quan lại giầu tưởng tượng, đến nỗi anh nhìn vào tương lai chúng mình, như nhìn vào vòm trời cao muôn trùng tràn đầy màu sắc vào một buổi chiều, khi bóng tối đang nuốt dần ánh sáng, tại bờ sông nơi xa lộ. Gió thổi thật nhiều, mái tóc dài của em tung bay ngược về sau, làm anh được một phút, tưởng rằng, khuôn mặt hiền dịu của em, hếch về phía trước hơi mang vẻ kênh kiệu đài các của một nàng công chúa. Ý nghĩ này làm anh hãnh diện và băng khuâng. Hôm ấy chúng mình đã nói với nhau những gì Trang nhỉ ?

Giọng nói của em thật nhẹ, riu rít qua tai anh, theo gió vào hư không. Âm thanh dịu dàng của thời thơ ấu từ kỷ ức đang chạy về hiện tại.

Lúc ấy bầu trời nơi xa lộ đã vẫn đục ngầu trong đêm tối. Anh ngỡ chỉ còn ửng hồng trên mây và ngọn cây ở tít xa. Những người đi hóng mát đã lục tục kéo nhau trở về thành phố. Những chiếc xe hơi ở hai bên lộ đã từ từ mang những khuôn mặt phơn phớt từ bóng tối về ánh sáng. Em thoải mái dựa lưng vào thành nệm xe. Anh miệng huýt sáo, chân nhấn hết ga xăng, chiếc xe như mũi tên bay trên đường nhựa. Anh sôi nổi ưa tốc độ, em thích dịu dàng nên phản đối. Anh chiều ý em, chiếc xe từ từ êm lướt trên mặt đường, làm anh băng khuâng mang cảm giác của một buổi chiều nào đó, chúng ta cùng ngồi trên con thuyền sang bên kia bờ sông Hương vào dịp đầu tiên chúng mình gặp nhau ở quê hương em. Nhưng bây giờ thì hết tất cả rồi Trang ơi, anh không thể nào đưa em đi một khoảng đường gang tấc : Những thớ thịt và gân xương của chân anh đã tan và chìm sâu vào lòng đất từ mấy tháng nay rồi.

Em Trang,

Buổi tối hôm ở xa lộ rồi chúng mình đi đâu Trang còn nhớ không ? Phần anh bây giờ có thể đo được độ sóng và tiếng động của mỗi khung cảnh mà chúng mình có mặt, bởi vì kỷ niệm đã hẳn ghi trong anh tất cả những đoạn đường chúng mình đã qua, thời khắc của một ngày, sáng, trưa, chiều và tối đêm, chân dung em, khó có thứ thuốc nào làm phai đi màu sắc dù là thời gian. Này nè, lúc ấy anh hỏi là chúng mình đi đâu, em bảo tùy anh miễn sao em về nhà trước chín giờ. Anh đưa em vào vùng Cholon. Chiếc xe ngừng lại ở một vùng sáng, sáng hơn ban ngày. Em khen thành phố của người Tàu thật náo nhiệt. Em nói : " Mọi xáo trộn thời cuộc hình như không chiếu cố đến vùng đất này " Em thích ăn ở tiệm nhỏ đề thờ cúng thức cái thú là dưới mắt nhìn không có ai quan trọng. Món mì vịt em khen ngon. Ngôn ngữ, khuôn mặt và cái bụng phê của chú Tàu làm. Em vui nên cười hoài.

Còn sớm, chúng mình ra bờ sông đứng chênh vênh giữa bờ xi măng cách gần đất, trời và nước. Sau lưng chúng ta là ánh sáng thành phố, là những buyn-đinh ngạo mạng vươn lên chót vót trời cao. Trước mặt là gió, là trời, là

nước, là ánh sáng lập loè mọc ra từ bên kia bờ sông. Tà áo em tung bay trong gió in trên mặt nước rung rinh quện vào bóng chúng mình ngả dài trên đó. Em kêu mỗi; chúng mình ngồi xuống nền cỏ lóng lánh hơi sương. Anh duỗi hai chân và nghe một cảm giác mệt mỗi kỳ thú. Nhưng Trang ơi, bây giờ thì đã hết tất cả rồi, anh thêm được cảm giác mệt mỗi của đôi chân khi xưa và sự thêm muốn đó chỉ là ảo tưởng đáng cay, bởi vì những gì đã mất ở thân thể này có bao giờ tìm lại được ?

Có phải không em buổi tối hôm ấy chúng mình thật hoàn toàn vui, nếu từ chân trời bên kia kia sông, không đột ngột xuất hiện những tia lửa vụt chói sáng của hỏa châu. Giọng nói em đang hồn nhiên vui tươi bỗng hạ thấp xuống thật trầm buồn như lời thì thầm. « Chứng nào anh phải nhập ngũ ». Nỗi buồn chợt đến Trang làm anh sững sờ giây lát. Anh khoa một vòng tay mạnh bạo vào không gian rồi cười: « Dĩ nhiên là phải đi, thời buổi này thanh niên đều gặp nhau ở nghiệp cầm súng. » Rồi anh cố làm ra vẻ tươi cười để bỏ nỗi buồn trong em, nhưng nỗi buồn còn lại và chúng ta mất vui từ đó.

Em còn nhớ không buổi tối trước ngày anh lên đường, chúng mình đã cầm tay đi bên nhau hàng giờ. Vẫn những con đường quen thuộc. Bàn tay em hồ hững trong tay anh, khuôn mặt nghiêng nghiêng cúi xuống, bước đi chậm chạp uể oải như vẽ lên nỗi băn khoăn trong trong tâm hồn. Bấy giờ cũng là mùa mưa Trang nhỉ. Chứng tích còn lại của trận mưa thật to ban chiều là nền đường loang loáng nước. Bóng chúng ta ngả dài nhạt nhòa trên đó rồi lộn ngược trở lại khi chúng mình đi bên trụ điện dưới ánh sáng của ngọn đèn trên cao. Những thân cây óng ánh ướt và đen sì hiện ra trước mặt chúng ta rồi tiếp nối lùi vào phía sau tạo thành một bức tranh di vãng. Con đường lúc ấy thật nhiều bóng tối và hoang vắng. Nỗi hoang vắng cô đơn như nước mưa lất phất trong ánh sáng vàng vọt.

Em Trang !

Hơn mười lá thư, hai tờ báo thị điện tín mà anh sắp gửi trả em đã được đúc kết bằng bao nhiêu băn khoăn lo lắng nơi em. Em đã thức bao nhiêu đêm để suy nghĩ về anh. Một bức tranh thảm khốc đã đóng khung trong ý nghĩ cho nên em đâu ngờ rằng mấy tháng qua chúng mình cùng ở chung thành phố này nhưng là hai thế giới. Một hôm anh tự nguyện với lòng, là lần cuối cùng anh tìm đến những con đường mình đã qua. Anh ghé vào rạp hát X, nơi chúng mình vẫn thường gặp nhau trong những buổi chiều cuối tuần. Anh phải knó khăn lắm mới qua khỏi công viên có nhiều dây kẽm gai ngăn cách lối đi và cỏ non. Con đường này bây giờ như rộng và dài hơn, màu cỏ non thì không được xanh, tươi mát như xưa phải không Trang ? Rạp hát như đồ sộ và rực rỡ hẳn lên còn anh thì nhỏ bé lại. Rạp ciné vừa tan, đoàn người từ bên trong ào ào ra. Anh đứng tựa lưng vào hàng lan can bằng sắt. Mùi thơm của không khí máy lạnh từ rạp hập hắt ra, đã bị nhip sống nóng hổi của đoàn người trước mặt anh làm tan đi trong khoảnh khắc. Anh bỗng thấy ngọt ngào khó chịu về sự ồn ào và những nụ cười vui tươi của họ.

Đoàn người trong rạp hát ra đã tản mát bốn phía. Một cuộc hành trình nhỏ đã dứt để chuẩn bị cho những cuộc hành trình tiếp nối không ngừng. Giữa khi anh cô đơn trong tâm trạng của người đứng bên lề thì hình bóng em chợt đến với nét thiêng liêng khả kính. Nhớ nhung sôi nổi bây giờ chỉ còn là tình yêu hoài niệm. Vì anh không còn lý do gì để mà tiếc nuối...

A còn điều này chắc hẳn Trang phải ngạc nhiên lắm. Bây giờ anh đã lập gia đình rồi. Vợ anh tên Xuân. Anh đã gặp Xuân và lấy Xuân hai ngày sau khi ra khỏi bệnh viện. Để anh nói sơ qua về Xuân cho trang nghe nhé. Xuân bán bar trong một quán nhậu nhỏ ở Vùng ngoại ô mà những món nhậu là cây trái. Anh quyết định lấy Xuân vào một buổi chiều mà hình ảnh em vẫn còn sôi nổi, kỷ niệm ứ tràn chưa vào hoài niệm. Anh khó có thể nói với em là tại sao anh lấy Xuân. Không biết có phải vì muốn dừng chân lại sau một cuộc hành trình như một cơn ác mộng mà sự phấn đấu đã tan loãng vào hư vô. Lúc ấy anh như đang trước một Thiên đường sụp đổ. Những mảnh vụn vật tan rã của Thiên đường làm anh muốn dấu mặt vào gốc cây sù sì khô héo và khuôn mặt em thì nhạt nhòa trong sự nứt rã rêu mốc của hiện tại. Không phải là anh thấy khuôn mặt em thấp thoáng trong màu đen của tóc, và vóc dáng của vợ anh dâu, mà là do hình ảnh từ ký ức chạy về, như một đôi khi anh chợt nhớ tới lời ru của mẹ anh thật xa xưa, mơ hồ huyền ảo nhập tiềm thức hai mươi năm về trước. Trang ạ, cuộc hôn nhân không có bởi tình yêu thật giản dị như mưa và nắng, Anh không hiểu anh Trang ạ. Anh rất ghét những cặp mắt nhìn anh thương hại vậy mà anh vẫn lấy Xuân dù anh biết rằng «thời gian chồng vợ» mong manh như sợi tơ trời và sẽ đứt đoạn bất cứ lúc nào bởi một nụ cười chế diễu. Lấy Xuân, anh không cho là cuộc phiêu lưu. Anh bình thản dẫn thân vào đó như mở cửa sổ để xem tháng ngày trôi qua trong khoảng khắc anh lại sống trở về với những cảm nghĩ của ngày ra đi. Ai ra đi mà chả mong ngày trở về. Và anh cầu mong những người bạn anh, đang bồng bềnh trôi nổi, sớm có ngày trở về, những ngày về nguyên vẹn...

BÙI KIM-ĐÌNH

SÁCH HAY, MỚI XUẤT BẢN
GIÁ ĐẶC BIỆT (I.C.)

Bạn đọc hãy tìm lại nhà sách :

VIỆT - BẢNG

(78, Đại-lộ Lê-Lợi Saigon)

Các loại sách ngoại quốc mới xuất bản về : Chính-trị, Triết-học, Văn-học, Khoa-học, Nghệ-thuật v. v...

NÓI VỚI BẰNG HỮU

thơ NGUYỄN NHỎ NHƯƠN

ôi nỗi nghi ngờ cùng nỗi hiểu lầm nào
đã ngăn cách chúng ta như bức tường ô nhục

•
tuy ở cách xa nhau
nhưng chúng ta có thể nhìn thấy nhau
trong từng giờ từng phút
có gì lạ không?
khi chúng ta gọi nhau bằng mi tau
tiếng nói tầm thường như que tăm
nhưng rất cần sau mỗi bữa ăn
khi chúng ta kể cho nhau chuyện
những cuộc tình những buồn vui những ước muốn
trong đời

khi chúng ta vẫn còn gặp nhau
qua những chuyến xe đồ ngược xuôi tìm cơm áo

•
có gì lạ không?
khi chúng ta không có cùng bằng cấp
không có cùng khuôn mặt
khi lời thơ còn phảng phất những tình bạn
chân thành đến nỗi chúng ta không còn hiểu nhau
được

•
cơn gió nào đã làm mùa xuân trụi lá?
chúng ta đã tự dán lên mình những nhãn hiệu chống
đối
và chúng ta nghĩ gì về những lời nguyện rửa lẫn
nhau

•
ôi nỗi nghi ngờ, nỗi hiểu lầm cùng ý nghĩ nào
đã ngăn cách chúng ta như bóng đêm
hãy nhìn về phía mặt trời
tình bằng hữu bao la thăm thiết
sẽ soi sáng chúng ta
tất cả xin nở nụ cười bao dung thân mật

(tâm hồn mọc cánh)

SÁCH BÁO MỚI

Bách Khoa vừa nhận được :

— **Hàn Giang**, tuần báo thông-tin văn-ngệ, diễn đàn của nhân dân Đà-Nẵng. Chủ nhiệm: Nguyễn thu Giang, Thư ký tòa soạn: Vũ Lang. Mỗi số khổ 26x38 dày 8 trang, giá 5 đ.

— **Hồn Trẻ**, Bộ III, số 1 ra ngày 23-11-66, tuần san thanh niên, sinh-viên, học-sinh do Hội Bạn trẻ em V. N. chủ trương, Ông Nguyễn văn Hoanh Chủ nhiệm và Xuân Trang Tổng-thư ký tòa soạn. Mỗi số, khổ 15x21, dày 52 trang, giá 5đ

— **Áo vụng tuổi trẻ** truyện dài của Duyên-Anh, do Mai Anh xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 230 trang. Giá 75 đ.

— **Những đường lối bình định nông thôn** của Kiêm Thêm, do tác giả gửi tặng. Sách dày 60 trang. Giá 35đ.

— **Vòng tay học trò**, truyện dài của Nguyễn thị Hoàng do Kim Anh xuất bản và gửi tặng. Truyện dài đầu tay của tác giả với bút hiệu Hoàng Đông Phương đã đăng trên tạp chí Bách Khoa. Sách dày 407 trang giá 120.đ.

— **Đại cương Triết-học Trung-quốc** Quyền hạ, của Giản Chi và Nguyễn-Hiến-Lê, do Cảo Thơm xuất bản và tác giả gửi tặng Quyền hạ cũng như quyền thượng gồm 3 phần phần 4 (nhân sinh luận) phần 5 (chính trị-luận) và phần 6 (tiểu sử các triết gia.) Phụ lục có nguyên-tác Hán văn trích dẫn. Sách dày ngót 900 trang. Giá 500đ.

— **Đọc và phiên dịch báo chí Anh-Mỹ** Soạn giả Võ-Công-Tài, do

Nam Sơn xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 260 trang, tái bản lần thứ 4, gồm hơn 160 bài rút trong các báo chí Anh-Mỹ, xếp loại, chú thích và phiên dịch ra tiếng Việt. Giá 120đ.

— **Cách-mạng và đạo-đức** của Lý-Chánh-Trung do Nam-Sơn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 122 trang gồm 2 chương (kinh nghiệm đạo-đức: cuộc gặp gỡ với chính mình; sự phản kháng: kinh nghiệm cách mạng). Giá 80đ.

— **Đêm dài một đời**, truyện dài của Lê tất-Điều, giải truyện dài 1966 Trung-tâm-văn-bút Việt-Nam, do Tin-Sách xuất bản và Trung tâm văn bút V.N. gửi tặng. Truyện dài đầu tay của Lê tất Điều dày 212 trang. Bản đặc biệt không đề giá.

— **Khoảng mát** tập truyện của Võ Hồng, do An-Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 200 trang, trình bày rất trang nhã. Giá 60 đ.

— **Căn nhà vùng nước mặn**, tùy bút của Mai Thảo, do An Tiêm xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 162 trang, Giá 60 đ.

— **Nói với tuổi hai mươi**, của Nhất Hạnh, do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 170 trang, trình bày mỹ thuật. Bản đặc biệt không đề giá.

— **Văn-ngệ đã đi đến đâu ?** (từ 1954 đến bây giờ) của Trần-văn-Nam do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách in ronéo 2 mặt, dày 32 trang khổ 21 x 27 có Phụ tập : Thơ và Triết-học Trữơng ca của Dòng Sông Xuyên-Á.

SINH HOẠT

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Điều kiện tồn tại

« Không có nền văn học và nghệ thuật nào có thể tồn tại nếu không được phát biểu ý tưởng mâu thuẫn và những hình ảnh khoa trương không thể được sử dụng như một mưu chước nghệ thuật ».

Bản tin Việt tấn xã đã dịch như thế một đoạn trong đơn khiếu nại của sáu mươi ba nhà văn Nga gửi lên Chủ tịch đoàn của Đại hội thứ 23 Cộng đảng Nga xô, can thiệp về vụ án Siniavsky và Daniel (bị xử tù hồi 14-2-1966 về tội phỉ báng nhà nước xô viết và lén gửi tác phẩm ra in ở ngoại quốc). Sáu mươi ba nhà văn nói trên xin bảo lãnh cho hai nhà văn đang bị tù.

Đoạn văn trích dịch vừa rồi có thể diễn ra nôm na như thế này để cho rõ quan niệm của một nhóm văn nghệ sĩ chống nhà nước Xô viết :

— Văn nghệ phải được phép công kích nhà nước ;

— Muốn công kích, phải được phép phóng đại sự việc để chế giễu ;

— Nếu không được hai phép ấy thì sẽ chết ngóm không những hai mọi nhà văn mà sẽ chết luôn cả nền văn nghệ.

John Steinbeck và Việt Nam

Nhật báo News-day (xuất bản tại ngoại ô Nữu Ước) tính đưa nhà văn John Steinbeck sang Việt Nam làm đặc phái viên tại đây và miền Đông Nam Á.

Chúng ta còn nhớ sự trao đổi ý kiến giữa Steinbeck và Evstouchenko vừa rồi về vấn đề chiến tranh ở Việt Nam. Phải chăng vì câu chuyện này mà báo giới coi tác giả *Men uất hận* là kẻ sành về Việt Nam ?

Tiếp theo việc J. Steinbeck qua Sài-gòn, lại có tên Dos Passos cùng ký với cựu tổng thống Mỹ Eisenhower vào một tuyên ngôn chống phản chiến tại Việt Nam.

Dos Passos và J. Steinbeck là hai văn hào Mỹ nổi danh một thời vì thái độ khuynh tả.

Giải Goncourt

Edmonde Charles-Roux là người đàn bà thứ năm được giải Goncourt (trước bà, thì Elsa Triolet được thưởng năm 1944, Béatrix Beck năm 1952, Simone de Beauvoir năm 1954 và Anna Langfus năm 1962). Tuy vậy E. Charles Roux vẫn có chỗ đặc biệt là bà đã thành công ngay với cuốn tiểu thuyết đầu tiên : *Oublier Palerme*.

Nói thế không có nghĩa E. Charles-Roux là một mầm non văn nghệ. Từ lâu bà đã cộng tác với tờ *Elle* và làm chủ bút tạp chí *Vogue*. Hồi đệ nhị thế chiến bà có làm cứu thương trong quân đội, bị thương, được gắn huy chương. Vốn là con gái một nhà ngoại giao nên bà đã sống ở nhiều nơi trên thế giới. Do đó, *Oublier Palerme* là cuốn truyện đối chiếu lối sống ở Sicile với lối sống ở Nữ Uớc. Miền Nam nước Ý có nhiều tập tục cổ t.uyền cũ kỹ nhất so với các nước Tây Âu, bởi vậy mà con người từ đó tách ra để đi thẳng qua Hoa Kỳ thì thấy rất là khó chịu. Tác giả bênh vực tập tục cũ, công kích nếp sống Mỹ.

Truyện viết theo kỹ thuật cổ điển, nhiều người cho rằng có vẻ hơi rời rạc. Tuy vậy, đa số các nhà phê bình cho là tác phẩm xứng đáng với giải thưởng.

Giải Renaudot

Trường hợp giải Renaudot trái hẳn với trường hợp giải Goncourt. Bên Goncourt người ta chọn một cuốn sách hay của một tác giả mới, vô danh. Bên giải Renaudot trái lại, hình như người ta không chọn sách mà chọn người. *La bataille de Toulouse* không phải là tác phẩm xuất sắc nhất của J. Cabanis, nhưng J. Cabanis thì vẫn là một tác giả xuất sắc từ lâu nay.

Từ 1952 đến giờ cứ trung bình hai năm cho in một cuốn, José Cabanis đã sản xuất khá nhiều.

Gần đây, các cuốn tiểu thuyết của ông lần lần bày ra một nét đặc biệt. nhiều cuốn cùng xoay, chung quanh một số nhân vật quen thuộc, cùng diễn ra ở một khung cảnh chung là miền Tou-

louse, cùng có tính cách tự truyện, với những suy tư, cảm tưởng, hồi ức v.v.. của tác giả, lẫn với chút ít tưởng tượng.

La bataille de Toulouse tiêu biểu cho đường lối sáng tác ấy, nghĩa là tiêu biểu cho José Cabanis. Nó được toàn thể hội đồng giải Renaudot chấp thuận ngay từ cuộc bỏ phiếu đầu tiên.

Cả hai J. Cabanis và Charles-Roux, có một điều giống nhau là họ có ít thì giờ để sáng tác. E. Charles-Roux chỉ viết được vào ngày chủ nhật (các ngày khác bị bận rộn vì nghề làm báo mà bà mới quyết định từ bỏ), vì vậy truyện của bà phải viết trong sáu năm mới xong. Bà kêu rằng nó mất mạch lạc vì lối làm việc cực khổ ấy. Còn J. Cabanis thì bận công việc ở tòa án nên sáng phải dậy thật sớm để viết

BẢO THIẾU NHI

Tuổi Xanh, một tờ báo thiếu-nhi lành mạnh vui đẹp, rất được các em học sinh ưa chuộng, mới đây vừa tăng cường Bộ-biên-tập (ngoài nhà văn, nhà giáo Bảo-Vân làm chủ bút còn thêm nữ-sĩ Minh-Quân phụ-trách Thư-ký Toà-soạn) và kể từ số 31 (ra ngày 16-4-66) Tuổi Xanh, đã đổi từ tuần-san ra bán-nguyệt-san. Số báo mới, vẫn khổ 14 x 22, bìa in offset rất đẹp, dày gấp đôi số cũ, 68 trang gồm nhiều truyện ngắn, truyện dài, truyện dịch, các mục tìm hiểu khoa học, đồ vui... và 3 truyện bằng tranh. Mỗi số giá 10\$. Báo quán đặt tại 380 Nhật-Tảo Chợ-Lớn.

Xin trân trọng giới thiệu Tuổi-Xanh cùng quý vị phụ huynh học-sinh, độc-giả Bách Khoa Thời Đại.

vội viết vắn, rồi dọc đường vừa lái xe ông vừa suy nghĩ, có khi bắt gặp một ý hay liền ngừng xe lại để ghi chép. Truyện của ông, từ cuốn này tới cuốn kia, cứ mỗi ngày mỗi ngắn dần. Các nhà phê bình thì tiên đoán sẽ có ngày ông chỉ cho xuất bản thứ tiểu thuyết một câu! Còn các nhà xuất bản thì lo ngại rằng sách mỏng khó trúng giải thưởng. Rốt cuộc cuốn mỏng nhất được thưởng.

Vài ba giải khác.

Hàn-lâm-viện Pháp quốc năm nay có lối làm việc khác mọi năm. Mọi năm, các ông Hàn chọn giải tiểu thuyết rất sớm, và kết quả ít được dư luận chú

ý. Năm nay, các ông nhích tới gần ngày giải Goncourt chỉ sớm hơn giải Goncourt có bốn hôm. Thế rồi trong khi bên giải Goncourt đang rộn rịp chọn lựa giữa mấy tác giả vào chung kết thì các ông Hàn Pháp quốc nhanh tay thưởng trước cho François Nourissier là kẻ rất được chú ý bên Goncourt! Tác giả *Une histoire française* năm nay mới vừa ba mươi chín tuổi, đã viết chừng mười cuốn sách và cưới được ba người vợ.

Giải Femina năm nay thưởng cho cuốn *Nature morte devant la fenêtre* của Irène Monesi. Giải Medicis thưởng cho cuốn *Une saison dans la vie d'Emmanuel* của Marie Claire Blais.

TRANG-THIÊN

« Đêm dài một đời »

tác phẩm của Lê-Tất-Điền, đã trúng giải truyện dài 1966 của Trung Tâm Văn bút Việt-Nam, mà giải thưởng được trao tặng cho tác-giả trong một buổi lễ long trọng do Trung tâm V.B.V.N. tổ chức vào hồi 18 giờ ngày 1-2-1966 tại thính đường Trường Quốc-Gia âm-nhạc Saigon. B.S. Nguyễn-Lưu-Viên, Phó Chủ-Tịch UBHPTU kiêm Tổng-ủy-viên văn-hóa xã-hội, chủ tọa buổi lễ này với sự hiện diện của đông đảo các tùy-viên văn hóa các tòa đại-sứ ngoại quốc tại VN. và một số các nhà văn nhà báo ở Thủ-đô. Đặc-biệt tham dự buổi lễ còn có một số em học sinh khiếm-thị, những em đã sống trong thế giới « Đêm dài... » mà cuộc đời có lẽ ít nhiều đã cung cấp chất-liệu cho tác phẩm trúng giải.

Trong diễn-văn khai-mạc, sau lời cảm tạ quan khách, nhà thơ Vũ-Hoàng-Chương đã cho biết đây là lần thứ hai Hội Bút-Việt tặng giải thưởng văn-chương, giải truyện dài. Lần thứ nhất, năm ngoái, là giải thưởng về truyện ngắn. Khi trình bày những nhận xét về tác-phẩm trúng giải, nữ sĩ Minh Đức Hoài-Trinh, đại diện Hội đồng tuyển-trạch — gồm các nhà văn : Vi-Huyền-Đắc, Đỗ-Đức-Thu, Võ Phiến, Vũ Hạnh và Minh-Đức H.T. — cho rằng trong hai năm, giải của Bút Việt đều được chọn trong số những bản thảo gởi đến dự tuyển, chưa từng ấn hành; như vậy lẽ ra thì ta phải chờ đợi ở nhà văn và tác phẩm trúng giải « một tài năng mới xuất hiện, một kỹ-thuật mới đưa ra thử thách », nhưng cả hai lần, giải-thưởng vẫn về các văn-hữu tên tuổi, từng in nhiều tác-phẩm có giá trị. Đó là một vinh hạnh cho ban tổ-chức giải Bút-Việt, vì nó « chứng tỏ lòng tín-nhiệm của văn-giới, của cả

những tác giả nhiều thành tích, đối với giải thưởng ». Về tác phẩm của Lê tất Điều tất cả hội đồng tuyên-trạch đều đồng ý với nhau không phân vân « bởi vì giá trị của « Đêm dài cuộc đời » rõ ràng và vững chắc. »

Sau khi nhận giải-thưởng — gồm một ấn-bản đặc-biệt của tác-phẩm và 20.000đ do vị Tổng Ủy viên Văn-hóa xã-hội trao lại nhà văn Lê tất Điều, bằng một giọng trầm tình, cảm ơn hội-dồng tuyên trạch, các quý vị có mặt trong buổi lễ rồi anh trình bày quá-trình sáng tác của anh :

« Truyện sẽ mời quý vị vào thăm thế giới của những người mất ánh sáng một thế giới tưởng chừng tối tăm u ám mà thực ra lại bừng bừng không khí chiến đấu. Chúng tôi đã cố gắng mà chỉ ghi được một phần nhỏ. Sự thiếu sót đó do ngòi bút mô tả của chúng tôi còn hơi hợt, chưa đạt đến độ tinh vi, vững chắc, và cũng do thời gian nghiên cứu của chúng tôi chưa đủ dài. Nếu một lần nào quý vị có dịp đến thăm thế giới thực sự của « Đêm dài... » chắc lời nói của chúng tôi sẽ được chứng minh.

« Suốt thời gian đến với những em khiếm thị, tôi đã được hưởng một tình bạn hết sức chân thành. Chính các em đã vô tình dạy chúng tôi những bài học về phấn đấu và hy vọng. Tôi đã hiểu thế nào là sự nhẫn nhục, chịu đựng thường xuyên. Tôi cảm thông một phần những cố gắng đè nén sự nổi loạn nơi một tâm hồn bất mãn hầu như suốt đời. Có những buổi chiều ngồi với nhau trên ghế đá trong

QUÝ-VỊ BẤY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÂM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sử — Téléphone 20.821 — SAIGON

phòng khách, những buổi tối qui tụ trên bãi cỏ sân sau trường Nam, chúng tôi đã chia sẻ với nhau những mơ ước tương lai. Nhiều ước mơ thật nhỏ bé, giản dị. Nhiều ước mơ khiêm tốn đến nỗi khiến người nghe phải cảm thấy chua xót, ngượng ngịu. Càng chua xót, ngượng ngùng hơn khi mình không giúp được một chút gì vào việc thực hiện những ước mơ khiêm tốn ấy. Chúng tôi đã chỉ có thể đem đến cho các em những câu an ủi, những mẩu chuyện tâm thường, thực ra chưa xứng đáng chút nào với sự quý mến, tin cậy mà các em dành cho chúng tôi ».

Sau hết, nhà văn trúng giải văn chương Bút Việt 1966 ngỏ ý xin trích ở tác quyền ra 10.000đ để tặng các em học sinh khiếm thị.

Tất cả những người có mặt trong buổi lễ hôm đó đều vô cùng cảm động, khi bà Quách thị Lang Tài, hiệu trưởng trường nữ, và Thiếu tá Phạm văn Sương hiệu trưởng trường Nam, một sĩ quan khiếm thị, phải có người dẫn dắt, lên nhận « món quà nhỏ của một người cầm bút nghèo muốn được góp vui với các em trong đêm Giáng-Sinh sắp tới ».

Buổi lễ bế mạc, sau khi bác sĩ Nguyễn-lưu-Viên lên máy vi âm tỏ bày cảm tưởng nhân buổi trao tặng giải thưởng và trình bày về tổ chức và chương trình hoạt động của Bộ Văn Hóa mới được thành lập, do ông điều khiển.

THẾ NHÂN

Đại hội Quân Y 1966

Đại hội quân y năm nay được tổ chức trong bốn ngày từ 27 tháng 12 đến 30 tháng 12-1966 tại trường Quân Y đường Nguyễn Tri Phương nổi dài (phía dưới chợ cá Trần Quốc Toản)

Đại hội gồm nhiều buổi nói chuyện, thuyết trình, hội thảo chung quanh đề tài « Vấn đề Y tế trong sách lược xây dựng nông thôn » với các đề mục: y tế nông thôn, xây dựng nông thôn, hoạt động quân y dân sự vụ, hoạt động MilPhap của toán y tế quân viện, chính sách thông tin chiêu hồi nhằm vào nông thôn và tổ chức dân y, quân y của Việt Cộng.

- Đại hội lại thiết lập một phòng triển lãm y tế dân sự và quân sự, có kèm theo để trưng bày một số chiến lợi phẩm y-tế bắt được của Việt Cộng

Đại hội khai mạc bằng một lễ măn khoá trên một trăm các quân-y nha-dược sĩ tốt nghiệp khoá 13 hiện dịch vào sáng thứ ba 27-12 và kết thúc vào tối thứ sáu 30-12 bằng một buổi họp mặt tất cả các giới quân y, dân y liên hệ, các phái bộ y tế đồng minh, các đoàn viên quân y và các sĩ quan tân khoa.

THIỆN Ý

Thư ngỏ của Tạp-chí Tin-Văn

Kính gửi : — Báo SỐNG

— Các nhật-báo các tạp chí

— Nghiệp-Đoàn Ký-Giả Hội Chủ Báo

— Các Hội-Đoàn Văn-Hóa

tại Saigon

Trong mục « AO THẢ VỊT » báo SỐNG của Ông CHU-TỬ ngày 7/8/1966 đăng bài nói rằng Ông DŨNG tức V.H. đã viết bài công-kích các ÔNG THẾ-UYÊN, LÊ-XUYÊN, CHU-TỬ. Cũng ở mục này, ngày 26/11/65, báo SỐNG lại đăng bài mạt-sát Ông DŨNG tức là VŨ-HẠNH và CHO RẰNG ÔNG VŨ-HẠNH LÀ LŨ PHƯƠNG Ở TẠP-CHÍ TIN VĂN.

TẠP-CHÍ TIN-VĂN thấy cần phải lên tiếng vì trách-nhiệm của TIN-VĂN đối người cộng tác cũng như đối với độc-giả :

1/ Nhà Văn VŨ-HẠNH mà báo-chí THỦ-ĐÔ nhiều lần nêu tiểu-sử, hiện đang cộng-tác với Tin-Văn trong phần lý luận Văn-Nghệ và sáng-tác truyện dài. Còn Ông LŨ-PHƯƠNG, Giáo-Sư Trường Trung học THOẠI NGỌC HẦU ở Long Xuyên mà Tin Văn số 4 đã giới-thiệu, đăng ảnh, đang cộng-tác với Tin-Văn trong phần phê-bình Văn-Học, là tác-giả những bài phê-bình những tác, phẩm SA-ĐOÀ, ĐÔI-TRUY của Ông CHU-TỬ và Ông LÊ-XUYÊN.

Như thế, nhà văn VŨ-HẠNH và Giáo-Sư LŨ-PHƯƠNG là HAI NGƯỜI đang cộng-tác với Tin-Văn. Mặc dầu đồng-bào Thủ-Đô rất quen thuộc hai Ông VŨ-HẠNH và LŨ-PHƯƠNG trong các buổi diễn-thuyết công-cộng về đề tài « VĂN-HÓA DÂN-TỘC », nhưng Tin Văn cần nói rõ để bạn đọc ở xa tránh sự ngộ-nhận do sự « lầm-lẫn » bởi cơ-quan ngôn-luận của Ông CHU-TỬ gây ra.

2) Trong thư ngỏ đăng trong Tin-Văn số 1 ra mắt độc-giả ngày 6-6-66 nêu rõ lập trường Văn-Nghệ Dân Tộc, lành mạnh, chống văn nghệ đôi-truy lai - căng, Tin Văn có mời gọi sự đối - thoại của những trường phái khuynh-hướng nghệ-thuật dị-dồng, Tin-Văn xin nhắc lại và mong-mỏi sự đối thoại của Ông CHU-TỬ trên bình-diện văn-học nghệ-thuật, đồng thời phủ-nhận những thái-độ chụp mũ, vu-cáo chánh-trị và đơ-tư đối với bất-cứ Văn-Nghệ Sĩ nào.

Tin-Văn cũng thiết-tha mong-mỏi các bạn Văn-Nghệ-Sĩ và độc-giả tham-gia cuộc đối-thoại này.

SAIGON, ngày 27 tháng 11 năm 1966

NGUYỄN-NGỌC-LƯƠNG

Cùng Bộ Biên-Tập TIN-VĂN

— Kính gửi Nhật-báo SỐNG « đề yêu cầu đăng nguyên văn »

ĐỒNG KÍNH GỬI :

— Các nhật-báo, các tạp-chí « đề nhờ phổ-biến giúp »

— Nghiệp-Đoàn Ký-Giả, Hội Chủ-Báo « đề thông báo »

— Các Hội-Đoàn Văn-Hóa « đề thông-báo ».

HỘP THƯ

Bách-khoa T.D. đã nhận được những bài sau đây :

Bao la; Đất; Động tình; Cảnh tượng khôn cùng; Sương hoa (Đinh-xuân-Phương) — Hai con chim (Châu-văn-Bình); Ngáy về (Chu-minh-Thụy). Thư cho đứa cháu gái; Ngợi ca; Thần thoại tôi; Chờ phiên (Nguyễn-tĩnh-Đông). Quê tôi (Nguyễn Dân); Làm sao em ngủ cho ngoan (Lâm Chương). Sự nghiệp; Quê hương 1 (Diệu-chương-Tử). Vùng đất xa mù (Trịnh-khả-Nguyên). Màu sương khói; Bỏ lại; Ngôi trường kiểu mẫu (Trần-quí-Sách).

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn.

oOo

Ô. Nguyễn-kim-Phượng. (Đà-nẵng) Đã nhận được truyện dịch mới gửi và sẽ đăng ngay trên số tới trong dịp Noël. Những truyện khác sẽ làm theo lời ông dặn trong thư và sẽ trả lời nhiều hơn ở thư riêng.

Ô. Vũ - Ngô - Mưu. Chúng tôi đã chuyển lá thư của ông cho Ô. N.H.L. Lá thư đó đăng lên B.K. không tiện. Mong có dịp gặp ông sẽ xin trình bày nhiều hơn.

Ô. Mê Kung Xin ông cho biết tên thật và địa chỉ để tiện liên-lạc

Ô Mạc-Khải. Đã nhận được thư và hai truyện ngắn. Xin trân trọng cảm ơn và sẽ xin gửi thư riêng.

Ô. Nguyễn-Nhự. (Hội-An, Quảng-Nam). Bách-Khoa từ 1 đến 168 chỉ thiếu có 3 số : 9, 12 và 28. Ông có thể mua số rời hoặc đã đóng thành tập. Giá 24 số là 200đ. Nếu đóng tập, thì công đóng mỗi tập là 30đ. (có tập 12 số, trong 4 năm đầu, và tập 6 số, những năm về sau).

Anh Trần-huyền-Ấn (Nha Trang) Đã nhận được thư, thơ và truyện của anh. Rất cảm ơn và sẽ xin trả lời bằng thư riêng.

Ô. Phạm-văn-Tuấn. (Gia Định). Trân trọng mời ông ghé qua tòa soạn Bách-Khoa vào những giờ làm việc để được hội-ý với ông về mấy bài đã nhận được.

Anh Phan-Du. (Huế). Đã nhận được hình. Rất cảm ơn anh.

Ô. Hoàng-Ngọc-Hiền. (Côn-Sơn). Chúng tôi không muốn trở lại những vấn đề của Đoàn trường tân-thanh nữa. Mong ông thông cảm cho.

BÁCH KHOA THỜI ĐẠI

Số kỷ-niệm 10 năm (Tết Đinh-Mùi)

— 10 năm Chính-trị, kinh-tế, văn-học, khoa-học, hội-họa, giáo-dục...

— 10 năm cầm bút của Võ-Phiến, Vũ-Hạnh, Đoàn-Thêm, Nguyễn-Hiến-Lê, Nguyễn-văn-Trung, Nguyễn-Ngu-Í...

— Những sáng tác đặc-sắc nhất của Võ-Phiến, Võ-Hồng, Y-Uyên, Lê-Tất-Điều, Vũ-Đoài v.v.v...

Đón đọc :

Tạp - chí **TIN VĂN**

do một nhóm trí thức và văn nghệ sĩ chủ trương
phát hành vào ngày **15** và **30** mỗi tháng

- **ĐÀN ÔNG** của Võ-Phiến — giá 50đ — với phụ bản Trịnh Cung và Hoàng Ngọc Biên.
- **CÁC TRÀO LƯU LỚN CỦA TƯ TƯỞNG HIỆN ĐẠI** (in lần thứ ba) của André Maurois, do Trầg Thiên dịch — giá 24đ
- **HẦM BỐN GIỜ TRONG ĐỜI MỘT GƯỜI ĐÀN BÀ** (in lần thứ ba) của Stéfan Zweig, do Trần Thiên dịch — 34đ

Tìm đọc sách của nhà xuất bản SÁNG-TẠO

Ba tác phẩm của Doãn Quốc Sỹ

- **BA SINH HƯƠNG LỬA** (ấn bản mới)
- **DÒNG SÔNG ĐỊNH MỆNH** (ấn bản mới)
- **NHỮNG NGÃ SÔNG** (truyện dài)

Hai tác phẩm của Trần Thanh Hiệp

- **VÀO ĐỜI** (thơ)
- **TIẾP NỐI** (tập truyện)

đón đọc :

- **NHẬT KÝ ANNE FRANK**
của Anne Frank
- **Ca khúc TRỊNH CÔNG SƠN**
tập nhạc tuyển của Trịnh Công Sơn
- **TRỜI THÁNG TƯ**
của Phạm Công Thiện
- **HỒ THẨM CỦA TƯ TƯỞNG**
của Phạm Công Thiện
- **HƯƠNG CỎ MAY**
của Tuấn Huy

do nhà **AN TIÊM** phát hành trong tháng 12/66

Kiểm Duyệt số : 3/20 ngày 16-12-1966 T.B.T.T.C.H.